GRI STANDARDS

GRI 14: Ngành Khai khoáng 2024 V1.1

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2026

TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH

14

GRI 14: Ngành Khai khoáng 2024 V1.1

Tiêu chuẩn theo Ngành

Ngày Hiệu Lực
Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Trách nhiệm
Tiêu chuẩn này được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ
Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý
Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu
Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting.

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-146-4

GRI 14: Ngành Khai khoáng 2024 V1.1

Lịch sử cập nhật

Phiên bản (V)	Tóm tắt các thay đổi	Tiêu chuẩn theo Chủ đề Có liên quan
V1.1 Được phát hành vào ngày 1 tháng 1 năm 2026	**Chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu** • Các chủ đề có khả năng là trọng yếu 14.1 Phát thải KNK và 14.2 Thích ứng với biến đổi khí hậu, khả năng phục hồi và chuyển đổi đã được gộp lại thành một chủ đề. Mô tả chủ đề đã được cập nhật với thuật ngữ và các khái niệm theo *GRI 102 và GRI 103*. *Công bố thông tin từ GRI 302: Năng lượng 2016 và GRI 305: Phát thải 2016 đã được thay thế bằng:* • **GRI 102:** Các công bố thông tin từ 102-1 đến 102-10, bao gồm thông tin về kế hoạch chuyển đổi và thích ứng của tổ chức, chuyển đổi công bằng, phát thải KNK, loại bỏ KNK và tín chỉ cacbon. Do đó, một số khuyến nghị và công bố thông tin bổ sung theo ngành đã được loại bỏ hoặc điều chỉnh. • **GRI 103:** Các công bố thông tin từ 103-1 đến 103-4, bao gồm thông tin về chính sách và cam kết về năng lượng của tổ chức, cũng như mức tiêu thụ và cường độ năng lượng. Xem chi tiết các thay đổi **tại đây**.	*GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025* (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027) *GRI 103: Năng lượng 2025* (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027)

Mục Lục

Giới thiệu **5**

1. Hồ sơ về ngành **10**
Các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh trong ngành **10**
Ngành và sự phát triển bền vững **11**

2. Các chủ đề có khả năng là chủ đề trọng yếu **15**
Công bố thông tin tại khu mỏ **15**
Chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu **17**
Chủ đề 14.3 Khí thải **21**
Chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học **23**
Chủ đề 14.5 Chất thải **25**
Chủ đề 14.6 Quặng đuôi **29**
Chủ đề 14.7 Nước và nước thải **31**
Chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi **33**
Chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế **37**
Chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương **41**
Chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương **45**
Chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên **48**
Chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ **50**
Chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh **52**
Chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng **54**
Chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp **56**
Chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm **59**
Chủ đề 14.18 Lao động trẻ em **61**
Chủ đề 14.19 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại **63**
Chủ đề 14.20 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể **65**
Chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng **67**
Chủ đề 14.22 Chống tham nhũng **70**
Chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ **73**
Chủ đề 14.24 Chính sách công **76**
Chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao **78**

Thuật ngữ **80**

Tài liệu tham khảo **92**

Giới thiệu

GRI 14: Ngành Khai khoáng 2024 V1.1 cung cấp thông tin cho các tổ chức tham gia hoạt động khai khoáng về các chủ đề có khả năng là chủ đề trọng yếu. Những chủ đề này có khả năng là trọng yếu đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng dựa vào những tác động đáng kể nhất của ngành đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người.

GRI 14 cũng bao gồm danh sách các công bố thông tin mà các tổ chức trong ngành khai khoáng cần báo cáo đối với từng chủ đề có khả năng là trọng yếu. Danh sách này bao gồm các công bố thông tin từ các Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề và từ các nguồn khác.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- Phần 1 cung cấp thông tin tổng quan ở góc độ khái quát về ngành khai khoáng, bao gồm các hoạt động, mối quan hệ kinh doanh, bối cảnh và mối liên hệ giữa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) của Liên hợp quốc với các chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với ngành này.
- Phần 2 nêu rõ các chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng và do đó có thể cần được báo cáo. Đối với mỗi chủ đề có khả năng là trọng yếu, phải trình bày các tác động đáng kể nhất đối với ngành và liệt kê các bản công bố thông tin để báo cáo về tác động của tổ chức đối với chủ đề đó.
- Bảng thuật ngữ bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản và được liên kết đến định nghĩa.
- Tài liệu tham khảo liệt kê theo chủ đề các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này. Đồng thời cũng liệt kê các tài nguyên bổ sung mà tổ chức có thể tham khảo.

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày tổng quan về các ngành mà Tiêu chuẩn này áp dụng, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Ngành mà Tiêu chuẩn này áp dụng

GRI 14 áp dụng cho các tổ chức thực hiện bất kỳ hoạt động nào sau đây:

- Thăm dò, khai thác, bao gồm cả khai thác đá và xử lý sơ cấp[1] tất cả các loại khoáng sản, kim loại và phi kim, ngoại trừ khai khoáng và than đá.[2]
- Các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động khai khoáng, chẳng hạn như vận chuyển và lưu trữ, khi được tích hợp vào các hoạt động cốt lõi của tổ chức khai khoáng.
- Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chuyên dụng cho các tổ chức khai khoáng, chẳng hạn như các sản phẩm và dịch vụ do các nhà thầu cung cấp cho các hoạt động Thiết kế, Cung cấp hàng hoá, và Xây lắp (EPC) và hoạt động vận hành nêu trên.

Mọi tổ chức trong ngành khai khoáng, bất kể quy mô, loại hình, vị trí địa lý hay kinh nghiệm báo cáo, đều có thể sử dụng Tiêu chuẩn này. Tiêu chuẩn này không được thiết kế để ghi nhận các tác động đặc thù của ngành khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM). Tuy nhiên, Tiêu chuẩn này cũng xem xét các tác động mà các tổ chức khai khoáng có thể gây ra đối với các đơn vị khai thác ASM, cũng như các tác động mà họ có thể có liên quan thông qua các mối quan hệ kinh doanh, tương tác hoặc do các hoạt động của họ diễn ra tại cùng một địa điểm với đơn vị ASM.[3]

Tổ chức phải sử dụng tất cả các Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các ngành mà tổ chức có hoạt động đáng kể.

Phân loại ngành

Bảng 1 liệt kê các nhóm ngành liên quan đến ngành khai khoáng được đề cập trong Tiêu chuẩn này theo Tiêu chuẩn Phân loại Ngành Toàn cầu (GICS®) [5], Tiêu chuẩn Phân loại Ngành (ICB) [3], Phân loại Ngành theo Tiêu chuẩn Quốc tế cho Tất cả các Hoạt động Kinh tế (ISIC) [7] và Hệ thống Phân loại Ngành Phát triển bền vững (SICS®) [6][4]. Bảng này nhằm mục đích hỗ trợ một tổ chức xác định xem liệu *GRI 14* có áp dụng cho họ hay không và chỉ mang tính chất tham khảo.

1 Quá trình xử lý sơ cấp có thể bao gồm các công đoạn như nghiền, đập, nghiền mịn, tuyển quặng và hoà tách để tách các khoáng vật có giá trị kinh tế ra khỏi quặng. Các giai đoạn xử lý tiếp theo, chẳng hạn như luyện kim, tinh luyện và tái chế kim loại, sẽ là chủ đề của một Tiêu chuẩn GRI theo Ngành khác.

2 Các ngành khai khoáng và than đá có các Tiêu chuẩn theo Ngành riêng: *GRI 11: Ngành Khai khoáng 2021* và *GRI 12 Ngành Than đá 2022*.

3 Trong Tiêu chuẩn này, ASM được hiểu là bao gồm các hoạt động chính thức hoặc không chính thức, thường gắn liền với các hình thức khai khoáng đơn giản, khả năng tiếp cận công nghệ hạn chế và cường độ lao động cao. ASM có thể bao gồm các cá nhân khai thác, các gia đình và các hợp tác xã với quy mô lên đến hàng trăm hoặc thậm chí hàng nghìn thợ mỏ tham gia.

4 Các nhóm ngành có liên quan trong hệ thống Phân loại thống kê các Hoạt động Kinh tế của Cộng đồng Châu Âu (NACE) [1] và Hệ thống Phân loại Ngành Bắc Mỹ (NAICS) [2] cũng có thể được xác định thông qua các bảng đối chiếu tương đồng hiện có với hệ thống Phân loại Ngành Tiêu chuẩn Quốc tế (ISIC).

Bảng 1. Các nhóm ngành liên quan đến ngành khai khoáng trong các hệ thống phân loại khác

HỆ THỐNG PHÂN LOẠI	SỐ PHÂN LOẠI	TÊN PHÂN LOẠI
GICS©	151040	Kim loại và Khai khoáng (không bao gồm các nhà sản xuất nhôm và thép, và hoạt động tái chế kim loại)
ICB	551020000	Khai khoáng Tổng hợp
	55102010	Sắt và Thép (không bao gồm các nhà sản xuất thép và hoạt động tái chế kim loại)
	55102035	Nhôm (không bao gồm các nhà sản xuất nhôm và hoạt động tái chế kim loại)
	55102040	Đồng (không bao gồm các cơ sở luyện kim và hoạt động tái chế kim loại)
	55102050	Kim loại Màu (không bao gồm các cơ sở luyện kim và hoạt động tái chế kim loại)
	55103020	Kim cương và Đá quý
	55103025	Khai thác Vàng (không bao gồm các cơ sở luyện kim và hoạt động tái chế kim loại)
	55103030	Bạch kim và kim loại quý (không bao gồm các cơ sở luyện kim và hoạt động tái chế kim loại)
ISIC	07	Khai thác quặng kim loại
	08	Khai khoáng và khai thác đá khác
	099	Các hoạt động hỗ trợ khai khoáng và khai thác đá khác
SICS	EM-3	Kim loại và Khai khoáng (không bao gồm các nhà sản xuất nhôm và thép, và hoạt động tái chế kim loại)

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI hướng dẫn tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem Hình 1 trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3
GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo *GRI 1*.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định các chủ đề trọng yếu .Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

Tiêu chuẩn theo Ngành
Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề
Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua *GRI 3*.

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ

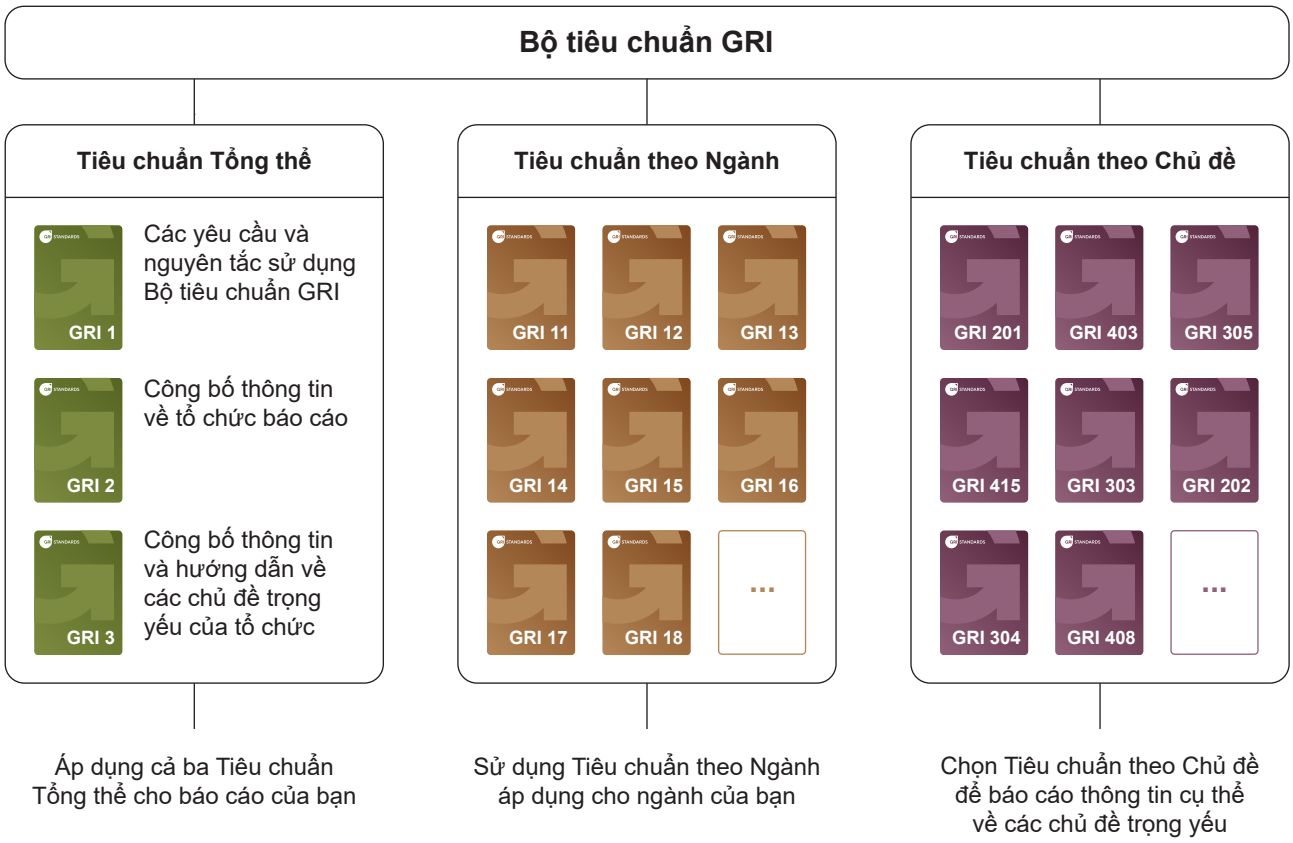

Sử dụng Tiêu chuẩn này

Khi lập báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI, tổ chức trong ngành khai khoáng bắt buộc phải sử dụng Tiêu chuẩn này khi xác định các chủ đề trọng yếu và sau đó khi xác định những thông tin cần báo cáo cho các chủ đề trọng yếu đó.

Xác định chủ đề trọng yếu

Các chủ đề trọng yếu phản ánh các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả quyền con người.

Phần 1 của Tiêu chuẩn này cung cấp thông tin bối cảnh có thể hỗ trợ tổ chức trong việc xác định và đánh giá các tác động của mình.

Phần 2 trình bày những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng.

Tổ chức phải rà soát từng chủ đề được mô tả và quyết định chủ đề đó có phải là chủ đề trọng yếu đối với tổ chức hay không. Tổ chức cần sử dụng Tiêu chuẩn này khi xác định các chủ đề trọng yếu của mình. Tuy nhiên, mỗi tổ chức lại có hoàn cảnh khác nhau và tổ chức cần xác định các chủ đề trọng yếu của mình dựa trên hoàn cảnh đặc thù, chẳng hạn như mô hình kinh doanh; bối cảnh hoạt động trên phương diện địa lý, văn hóa và pháp lý; cơ cấu sở hữu; cũng như tính chất của các tác động từ tổ chức. Vì lý do này, không phải tất cả các chủ đề được liệt kê trong Tiêu chuẩn này đều mang tính trọng yếu đối với mọi tổ chức trong ngành khai khoáng. Xem *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết hướng dẫn từng bước về cách xác định các chủ đề trọng yếu.

Nếu đã xác định bất kỳ chủ đề nào trong Tiêu chuẩn này không mang tính trọng yếu, tổ chức phải liệt kê chủ đề đó trong chỉ mục nội dung GRI và giải thích lý do chủ đề đó không phải là chủ đề trọng yếu.

Xem *Yêu cầu 3 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* và Ô 5 trong *GRI 3* để biết thêm thông tin về việc sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành nhằm xác định các chủ đề trọng yếu.

Xác định nội dung báo cáo

Đối với mỗi chủ đề trọng yếu, tổ chức sẽ báo cáo thông tin về tác động của mình cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Khi tổ chức đã xác định một chủ đề có trong Tiêu chuẩn này là trọng yếu thì Tiêu chuẩn cũng sẽ giúp tổ chức xác định các nội dung công bố thông tin để báo cáo thông tin về tác động của tổ chức liên quan đến chủ đề đó.

Mỗi chủ đề trong phần 2 của Tiêu chuẩn này đều kèm theo một tiểu mục báo cáo. Các tiểu phần này liệt kê các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề liên quan đến chủ đề đó. Trong đó cũng có thể liệt kê các nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành để tổ chức báo cáo. Việc này được thực hiện trong trường hợp Tiêu chuẩn theo Chủ đề không cung cấp các nội dung công bố thông tin, hoặc khi các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề không cung cấp đủ thông tin về tác động của tổ chức liên quan đến chủ đề đó. Các nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành này có thể dựa trên các nguồn khác. Hình 2 minh họa cấu trúc báo cáo trong mỗi chủ đề.

Tổ chức phải báo cáo nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề đã liệt kê đối với các chủ đề mà tổ chức xác định là trọng yếu. Nếu bất kỳ nội dung công bố thông tin nào trong Tiêu chuẩn theo Chủ đề được liệt kê không liên quan đến tác động của tổ chức, thì tổ chức không bắt buộc phải báo cáo nội dung công bố thông tin đó. Tuy nhiên, tổ chức phải liệt kê những nội dung công bố thông tin này trong chỉ mục nội dung GRI và đưa ra lý do "không áp dụng" cho việc lược bỏ nội dung công bố thông tin đó. Xem *Yêu cầu 6 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Các nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành nêu rõ những thông tin bổ sung đã được xác định là phù hợp để các tổ chức trong ngành khai khoáng báo cáo về từng chủ đề. Tổ chức phải cung cấp đầy đủ thông tin về tác động của mình liên quan đến từng chủ đề trọng yếu để người dùng thông tin có thể đưa ra đánh giá và quyết định sáng suốt về tổ chức. Vì vậy, báo cáo nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành này là việc làm được khuyến khích chứ không phải là yêu cầu bắt buộc.

Khi báo cáo các nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành, tổ chức bắt buộc phải liệt kê những nội dung này trong chỉ mục nội dung GRI (xem *Yêu cầu 7 trong GRI 1*).

Nếu báo cáo thông tin áp dụng cho nhiều chủ đề trọng yếu khác nhau, tổ chức không cần phải lặp lại thông tin đó cho từng chủ đề. Tổ chức có thể báo cáo thông tin này một lần, kèm theo giải thích rõ ràng về tất cả các chủ đề được đề cập.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Xem *Yêu cầu 5 trong GRI 1* để biết thêm thông tin về việc sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành cho mục đích báo cáo nội dung công bố thông tin.

Số tham chiếu Tiêu chuẩn GRI theo Ngành

Số tham chiếu Tiêu chuẩn GRI theo Ngành được bao gồm cho tất cả các nội dung công bố thông tin được liệt kê trong Tiêu chuẩn này, bao gồm cả những nội dung công bố thông tin từ Bộ Tiêu chuẩn GRI và nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành. Khi liệt kê các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn này trong chỉ mục nội dung GRI, tổ chức phải đưa vào số tham chiếu của Tiêu chuẩn GRI theo Ngành có liên quan (xem Yêu cầu 7 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*). Mã định danh này giúp người dùng thông tin đánh giá xem nội dung công bố thông tin nào được liệt kê trong Tiêu chuẩn theo Ngành hiện hành được đưa vào báo cáo của tổ chức.

Các thuật ngữ được định nghĩa

Các thuật ngữ được định nghĩa được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa tương ứng trong Bảng thuật ngữ. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng khi xây dựng Tiêu chuẩn này, cũng như các nguồn tài liệu bổ sung có thể giúp báo cáo về các chủ đề có khả năng là trọng yếu và có thể được tổ chức tham khảo, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo. Những tài liệu này bổ sung cho các tài liệu tham khảo và nguồn tài liệu được liệt kê trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* và trong Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề.

Hình 2. Cấu trúc báo cáo được đưa vào từng chủ đề

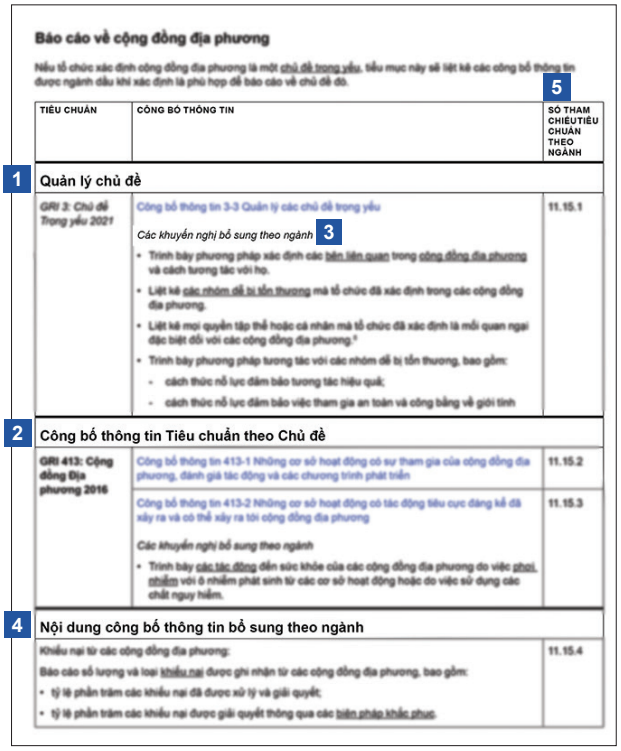

Báo cáo về cộng đồng địa phương

Nếu tổ chức xác định cộng đồng địa phương là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành dầu khí xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề đó.

5

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
1 Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* 3 • Trình bày phương pháp xác định các bên liên quan trong cộng đồng địa phương và cách tương tác với họ. • Liệt kê các nhóm dễ bị tổn thương mà tổ chức đã xác định trong các cộng đồng địa phương. • Liệt kê mọi quyền tập thể hoặc cá nhân mà tổ chức đã xác định là mối quan ngại đặc biệt đối với các cộng đồng địa phương.[1] • Trình bày phương pháp tương tác với các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm: - cách thức nỗ lực đảm bảo tương tác hiệu quả; - cách thức nỗ lực đảm bảo việc tham gia an toàn và công bằng về giới tính	11.15.1
2 Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016	Công bố thông tin 413-1 Những cơ sở hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	11.15.2
	Công bố thông tin 413-2 Những cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực đáng kể đã xảy ra và có thể xảy ra tới cộng đồng địa phương *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các tác động đến sức khỏe của các cộng đồng địa phương do việc phơi nhiễm với ô nhiễm phát sinh từ các cơ sở hoạt động hoặc do việc sử dụng các chất nguy hiểm.	11.15.3
4 Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Khiếu nại từ các cộng đồng địa phương: Báo cáo số lượng và loại khiếu nại được ghi nhận từ các cộng đồng địa phương, bao gồm: • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại đã được xử lý và giải quyết; • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại được giải quyết thông qua các biện pháp khắc phục.		11.15.4

1 Quản lý chủ đề

Tổ chức phải báo cáo cách tổ chức quản lý từng chủ đề trọng yếu theo *Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021*.

2 Các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề đã được xác định là phù hợp cho các tổ chức trong (các) ngành được liệt kê tại đây. Khi xác định một chủ đề là trọng yếu, tổ chức phải báo cáo các nội dung công bố thông tin đó hoặc giải thích lý do tại sao không áp dụng các nội dung đó trong chỉ mục nội dung GRI. Xem Tiêu chuẩn theo Chủ đề để biết nội dung công bố thông tin, bao gồm các yêu cầu, khuyến nghị và hướng dẫn.

3 Các khuyến nghị bổ sung theo ngành

Có thể liệt kê các khuyến nghị bổ sung theo ngành. Nội dung này bổ sung cho các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề và được khuyến nghị cho tổ chức trong (các) ngành đó.

4 Các nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành

Có thể liệt kê các nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành. Việc báo cáo nội dung này, cùng mọi nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề, đảm bảo tổ chức báo cáo đầy đủ thông tin về tác động của mình liên quan đến chủ đề đó.

5 Số tham chiếu Tiêu chuẩn theo Ngành

Các số tham chiếu Tiêu chuẩn GRI theo Ngành phải được đưa vào Chỉ mục Nội dung GRI. Điều này giúp người dùng thông tin đánh giá xem nội dung công bố thông tin nào được liệt kê trong Tiêu chuẩn theo Ngành được đưa vào báo cáo của tổ chức.

1. Hồ sơ về ngành

Khoáng sản là yếu tố thiết yếu để vận hành xã hội và nền kinh tế hiện đại. Ví dụ: khoáng sản được sử dụng để sản xuất thép và các vật liệu khác cho cơ sở hạ tầng, các thành phần thiết yếu cho giao thông vận tải, truyền thông và các giải pháp công nghệ, cũng như để sản xuất phân bón phục vụ canh tác. Khoáng sản là yếu tố không thể thiếu trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp và được sử dụng cho các công nghệ năng lượng tái tạo, như tua-bin gió, tấm pin mặt trời và sản xuất pin lưu trữ điện.

Khoáng sản được chia thành khoáng sản kim loại và khoáng sản phi kim loại. Khoáng sản kim loại (hay kim loại) có thể được phân loại theo đặc tính hoặc chức năng tương ứng. Khoáng sản kim loại bao gồm các kim loại quý (ví dụ: vàng, bạc, bạch kim); kim loại đen (chứa sắt); kim loại màu (ví dụ: nhôm, coban, đồng, liti, urani, kẽm); và các nguyên tố đất hiếm (ví dụ: neodymi, scandi, yttri). Cát, đá, đã vôi, muối kali và kim cương là những ví dụ về khoáng sản phi kim.

Ngành khai khoáng là ngành thâm dụng vốn bao gồm rất nhiều tổ chức. Ngành này bao gồm các công ty niêm yết công khai quy mô lớn thường tích hợp theo ngành trên toàn bộ chuỗi giá trị, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), các tổ chức vừa và nhỏ được gọi là “các công ty quy mô vừa và nhỏ”, thường chuyên về hoạt động thăm dò. Các tổ chức tham gia hoạt động khai thác đá thường ít phức tạp hơn, với ít hoặc không có yêu cầu về xử lý.

Các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh trong ngành

Thông qua các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh, các tổ chức có thể tác động đến nền kinh tế, môi trường và con người, từ đó đóng góp tiêu cực hoặc tích cực vào sự phát triển bền vững. Khi xác định các chủ đề trọng yếu, tổ chức nên cân nhắc tác động từ cả các hoạt động cũng như mối quan hệ kinh doanh của mình. Xem *phần 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết thêm thông tin.

Hoạt động

Tác động của một tổ chức sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại hình hoạt động họ thực hiện. Danh sách sau đây nêu rõ một số hoạt động chính của ngành khai khoáng như được xác định trong Tiêu chuẩn này. Đây không phải là danh sách đầy đủ.

Tác động của một tổ chức sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại hình hoạt động họ thực hiện. Danh sách sau đây nêu rõ một số hoạt động chính của ngành khai khoáng, theo định nghĩa trong Tiêu chuẩn này. Đây không phải là danh sách đầy đủ.

Thăm dò và tìm kiếm: Khảo sát tài nguyên, bao gồm đánh giá tính khả thi, lập bản đồ địa chất, chụp ảnh trên không, đo đạc địa vật lý và khoan thăm dò.

Phát triển: Thiết kế, quy hoạch và xây dựng mỏ, đường dẫn vào mỏ và các cơ sở xử lý, quản lý chất thải và người lao động.

Hoạt động khai khoáng: Khai thác quặng và khoáng sản từ lòng đất bằng các kỹ thuật khác nhau, chẳng hạn như khai thác lộ thiên, khai thác sa khoáng, khai khoáng ngầm hoặc các kỹ thuật khai thác tại chỗ, cũng như xử lý sơ cấp để tách các khoáng sản có giá trị kinh tế khỏi quặng. Giai đoạn này cũng bao gồm việc thải bỏ chất thải và quản lý các cơ sở lưu trữ quặng đuôi.

Đóng cửa và phục hồi: Hoạt động tháo dỡ các cơ sở xử lý, cải tạo đất, khôi phục và phục hồi phù hợp với các mục tiêu sau khi đóng cửa, cũng như đóng cửa và phủ kín các cơ sở xử lý chất thải và cơ sở hạ tầng có liên quan.

Vận chuyển: Vận chuyển khoáng sản và chất thải đến nơi lưu trữ, tiêu thụ hoặc xử lý tiếp theo, ví dụ bằng sà lan, băng tải, tàu hỏa, xe tải hoặc tàu biển, hoặc vận chuyển dưới dạng bùn qua đường ống.

Bảo quản: Lưu trữ khoáng sản tại các khu mỏ hoặc các kho cảng xuất nhập khẩu.

Bán hàng và tiếp thị: Bán khoáng sản, ví dụ để phục vụ sản xuất sắt thép, sản xuất xi măng và sử dụng trong hoạt động sản xuất.

Mối quan hệ kinh doanh

Các mối quan hệ kinh doanh của một tổ chức bao gồm các mối quan hệ của tổ chức với các đối tác kinh doanh, các thực thể trong chuỗi giá trị của tổ chức, bao gồm cả những thực thể gián tiếp, cũng như mọi thực thể khác liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức. Các loại mối quan hệ kinh doanh sau đây phổ biến trong ngành khai khoáng và phù hợp xác định tác động của các tổ chức trong ngành này.

Liên doanh là hình thức hợp tác phổ biến trong ngành khai khoáng, trong đó các tổ chức cùng chia sẻ chi phí, lợi ích và trách nhiệm pháp lý liên quan đến tài sản hoặc dự án. Liên doanh cũng có thể bao gồm quan hệ đối tác với các DNNN. Tổ chức trong ngành khai khoáng có thể liên quan đến các tác động tiêu cực do tham gia vào liên doanh, ngay cả khi là đối tác không tham gia điều hành.

Nhà cung cấp chiếm một phần đáng kể trong chi tiêu tại khu mỏ và thường được sử dụng để thực hiện các hoạt động khai khoáng hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ an ninh. Một số tác động đáng kể nhất được đề cập trong Tiêu chuẩn này liên quan đến chuỗi cung ứng.

Khách hàng và các bên khác trong chuỗi giá trị ngày càng bày tỏ kỳ vọng về khả năng truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất khoáng sản có trách nhiệm. Do đó, họ trở thành động lực chính thúc đẩy tính minh bạch trong ngành.

Ngành và sự phát triển bền vững

Ngành khai khoáng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nhiều quốc gia và có thể đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của các khu vực và quốc gia. Các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình có xu hướng phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên của mình như một động lực chính cho hoạt động kinh tế – tình trạng phụ thuộc này vẫn đều đặn gia tăng trong vài thập kỷ qua. Trong các nền kinh tế phụ thuộc vào khai khoáng, các hoạt động khai thác có trách nhiệm có thể góp phần làm giảm mức nghèo đói và cải thiện tổng thể phúc lợi xã hội.

Các dòng tài chính xoay quanh các dự án khai khoáng là rất lớn, ví dụ như từ tiền thuế, phí sử dụng tài nguyên và các khoản khác phải nộp cho chính phủ hoặc từ khoản chi tiêu cho các nhà cung cấp. Bên cạnh việc tạo ra cơ hội việc làm, đặc biệt trong chuỗi cung ứng, ngành này cũng đầu tư vào các dự án phát triển cơ sở hạ tầng và cộng đồng. Những lợi ích như vậy có thể góp phần đáp ứng các nhu cầu và ưu tiên phát triển dài hạn của các khu vực nông thôn và các quốc gia có nguồn thu bổ sung hạn chế. Những dòng tài chính này tạo ra các nguồn lợi ích quan trọng nhưng cũng có thể làm phát sinh tham nhũng.

Việc tìm kiếm, khai thác và xử lý khoáng sản đòi hỏi công tác lập kế hoạch khoa học, môi trường và kinh tế - xã hội phức tạp. Quy mô của các dự án khai khoáng có thể rất lớn, đôi khi trải rộng trên các khu vực rộng lớn và diễn ra trong nhiều thập kỷ. Luật pháp của chính phủ, bao gồm các quy định về bảo vệ môi trường và chế độ thuế, do các quốc gia nơi diễn ra hoạt động khai khoáng ban hành, phần lớn quản lý các dự án khai khoáng. Nếu quản lý kém, hoạt động khai khoáng có thể gây ra tác động tiêu cực với những hệ lụy lâu dài đối với hệ sinh thái, quyền con người và sức khỏe, an toàn cũng như phúc lợi của người lao động và cộng đồng địa phương. Biến đổi khí hậu mang đến thêm thách thức trong việc quản lý các tác động của hoạt động khai khoáng, với những hệ quả đối với quản lý nguồn nước, đa dạng sinh học và tình trạng nhiệt độ cao khắc nghiệt. Hơn nữa, tình trạng suy giảm hàm lượng quặng làm tăng lượng năng lượng và tài nguyên mà các tổ chức khai khoáng cần để tìm kiếm và khai thác khoáng sản từ đá, làm gia tăng ô nhiễm và chất thải [20].

Nhu cầu toàn cầu đối với khoáng sản dự kiến sẽ tăng do tăng trưởng kinh tế liên tục, mức sống được cải thiện và nhu cầu chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp. Mặc dù khoáng sản là yếu tố thiết yếu cho các công nghệ năng lượng sạch vốn là nền tảng cho các mục tiêu giảm thiểu biến đổi khí hậu toàn cầu, nhưng ngành này ngày càng chịu sự giám sát chặt chẽ do đóng góp vào phát thải KNK và nhu cầu phải giảm bớt những phát thải này trong toàn bộ chuỗi giá trị. Ngành khai khoáng cũng đang đối mặt với kỳ vọng chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và thực hiện các nguyên tắc của nền kinh tế tuần hoàn, chẳng hạn như tái sử dụng và tái chế các nguyên liệu hiện có.

Động lực khai thác một số khoáng sản cần thiết cho các công nghệ sạch cũng làm dấy lên những quan ngại về nguy cơ gia tăng các tác động đến môi trường và quyền con người. Khi các quặng giàu khoáng sản có giá trị và các mỏ đã được chứng minh trở nên cạn kiệt, hoạt động khai khoáng có thể bị đẩy đến các khu vực hẻo lánh hơn hoặc nhạy cảm về mặt sinh thái, các khu vực có căng thẳng về nước hoặc có Người địa phương sinh sống, hoặc các quốc gia dễ bị tổn

thương, dễ xảy ra xung đột. Ngoài ra, việc sử dụng đất, di dời dân cư, các tác động đến môi trường và tiềm năng kinh tế gắn liền v ới hoạt động khai thác khoáng sản cũng có thể làm gia tăng xung đột. Điều này đôi khi có thể dẫn đến bạo lực nhằm vào hoặc xảy ra trong các cộng đồng địa phương.

Ô 1. Giới trong ngành khai khoáng

Do các tổ chức khai khoáng có tác động đáng kể ở cấp cộng đồng, nên ngày càng có nhiều kỳ vọng đối với việc công bố thông tin về các tác động của tổ chức đến kinh tế, môi trường và người dân địa phương. Do hoạt động khai khoáng có thể gây ra các tác động khác nhau đối với nữ giới và nam giới, nên các tổ chức cũng ngày càng được kỳ vọng phải xem xét và giải quyết những tác động khác biệt từ hoạt động của mình đối với các giới khác nhau. Ví dụ: phụ nữ chịu ảnh hưởng nặng nề và theo những cách riêng biệt từ suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và các tác động xã hội do hoạt động khai khoáng gây ra như bạo lực tình dục và bạo lực dựa trên giới tính [12] [21]. Ngoài ra, việc thiếu cơ hội việc làm có thể ảnh hưởng đến khả năng độc lập tài chính của phụ nữ, và điều kiện làm việc trong ngành này có thể tiềm ẩn thêm các rủi ro về sức khỏe và an toàn đối với phụ nữ [23].

Việc áp dụng các phương pháp thẩm định về quyền con người có xét đến yếu tố giới tính có thể giải quyết những vấn đề này, bao gồm cả khi tiến hành tương tác với cộng đồng hoặc đánh giá các khía cạnh liên quan đến quyền đối với đất đai, an ninh, giải quyết khiếu nại và các khoản đầu tư xã hội. Các tổ chức cũng có thể triển khai những chính sách và bộ quy tắc ứng xử có trách nhiệm về giới tại nơi làm việc. Việc nhận thức được các tác động của hoạt động khai khoáng có thể bất lợi hoặc có lợi hơn, tùy thuộc vào những hoàn cảnh xã hội đặc thù có thể góp phần rộng rãi vào việc tương tác hiệu quả với các bên liên quan bị ảnh hưởng, đồng thời g iúp các tổ chức thực hiện những hành động sáng suốt hơn để quản lý các tác động của mình [9] [18] [21] [26].

Một số chủ đề trong Tiêu chuẩn này liệt kê các công bố thông tin cần báo cáo, trong đó bao gồm phân tích chi tiết thông tin được báo cáo theo giới. Điều này đặc biệt quan trọng nếu các tác động hoặc số liệu được báo cáo có sự khác biệt đáng kể giữa nữ giới và nam giới. Ngoài những trường hợp này, tổ chức có thể chủ động cung cấp dữ liệu được phân tách theo giới cho bất kỳ chủ đề nào khác nếu thấy phù hợp và hữu ích.

Mục tiêu Phát triển Bền vững

Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG), thuộc Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững được 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc (LHQ) thông qua, bao gồm kế hoạch hành động toàn diện của thế giới nhằm đạt được sự phát triển bền vững [11].

Do các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) và các chỉ tiêu liên quan có tính liên kết và không thể tách rời, nên các tổ chức khai khoáng có tiềm năng đóng góp vào tất cả các SDG thông qua việc tăng cường các tác động tích cực hoặc ngăn chặn và giảm thiểu các tác động tiêu cực của mình đối với nền kinh tế, môi trường và con người.

Ngành khai khoáng có thể góp phần để đạt được Mục tiêu 7: Năng lượng Sạch và Giá Phải chăng và Mục tiêu 13: Hành động về Khí hậu bằng cách cung cấp các khoáng sản thiết yếu cần thiết cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp, đồng thời giảm thiểu phát thải KNK thông qua việc sử dụng năng lượng tái tạo và các biện pháp tiết kiệm năng lượng.

Ngành này có mối liên hệ với Mục tiêu 6: Nước Sạch và Vệ sinh và Mục tiêu 15: Tài nguyên và môi trường trên đất liền do những tác động từ việc tổ chức khai khoáng sử dụng nước và sử dụng đất đối với cộng đồng địa phương và môi trường.

Ngành khai khoáng có thể đóng góp hiệu quả vào Mục tiêu 8: Việc làm Bền vững và Tăng trưởng Kinh tế và Mục tiêu 1: Xóa Nghèo vì ngành này cung cấp nguồn thu và việc làm thiết yếu tại nhiều khu vực, đồng thời cung cấp nguyên liệu cho các ngành khác thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với việc quản lý phù hợp các tác động môi trường và duy trì nguồn cung nguyên liệu phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng, ngành khai khoáng có thể đóng góp vào Mục tiêu 11: Các thành phố và Cộng đồng Phát triển Bền vững và Mục tiêu 12: Tiêu dùng và Sản xuất Có trách nhiệm.

Bảng 2 trình bày mối liên hệ giữa các chủ đề trọng yếu có khả năng áp dụng đối với ngành khai khoáng và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG). Những mối liên hệ này được xác định dựa vào việc đánh giá các tác động được trình bày trong từng chủ đề có khả năng là trọng yếu, các chỉ tiêu gắn với từng SDG và các bản đối chiếu hiện có đã được thực

hiện cho ngành này (xem tài liệu tham khảo [32] trong phần Tài liệu tham khảo).

Bảng 2 không phải là công cụ báo cáo mà trình bày các mối liên hệ giữa những tác động đáng kể của ngành khai khoáng và các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững. Xem các tài liệu tham khảo [32] và [31] trong phần Tài liệu tham khảo để biết thông tin về báo cáo tiến độ đạt được các SDG theo Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa các chủ đề có khả năng là trọng yếu cho ngành khai khoáng và các SDG

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu	●						●	●	●				●	●			
Chủ đề 14.3 Khí thải			●								●				●		
Chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học						●						●		●	●		
Chủ đề 14.5 Chất thải			●			●						●			●		
Chủ đề 14.6 Quặng đuôi						●						●			●		
Chủ đề 14.7 Nước và nước thải						●					●	●		●	●		
Chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi				●		●		●	●	●					●		
Chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế	●			●	●			●									
Chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương	●		●		●	●										●	
Chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương	●		●		●						●					●	
Chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên	●										●					●	
Chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM)	●		●					●							●	●	
Chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh																●	
Chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng			●								●						
Chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp			●					●									
Chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm	●				●			●		●							
Chủ đề 14.18 Lao động trẻ em	●			●				●								●	
Chủ đề 14.19 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại	●				●			●								●	
Chủ đề 14.20 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể								●								●	
Chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng				●	●			●		●						●	●
Chủ đề 14.22 Chống tham nhũng												●				●	
Chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ	●															●	●
Chủ đề 14.24 Chính sách công																●	
Chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao								●								●	

Ô 2. Các công cụ và sáng kiến quốc tế quan trọng khác hỗ trợ hoạt động khai khoáng có trách nhiệm

Các bên liên quan ở khâu hạ nguồn, nhà đầu tư và cơ quan quản lý ngày càng kỳ vọng các tổ chức khai khoáng thực hiện thẩm định. Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao của OECD đã được nhiều tổ chức áp dụng rộng rãi nhằm giảm bớt rủi ro xảy ra các tác động nghiêm trọng đến quyền con người, thúc đẩy xung đột và tội phạm tài chính. Hướng dẫn của OECD cũng đã được đưa vào áp dụng trong một số văn kiện quản lý cấp quốc gia và siêu quốc gia, chẳng hạn như Đạo luật Cải cách Phố Wall và Bảo vệ Người tiêu dùng Dodd-Frank năm 2010 của Hoa Kỳ và Quy định Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản của Liên minh Châu Âu. Tương tự, Sáng kiến Khu vực chống Khai thác Trái phép Tài nguyên Thiên nhiên, do Hội nghị Quốc tế về Khu vực Hồ Lớn (ICGLR) quản lý, nhằm mục tiêu cắt đứt mối liên hệ giữa nguồn thu từ khoáng sản và việc tài trợ cho xung đột.

Các tổ chức như Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI) và Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF) đang hỗ trợ các quốc gia tăng cường và truyền đạt thông tin về việc quản trị tài nguyên cũng như chia sẻ lợi ích tài chính. Những nỗ lực này cho thấy xu hướng toàn cầu ngày càng gia tăng trong việc làm rõ dòng chảy của nguồn thu từ khoáng sản trong các chính phủ và nền kinh tế, trong đó tập trung vào các vấn đề như tính minh bạch của các khoản thanh toán ở cấp dự án, cơ cấu sở hữu và các thỏa thuận, cấp phép, hợp đồng và giấy phép, cũng như các lĩnh vực pháp lý và chính sách rộng hơn ảnh hưởng đến ngành nhằm tận dụng các lợi ích của hoạt động khai khoáng cho các bên liên quan tại địa phương.

Tương tự, nhiều nỗ lực do chính phủ chỉ đạo, bao gồm các nỗ lực có sự tham gia của Ngân hàng Thế giới và các hình thức hợp tác công-tư, đã thúc đẩy sự quan tâm và kỳ vọng ngày càng lớn đối với ngành khai khoáng trong việc xác định, đánh giá, ngăn chặn và giảm bớt các tác động, đồng thời cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc và tính minh bạch.

2. Các chủ đề có khả năng là chủ đề trọng yếu

Phần này bao gồm các chủ đề trọng yếu có khả năng áp dụng đối với ngành khai khoáng. Mỗi chủ đề trình bày tác động đáng kể nhất của ngành liên quan đến chủ đề đó và liệt kê các công bố thông tin được các tổ chức khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này. Tổ chức phải xem xét từng chủ đề trong phần này và xác định xem đó có phải là chủ đề trọng yếu đối với tổ chức hay không, sau đó xác định thông tin cần báo cáo cho các chủ đề trọng yếu đó.

Công bố thông tin về khu mỏ

Công bố thông tin này áp dụng cho các tổ chức sở hữu hoặc điều hành các khu mỏ.[5]

Các hoạt động khai khoáng có những tác động thường biểu hiện ở cấp địa phương. Do hoạt động của một tổ chức có thể trải rộng trên nhiều khu vực, môi trường và phạm vi pháp lý khác nhau, nên các tác động có thể khác biệt đáng kể tùy thuộc vào nơi diễn ra hoạt động. Tổ chức cần đánh giá và báo cáo thông tin về các tác động của mình trong mối liên hệ với bối cảnh địa phương phù hợp (xem nguyên tắc Bối cảnh Phát triển Bền vững trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin).

Một số chủ đề trong Tiêu chuẩn này bao gồm việc báo cáo ở cấp khu mỏ. Trong trường hợp các tác động đặc biệt đáng kể tại một số khu mỏ mà không phải ở các khu mỏ khác, tổ chức cần cung cấp thông tin ở cấp khu mỏ đối với những khu mỏ có tác động đặc biệt đáng kể.

Trong các trường hợp khác, có thể cần dữ liệu được phân tách cho tất cả các khu mỏ để cho phép người sử dụng thông tin đưa ra đánh giá chính xác về đóng góp tổng thể của tổ chức đối với sự phát triển bền vững. Trong đó bao gồm một số chủ đề vì lợi ích công cộng, như phát thải khí nhà kính (KNK) hoặc đa dạng sinh học, nơi ngành khai khoáng có các tác động đáng kể trên phạm vi toàn cầu.

Các tổ chức có thể chủ động cung cấp dữ liệu được phân tách theo khu mỏ cho bất kỳ chủ đề nào được xác định là trọng yếu cho mục đích báo cáo.

Bảng 3 đưa ra ví dụ về cách trình bày thông tin cho Công bố thông tin 14.0.1. Các tổ chức có thể sử dụng bảng này để chỉ ra những trường hợp có tác động đặc biệt đáng kể tại các khu mỏ cụ thể, cũng như liệu dữ liệu được phân tách cho khu mỏ đó có được cung cấp hay không.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BỔ SUNG THEO NGÀNH	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Công bố thông tin về khu mỏ Liệt kê các khu mỏ của tổ chức và báo cáo định nghĩa mà tổ chức sử dụng cho thuật ngữ "khu mỏ". Đối với mỗi khu mỏ, hãy báo cáo: • tên của khu mỏ; • vị trí địa lý (quốc gia và tọa độ); • diện tích tính bằng hecta.	14.0.1

5 Theo Tiêu chuẩn này, khu mỏ bao gồm các mỏ lộ thiên và mỏ hầm lò, cũng như khu vực bề mặt bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai khoáng; các cơ sở lưu trữ quặng đuôi và chất thải; khu đất bị ảnh hưởng bởi việc xây dựng hoặc cải tạo các tuyến đường vận chuyển, đường ống và hành lang đường ống; cũng như đường sá hoặc bất kỳ khu vực bề mặt nào có các công trình, thiết bị, nguyên liệu hoặc bất kỳ yếu tố nào khác được sử dụng trong hoạt động khai khoáng. Trong đó không bao gồm các cơ sở xử lý hạ nguồn như cơ sở luyện kim, cơ sở tinh luyện, trừ khi những cơ sở này được đặt cùng địa điểm với cơ sở hạ tầng nghiền hoặc làm giàu quặng tại chỗ.

Bảng 3. Mẫu ví dụ trình bày thông tin cho công bố thông tin về khu mỏ

Bảng này đưa ra ví dụ về cách trình bày Công bố thông tin 14.0.1. Tổ chức có thể điều chỉnh bảng theo thực tiễn của mình, ví dụ như báo cáo thêm thông tin.

Chủ đề trọng yếu	**Tên Khu Mỏ 1**		**Tên Khu Mỏ 2**		**Tên Khu Mỏ 3**	
	Quốc gia: XXX Tọa độ: XXX Quy mô: XXX hecta		Quốc gia: XXX Tọa độ: XXX Quy mô: XXX hecta		Quốc gia: XXX Tọa độ: XXX Quy mô: XXX hecta	
	Tác động đặc biệt đáng kể	Dữ liệu cấp khu mỏ	Tác động đặc biệt đáng kể	Dữ liệu cấp khu mỏ	Tác động đặc biệt đáng kể	Dữ liệu cấp khu mỏ
Biến đổi khí hậu	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**N**
Khí thải	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Đa dạng sinh học	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Chất thải	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Quặng đuôi	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Nước và nước thải	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Không**
Đóng cửa và phục hồi	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Tác động về kinh tế	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Không**
Cộng đồng địa phương	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Quyền của Người địa phương	**-**	**-**	**Có**	**Có**	**-**	**-**
Quyền đối với đất đai và tài nguyên	**-**	**-**	**Có**	**Có**	**-**	**-**
Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM)	**-**	**-**	**-**	**-**	**Có**	**Có**
Thông lệ an ninh	**-**	**-**	**Có**	**Không**	**Có**	**Có**
Quản lý sự cố nghiêm trọng	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	**Có**	**Không**	**Có**	**Không**	**Có**	**Có**
Các thực tiễn về việc làm	**Có**	**Không**	**Có**	**Không**	**Có**	**Có**
Lao động trẻ em	**-**	**-**	**Có**	**Có**	**-**	**-**
Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại	**Có**	**Không**	**-**	**-**	**-**	**-**
Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng	**Có**	**Không**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Chống tham nhũng	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Các khoản phải nộp cho chính phủ	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**
Chính sách công	**-**	**-**	**Có**	**Có**	**-**	**-**
Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao	**-**	**-**	**-**	**-**	**Có**	**Có**
[(Các) chủ đề khác]	**Có**	**Có**	**-**	**-**	**-**	**-**

Chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu đề cập đến những thay đổi dài hạn trong hệ thống khí hậu, chủ yếu do phát thải khí nhà kính (KNK) từ các hoạt động của con người gây ra. Các tổ chức góp phần gây ra biến đổi khí hậu, đặc biệt thông qua việc tiêu thụ năng lượng không tái tạo trong toàn bộ chuỗi giá trị, và có trách nhiệm giảm thiểu cũng như thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm việc xây dựng các kế hoạch chuyển đổi và thích ứng phù hợp với các nguyên tắc chuyển đổi công bằng. Chủ đề này đề cập đến phát thải KNK, tiêu thụ năng lượng, các biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, cũng như các tác động đến người lao động, cộng đồng địa phương và Người địa phương.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, các quốc gia ký kết Hiệp định Paris đã cam kết chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế ít phát thải khí nhà kính (KNK) hơn. Các tổ chức trong ngành khai khoáng ngày càng được kỳ vọng sẽ thiết lập các mục tiêu giảm phát thải KNK và thực hiện công tác giảm phát thải KNK phù hợp với các bằng chứng khoa học mới nhất về nỗ lực cần thiết để giới hạn mức làm nóng lên toàn cầu ở 1,5°C so với mức trước thời kỳ công nghiệp hóa [43].

Các hoạt động khai khoáng tiêu thụ nhiều năng lượng và góp phần phát thải KNK. KNK phát thải từ các hoạt động của ngành này chủ yếu là cacbon đioxit (CO_2). Các KNK khác từ hoạt động khai khoáng bao gồm mêtan (CH_4), nitơ oxit (N_2O); hydrofluorocarbon (HFCs); perfluorocarbon (PFCs); lưu huỳnh hexaflorua (SF_6), và nitơ triflorua (NF_3).

Phần lớn lượng phát thải KNK từ các hoạt động khai khoáng liên quan đến việc sử dụng các phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch trong quá trình khai đào và vận chuyển nguyên liệu, cũng như việc tiêu thụ điện năng tự sản xuất và điện năng mua từ bên ngoài. Do đó, phần lớn lượng phát thải trong ngành khai khoáng là phát thải KNK Phạm vi 1 từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát, và phát thải KNK Phạm vi 2 từ việc tạo ra điện, nhiệt, năng lượng làm mát và hơi nước được mua vào hoặc tiếp nhận.

Các tổ chức khai khoáng cũng đang chịu sự giám sát ngày càng chặt chẽ đối với phát thải KNK Phạm vi 3 trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của họ. Đối với các tổ chức khai thác vàng và các kim loại quý khác, lượng phát thải KNK Phạm vi 3 đáng kể nhất thường phát sinh ở thượng nguồn, bao gồm hàng hóa và dịch vụ được mua vào. Đối với các khoáng sản cần tinh luyện ở quy mô lớn, chẳng hạn như luyện kim, phần lớn lượng phát thải KNK Phạm vi 3 thường phát sinh ở hạ nguồn, bao gồm quá trình xử lý các sản phẩm đã bán, trong đó than đá được sử dụng làm nguồn năng lượng. Ví dụ bao gồm sản xuất thép, nhôm và xi măng.

Lượng năng lượng tiêu thụ tại một mỏ và lượng KNK phát thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như phương pháp khai thác, độ sâu của mỏ, đặc điểm địa chất, năng suất và mức độ cũng như phương pháp xử lý cần thiết. Ví dụ: phần lớn nhu cầu năng lượng của các mỏ lộ thiên liên quan đến việc vận chuyển khối lượng lớn đất đá và quãng đường vận chuyển dài hơn, trong khi các mỏ ngầm có nhu cầu năng lượng lớn hơn cho việc bơm nước, thông gió, làm mát và nâng hạ. Ngoài tổng mức tiêu thụ năng lượng, cường độ phát thải KNK của các hoạt động khai khoáng có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết kế và quy hoạch mỏ, các thông lệ vận hành và nguồn năng lượng được sử dụng. Than đá là nguồn nhiên liệu có cường độ phát thải KNK cao nhất so với các nhiên liệu hóa thạch khác, với lượng KNK thải ra trên mỗi đơn vị điện năng sản xuất cao gấp hơn hai lần so với khí tự nhiên [61].

Ngoài việc tiêu thụ năng lượng, lượng phát thải KNK liên quan đến hoạt động khai khoáng còn bao gồm các thay đổi do con người gây ra trong khi sử dụng hoặc quản lý đất đai, có thể dẫn đến thay đổi lớp phủ đất. Ví dụ: khi rừng bị chặt phá để phục vụ cho việc khai thác khoáng sản và xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ (xem thêm chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học). Lượng phát thải do thay đổi mục đích sử dụng đất phổ biến hơn trong khai thác lộ thiên do nhu cầu sử dụng đất lớn hơn và quặng thường có hàm lượng thấp hơn. Các nguồn phát thải KNK khác bao gồm CH_4 được giải phóng trong quá trình khai thác, thông hơi hoặc dưới dạng rò rỉ phát thải. Các hoạt động đóng cửa cũng có thể góp phần phát thải KNK. Tuy nhiên, có thể tận dụng việc phục hồi các khu mỏ để thu giữ CO_2 thông qua các chiến lược cải tạo và sau cải tạo phù hợp.

Để giảm phát thải KNK Phạm vi 1 và Phạm vi 2, các tổ chức khai khoáng có thể triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, điện khí hóa thiết bị và chuyển sang sử dụng các nguồn nhiên liệu tái tạo hoặc phát thải ít cacbon. Trong một số trường hợp, các sáng kiến giảm phát thải KNK, chẳng hạn như điện khí hóa mỏ, cũng có thể mang lại lợi ích chung cho cộng đồng và doanh nghiệp địa phương. Tuy nhiên, sáng kiến này cũng có thể đặt ra thêm những thách thức cho cộng đồng, bao gồm áp lực gia tăng lên lưới điện khu vực và quốc gia, gián đoạn nguồn cung năng lượng, mất việc làm hoặc các thách thức mới về môi trường (xem thêm các chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi và 14.9 Tác động về kinh tế).

Điều kiện khí hậu thay đổi, mực nước biển dâng cao, cũng như các biến cố thời tiết khắc nghiệt ngày càng xảy ra

thường xuyên và nghiêm trọng hơn có thể gây ra tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với người lao động, nhà cung cấp, cộng đồng địa phương, Người địa phương và cơ sở hạ tầng. Biến đổi khí hậu đã được ghi nhận là làm trầm trọng thêm các tác động của hoạt động khai khoáng đối với môi trường địa phương, làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học (xem thêm chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học), ảnh hưởng đến chất lượng và khối lượng nước, đồng thời làm gia tăng tình trạng căng thẳng về nước (xem thêm chủ đề 14.7 Nước và nước thải). Biến đổi khí hậu cũng làm tăng nguy cơ xảy ra sự cố tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi do lượng mưa gia tăng (xem thêm các chủ đề 14.6 Quặng đuôi và 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng). Nhiệt độ gia tăng có thể gây ra các tác động tiêu cực đến chất lượng không khí do giữ lại bụi mịn, làm trầm trọng thêm tác động của ô nhiễm không khí (xem thêm chủ đề 14.3 Khí thải), đồng thời tạo ra điều kiện khô hạn hơn ở các khu vực khai khoáng. Những tác động này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn, phúc lợi và sinh kế của cộng đồng địa phương, Người địa phương và người lao động. Đồng thời cũng có thể làm gia tăng cạnh tranh đối với các tài nguyên thiên nhiên, từ đó tạo ảnh hưởng nặng nề đối với phụ nữ [53] (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương).

Bên cạnh việc giảm phát thải KNK, các tổ chức khai khoáng cũng có thể hỗ trợ cộng đồng địa phương thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó bao gồm việc lập kế hoạch sử dụng đất sau khi khai khoáng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ nông nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chống chịu được với biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng phó khẩn cấp. Họ cũng có thể giúp cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng và nước bằng cách hợp tác với chính phủ trong các dự án năng lượng tái tạo chung, triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng và chia sẻ nguồn nước.

Dự kiến quá trình chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế ít phát thải KNK hơn sẽ làm tăng nhu cầu đối với các khoáng sản quan trọng cần thiết cho các công nghệ năng lượng sạch, chẳng hạn như coban, đồng, liti, niken và các nguyên tố đất hiếm. Nếu được quản lý tốt, điều này có thể mang lại cơ hội cho các quốc gia giàu khoáng sản thông qua sự phát triển kinh tế tích cực (xem thêm chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế). Tuy nhiên, tình trạng gia tăng các tác động tiêu cực đến môi trường và quyền con người được coi là một rủi ro lớn. Nhiều loại khoáng sản có nhu cầu ngày càng tăng được khai thác từ các khu vực dễ bị tổn thương do bất ổn chính trị, thể chế yếu kém và các vi phạm về quyền con người. Hoạt động khai khoáng ở những khu vực này có thể gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình trạng xung đột, tham nhũng, tổn hại đối với môi trường và lạm dụng lao động (xem thêm chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao).

Báo cáo về biến đổi khí hậu

Nếu tổ chức xác định biến đổi khí hậu là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.1.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025	Công bố thông tin 102-1 Kế hoạch chuyển đổi để giảm thiểu biến đổi khí hậu	14.1.2
	Công bố thông tin 102-2 Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày về việc những thay đổi trong hoạt động, doanh thu hoặc chi phí của tổ chức do biến đổi khí hậu gây ra đang ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng như thế nào đến đóng góp của tổ chức vào phát triển kinh tế và các khoản phải nộp cho chính phủ.	14.1.3
	Công bố thông tin 102-3 Chuyển đổi công bằng	14.1.4
	Công bố thông tin 102-4 Chỉ tiêu và tiến độ giảm phát thải KNK	14.1.5
	Công bố thông tin 102-5 Phát thải KNK Phạm vi 1 • Khi báo cáo tổng lượng phát thải KNK Phạm vi 1, bao gồm cả lượng phát thải do thay đổi mục đích sử dụng đất.[6] • Báo cáo phân tích chi tiết tổng lượng phát thải KNK Phạm vi 1 theo từng khu mỏ.	14.1.6
	Công bố thông tin 102-6 Phát thải KNK Phạm vi 2 *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo phân tích chi tiết tổng lượng phát thải KNK Phạm vi 2 theo địa điểm cho từng khu mỏ. • Nếu áp dụng, hãy báo cáo phân tích chi tiết tổng lượng phát thải KNK Phạm vi 2 theo thị trường cho từng khu mỏ.	14.1.7
	Công bố thông tin 102-7 Phát thải KNK Phạm vi 3	14.1.8
	Công bố thông tin 102-8 Cường độ phát thải KNK *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo phân tích chi tiết (các) tỷ lệ cường độ phát thải theo từng khu mỏ.	14.1.9
	Công bố thông tin 102-9 Lượng KNK được loại bỏ trong chuỗi giá trị	14.1.10
	Công bố thông tin 102-10 Tín chỉ cacbon	14.1.11

6 Thay đổi mục đích sử dụng đất đề cập đến thay đổi về mục đích sử dụng hoặc việc quản lý đất của con người có thể dẫn đến thay đổi lớp phủ đất. Trong đó bao gồm các thay đổi đối với hệ sinh thái trên cạn, chẳng hạn như khi rừng bị chuyển đổi để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản và xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ. Có thể tìm hướng dẫn về cách tính lượng phát thải do thay đổi mục đích sử dụng đất trong Hướng dẫn Thực hành Tốt về Sử dụng Đất, Thay đổi Mục đích Sử dụng Đất và Lâm nghiệp của IPCC [70] và các bản cập nhật năm 2019 của tài liệu này [71].

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
GRI 103: Năng lượng 2025	Công bố thông tin 103-1 Chính sách và cam kết về năng lượng	14.1.12
	Công bố thông tin 103-2 Việc tiêu thụ và tự sản xuất năng lượng trong tổ chức	14.1.13
	Công bố thông tin 103-3 Mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn	14.1.14
	Công bố thông tin 103-4 Cường độ năng lượng	14.1.15

Các tài liệu tham khảo

GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu, các tài liệu tham khảo bổ sung và nguồn lực hữu ích để báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo bổ sung được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về biến đổi khí hậu, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.3 Khí thải

Khí thải bao gồm các chất gây ô nhiễm có tác động tiêu cực đến chất lượng không khí và hệ sinh thái, bao gồm cả sức khỏe con người và động vật. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ việc phát thải sulfur oxit (SOx), nitơ oxit (NOx), bụi mịn (PM), hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), cacbon monoxit (CO) và kim loại nặng như thủy ngân (Hg).

Ngoài phát thải khí nhà kính (KNK), hoạt động khai khoáng là một nguồn khí thải khác do hoạt động của con người tạo ra, được phân loại là chất gây ô nhiễm. Trên toàn cầu, ô nhiễm không khí gây ra các vấn đề sức khỏe cấp tính và hàng triệu ca tử vong mỗi năm do góp phần gây ra các bệnh về tim và phổi, đột quỵ, nhiễm trùng đường hô hấp và tổn thương thần kinh [90]. Khí thải là một mối quan ngại lớn đối với người lao động trong ngành (xem thêm chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp) và các cộng đồng địa phương ngay cạnh các khu mỏ và các tuyến đường vận chuyển (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương). Những phát thải này ảnh hưởng nặng nề đến trẻ em, người cao tuổi và người nghèo [89]. Khí thải từ các hoạt động khai khoáng cũng có thể gây ra tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái lân cận (xem thêm chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học).

Các hoạt động khai khoáng phát thải khí trong quá trình khoan, nổ mìn, đào, loại bỏ lớp đất đá phủ, lưu trữ, xử lý khoáng sản và vận chuyển. Phát thải ngoài ý muốn có thể phát sinh từ hoạt động di chuyển đất, nghiền, vận chuyển và các chất gây ô nhiễm từ các cơ sở lưu trữ quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.6 Quặng đuôi). Các phát thải này chủ yếu bao gồm bụi và bụi mịn (PM) khác. Tùy thuộc vào loại khoáng sản được khai thác, khí thải cũng có thể bao gồm kim loại nặng, cacbon monoxit (CO), sulfur oxit (SO_2), nitơ oxit (NO_x), hydro sunfua (H_2S) và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC). Mức độ nghiêm trọng của các tác động từ khí thải có thể phụ thuộc vào khoảng cách của các cộng đồng địa phương và người lao động, cũng như mức độ nhạy cảm của các hệ sinh thái địa phương.

Việc khai thác và luyện kẽm cũng như các kim loại màu khác tạo ra khí thủy ngân, gây ra những tác động nghiêm trọng đến sức khỏe. Thủy ngân (Hg) thường được sử dụng trong các hoạt động khai thác vàng thủ công và quy mô nhỏ, đôi khi diễn ra ngay cạnh các khu vực đặc nhượng của tổ chức khai khoáng (xem thêm chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ). Nhiều hoạt động khai thác và tinh luyện vàng, bạc sử dụng xyanua để tách khoáng sản khỏi quặng; trong một số điều kiện nhất định, chất này có thể bay hơi thành hydro xyanua (HCN) và gây nguy hiểm cho hệ hô hấp của người lao động.[7]

Phát thải nitơ oxit từ hoạt động vận chuyển có thể gây tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái. Nitơ oxit có thể xâm nhập vào các thủy vực và đại dương, gây tác động tiêu cực đến sinh vật biển, đồng thời tạo ra ô-zôn tầng đối lưu (O 3) hay khói mù. Sulfur oxit thải ra từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch và luyện quặng khoáng sản chứa lưu huỳnh có thể gây ra mưa axit và góp phần axit hóa đại dương. Ngoài các tác động tiêu cực đến sức khỏe con người, mưa axit và khói mù cũng có thể làm suy giảm chất lượng nước và đất, làm suy yếu các chức năng của môi trường tự nhiên và từ đó ảnh hưởng đến chuỗi thức ăn.

Ô 4. Bụi và bụi mịn

Các hoạt động khai khoáng thải ra một lượng đáng kể bụi mịn (PM), một hỗn hợp chất gây ô nhiễm gồm các hạt rắn và giọt chất lỏng trong không khí. Bụi là loại PM chính phát sinh từ hoạt động khai khoáng, được tạo ra trong quá trình nổ mìn, đào bới và vận chuyển, cũng như từ băng tải, phương tiện và quá trình nghiền quặng. Bụi cũng có thể phát sinh từ các bề mặt lộ thiên như đường đất, hố mỏ, bãi thải hoặc bãi quặng đuôi khô. Phơi nhiễm bụi liên quan đến nguy cơ mắc các bệnh về tim và phổi gia tăng đối với người lao động và cộng đồng. Bụi cũng có thể cản trở chức năng quang hợp của cây cối và các loài thực vật khác.

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên có phạm vi địa lý rộng lớn, khiến việc quản lý bụi trở nên khó khăn. Các tổ chức áp dụng các biện pháp kiểm soát bụi nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu phơi nhiễm bụi cho người lao động và cộng đồng, bao gồm hệ thống thông gió, thiết bị thu gom bụi, thanh phun nước, phun sương khô, vòi phun nước áp lực cao và các dải cây xanh chắn bụi. Có thể tiến hành quan trắc chất lượng không khí để đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp kiểm soát này.

7 Xyanua cũng có thể tồn tại trong quặng đuôi được quản lý tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi. Nếu không có các biện pháp kiểm soát quản lý phù hợp, HCN có thể bay hơi và phát tán ra khu vực xung quanh cơ sở.

Báo cáo về khí thải

Nếu tổ chức xác định khí thải là chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.3.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 305: Phát thải 2016	Công bố thông tin 305-7 Nitơ oxit (NO_X), sulfur oxit (SO_X) và các khí thải đáng kể khác *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Đối với mỗi khu mỏ, hãy báo cáo khí thải đáng kể[8] liên quan đến địa điểm, tính bằng kilogam hoặc bội số của kilogam.	14.3.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 305: Phát thải 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tham chiếu bổ sung được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về khí thải, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

8 Các khí thải đáng kể liên quan đến ngành khai khoáng bao gồm các khí như NO_x, SO_x, thủy ngân (Hg), PM10 và PM2.5, và hydro sunfua (H_2S).

Chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học

Đa dạng sinh học là sự khác biệt giữa các sinh vật sống. Trong đó bao gồm tính đa dạng trong nội bộ loài, giữa các loài và của hệ sinh thái. Đa dạng sinh học không chỉ có giá trị nội tại mà còn mang ý nghĩa thiết yếu đối với sức khỏe con người, an ninh lương thực, sự thịnh vượng về kinh tế, cũng như việc giảm thiểu biến đổi khí hậu và thích ứng với những tác động của hiện tượng này. Chủ đề này đề cập đến các tác động đối với đa dạng sinh học, bao gồm đa dạng nguồn gen, các loài động thực vật và hệ sinh thái.

Các hoạt động khai khoáng thường đòi hỏi các dự án phát triển quy mô lớn, gây ra tác động đến đa dạng sinh học và các lợi ích của hệ sinh thái. Những tác động này có thể làm hạn chế tình trạng sẵn có và khả năng tiếp cận các tài nguyên thiên nhiên hoặc làm suy giảm chất lượng của những tài nguyên này. Tác động đến đa dạng sinh học và các lợi ích của hệ sinh thái cũng có thể ảnh hưởng đến phúc lợi và sinh kế của các cộng đồng địa phương và Người địa phương (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương và 14.11 Quyền của Người địa phương).

Các tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và các quá trình của hệ sinh thái, dẫn đến những tác động như suy thoái hệ sinh thái, phân mảnh môi trường sống và gây chết ở động vật. Các hoạt động khai khoáng có thể góp phần vào các tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng đất và biển, ví dụ như giải phóng mặt bằng để khai khoáng, xây dựng tuyến đường tiếp cận và các cơ sở quản lý chất thải; khai thác tài nguyên thiên nhiên bằng cách khai thác và tiêu thụ nước; thông qua sự du nhập của các loài ngoại lai xâm lấn; và ô nhiễm. Các nguồn gây ô nhiễm không khí, nước và đất có thể bao gồm:

- khí thải, bao gồm bụi và khói (xem thêm chủ đề 14.3: Khí thải);
- xả nước thải như đổ quặng đuôi xuống sông (xem thêm chủ đề 14.7 Nước và nước thải);
- lưu trữ chất thải, thải bỏ và sự cố tại cơ sở lưu trữ quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.5 Chất thải và 14.6 Quặng đuôi); và
- ánh sáng, tiếng ồn và rung chấn.

Các phương pháp khai khoáng khác nhau gây ra những tác động khác nhau đến đa dạng sinh học. Mỏ lộ thiên gây ra tác động nghiêm trọng hơn so với mỏ ngầm do việc đào sâu và mở rộng dần khu vực khai thác, làm tăng diện tích bị ảnh hưởng theo thời gian. Khai thác mỏ lộ thiên là một nguyên nhân chính gây phá rừng, với ước tính gần một phần ba diện tích rừng trên toàn thế giới bị ảnh hưởng bởi các dự án khai khoáng [110]. Việc loại bỏ các bể chứa cacbon và lớp đất mặt cũng có thể làm gia tăng phát thải KNK (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu), góp phần gây xói mòn và sa mạc hóa. Ngược lại, khai khoáng ngầm có thể gây ra các tác động tiêu cực do sụt lún mặt đất và ô nhiễm nước ngầm.

Các hoạt động khai khoáng có thể gây ra tác động đến đa dạng sinh học vượt ra ngoài phạm vi khu mỏ. Những tác động này có thể trở nên nghiêm trọng hơn khi hoạt động khai khoáng diễn ra trong hoặc gần các khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái. Ví dụ: các hoạt động khai khoáng có thể mở rộng vào các hành lang sinh thái và làm gián đoạn chức năng của một khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái. Các hố mỏ không còn hoạt động, các công trình ngầm và chất thải nguy hại cũng có thể gây ra những tác động đến đa dạng sinh học ngay cả sau khi đóng cửa (xem thêm chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi).

Nhu cầu khoáng sản ngày càng tăng thúc đẩy các hoạt động khai khoáng mở rộng đến những khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái, bao gồm cả những địa điểm chưa được khai thác trước đây và các hệ sinh thái biển (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu). Mặc dù các tác động tiềm ẩn của hoạt động khai khoáng biển sâu vẫn chưa được xác định đầy đủ, nhưng hoạt động này có khả năng cao phá vỡ các hệ sinh thái biển, nén chặt hoặc làm thay đổi các khu vực đáy biển, tạo ra các vệt trầm tích và tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ, tai nạn cũng như sự cố tràn ảnh hưởng đến các môi trường sống dễ bị tổn thương [105].

Để hạn chế và quản lý các tác động đến đa dạng sinh học, nhiều tổ chức khai khoáng sử dụng hệ thống phân cấp giảm thiểu để định hướng các hành động cân bằng hoặc lấn át các tác động tiêu cực đối với đa dạng sinh học [103]. Hệ thống phân cấp giảm thiểu bao gồm các bước tránh, giảm thiểu, phục hồi, cải tạo và bù đắp. Ưu tiên thực hiện các biện pháp nhằm tránh những tác động tiêu cực, cũng như giảm thiểu những tác động đó khi không thể tránh được. Nên thực hiện các biện pháp khôi phục và phục hồi khi không thể tránh hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực. Các biện pháp bù đắp có thể được áp dụng để khắc phục những tác động tiêu cực còn lại sau khi đã áp dụng tất cả các biện pháp khác.

Báo cáo về đa dạng sinh học

Nếu tổ chức xác định đa dạng sinh học là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.4.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 305: Phát thải 2016	Công bố thông tin 101-1 Các chính sách ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học	14.4.2
	Công bố thông tin 101-2 Quản lý tác động đến đa dạng sinh học	14.4.3
	Công bố thông tin 101-4 Xác định tác động đến đa dạng sinh học	14.4.4
	Công bố thông tin 101-5 Các địa điểm có tác động đến đa dạng sinh học *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo thông tin về các khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái đối với tất cả các khu mỏ.	14.4.5
	Công bố thông tin 101-6 Tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo các tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học đối với tất cả các khu mỏ.	14.4.6
	Công bố thông tin 101-7 Thay đổi đối với tình trạng đa dạng sinh học *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo những thay đổi về tình trạng đa dạng sinh học tại tất cả các khu mỏ.	14.4.7
	Công bố thông tin 101-8 Lợi ích của hệ sinh thái *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo thông tin về các lợi ích của hệ sinh thái đối với tất cả các khu mỏ.	14.4.8

Các tài liệu tham khảo

GRI 101: Đa dạng sinh học 2024 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao, các tài liệu tham khảo khác và nguồn tài liệu liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về đa dạng sinh học, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.5 Chất thải

Chất thải đề cập đến bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ. Nếu không được quản lý đúng cách, chất thải có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người, thậm chí có thể vượt ra ngoài phạm vi nơi chất thải được tạo ra và loại bỏ. Chủ đề này đề cập đến những tác động từ chất thải và hoạt động quản lý chất thải.

Hoạt động khai khoáng thường tạo ra lượng lớn chất thải, bao gồm chất thải nguy hại. Các dòng chất thải lớn nhất phát sinh từ quá trình khai thác hoặc xử lý khoáng sản và bao gồm đất đá phủ, đá thải và quặng đuôi. Các dòng chất thải này có thể chứa các kim loại nặng và khoáng chất độc hại và phát sinh tự nhiên từ hoạt động khai khoáng như amiăng và antimon, nhôm, asen, cadimi, crom, đồng, sắt, chì, mangan, thủy ngân và tali.

Chất thải từ hoạt động khai khoáng có thể làm ô nhiễm nước bề mặt, nước ngầm và nước biển (xem thêm chủ đề 14.7 Nước và nước thải), cũng như các nguồn thực phẩm. Chất thải cũng gây ra tác động tiêu cực đến sức khỏe con người (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương) và các loài động vật và thực vật (xem thêm chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học). Việc sử dụng đất để lưu trữ chất thải, cùng với tình trạng ô nhiễm đất, dẫn đến xói mòn và mất đất canh tác, từ đó có thể tiếp tục ảnh hưởng đến sinh kế của các cộng đồng địa phương. Tác động của chất thải từ hoạt động khai khoáng có thể phụ thuộc vào cách tiếp cận của tổ chức đối với việc quản lý chất thải, các quy định, việc áp dụng công nghệ và tình trạng sẵn có c ủa các cơ sở thu hồi và thải bỏ gần các khu mỏ.

Hoạt động khai khoáng thường đòi hỏi việc sử dụng và lưu trữ các nguyên liệu nguy hại, chẳng hạn như hóa chất, để phục vụ việc xử lý khoáng sản. Những nguyên liệu này có thể bị phát thải ra môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác, xử lý và vận chuyển. Các nguyên liệu nguy hại có thể tích tụ và tồn tại trong môi trường ngay cả sau khi kết thúc thời gian khai khoáng đã kết thúc. Có những mối quan ngại cụ thể liên quan đến việc sử dụng xyanua trong quá trình xử lý các khoáng sản như vàng và bạc; nếu được sử dụng, bảo quản hoặc thải bỏ không đúng cách, chất này có thể gây ra những tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường (xem thêm chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng). Thủy ngân có thể là một sản phẩm phụ được tạo ra trong quá trình xử lý quặng, tiềm ẩn nguy cơ phát thải hơi độc. Mặc dù phần lớn các tổ chức khai khoáng hiện nay không còn sử dụng thủy ngân để chiết xuất vàng, nhưng chất này vẫn được nhiều đơn vị khai thác thủ công và quy mô nhỏ sử dụng (xem thêm chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ).

Đất đá phủ từ hoạt động khai thác lộ thiên thường được lưu trữ tại các bãi chứa hoặc bãi đổ đất đá phủ trên khu đất liền kề cho đến khi hố mỏ được lấp lại hoặc bãi đổ đất đá phủ được ổn định và phục hồi thảm thực vật. Những bãi đổ này cần được ổn định về mặt vật lý và hóa học để tránh những sự cố có thể gây tác động đến môi trường và sự an toàn của con người. Đất đá phủ cũng có thể góp phần hình thành nguồn nước có tính axit cao và giàu kim loại nặng, được gọi là nước thải axit từ mỏ, có thể rò rỉ ra môi trường.

Đá thải thường được quản lý bằng cách chất thành đống hoặc đổ tại các bãi đổ đá hoặc các mỏ lộ thiên cũ và có thể làm phát sinh bụi (xem thêm chủ đề 14.3 Khí thải). Quặng đuôi là sản phẩm phụ của quá trình xử lý khoáng sản, thường được xử lý và thải vào các hồ chứa, được lọc rồi lưu trữ thành đống hoặc được đổ vào các khoảng rỗng dưới lòng đất. Dòng chảy từ quặng đuôi và sự cố tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi có thể gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng và tiềm ẩn nguy cơ đối với sức khỏe, sự an toàn và sinh kế của các cộng đồng địa phương (xem thêm chủ đề 14.6 Quặng đuôi).

Lượng chất thải phát sinh từ hoạt động khai khoáng phụ thuộc vào loại khoáng sản được khai thác và hàm lượng quặng. Nhìn chung, khai thác lộ thiên tạo ra nhiều chất thải hơn so với khai khoáng ngầm do có khả năng thu được các trầm tích và đá có hàm lượng khoáng sản thấp hơn. Chất thải từ hoạt động khai khoáng thường cần được quản lý ngay cả sau giai đoạn sản xuất của hoạt động khai khoáng, bao gồm cả công tác quản lý dài hạn sau khi đóng cửa. Việc đóng cửa mỏ cũng có thể phát sinh lượng chất thải đáng kể, ví dụ như từ các nhà máy xử lý và các cơ sở khác đã ngừng hoạt động (xem thêm chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi).

Chất thải điển hình phát sinh từ hoạt động khai khoáng bao gồm dầu, hóa chất, lốp xe, rác thải điện tử, chất xúc tác đã qua sử dụng, dung môi, các sản phẩm phụ công nghiệp khác nhau, nguyên liệu đóng gói và phế thải xây dựng. Các tổ chức khai khoáng cũng có thể cần quản lý lượng chất thải sinh hoạt đáng kể tại các khu trại mỏ hoặc trong các thị trấn khai khoáng chuyên biệt.

Ô 5. Nền kinh tế tuần hoàn

Ngành khai khoáng vừa là nhà cung cấp nguyên liệu, vừa là bên sử dụng đáng kể các tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu và sản phẩm. Các tổ chức khai khoáng sử dụng ngày càng nhiều các biện pháp tuần hoàn trong toàn bộ chuỗi giá trị. Phương pháp tiếp cận này có thể giúp giảm nhu cầu về nguyên liệu thô, giảm thiểu phát sinh chất thải và tái sử dụng chất thải cho các mục đích sản xuất, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Các tổ chức khai khoáng có thể tái sử dụng quặng đuôi và đá thải cho các mục đích như lấp hố mỏ, cải tạo cảnh quan và làm vật liệu xây dựng. Họ cũng có thể triển khai các quy trình xử lý và tái chế nước sản xuất, cho phép tái sử dụng nước sản xuất trong hoạt động khai khoáng. Nhiều biện pháp tuần hoàn có thể được thiết kế thông qua hợp tác với các cộng đồng địa phương và mang lại lợi ích cho những cộng đồng đó.

Việc tái sử dụng và tái chế kim loại có thể đóng góp đáng kể cho nền kinh tế tuần hoàn, vì nhiều kim loại có thể được nấu chảy và tái sử dụng với số lần không giới hạn. Việc tái chế kim loại cũng có thể tiêu tốn ít năng lượng hơn so với việc khai thác và xử lý nguyên liệu thô (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu). Một số tổ chức khai khoáng đã và đang chuyển đổi sang các mô hình kinh doanh mang tính tuần hoàn hơn, mở rộng hoạt động từ khai thác khoáng sản thô sang tái chế kim loại.

Có thể báo cáo các biện pháp tuần hoàn theo *GRI 306: Chất thải 2020*, và việc sử dụng nguyên liệu được đề cập trong *GRI 301: Vật liệu 2016*.

Báo cáo về chất thải

Nếu tổ chức xác định chất thải là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.5.1
GRI 306: Chất thải 2020	Công bố thông tin 306-1 Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	14.5.2
	Công bố thông tin 306-2 Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	14.5.3
	Công bố thông tin 306-3 Chất thải phát sinh *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Khi báo cáo thành phần của chất thải phát sinh, hãy bao gồm phân tích chi tiết các dòng chất thải sau: - đá thải; - quặng đuôi.[9] • Báo cáo phân tích chi tiết về tổng lượng chất thải phát sinh và thành phần chất thải theo từng khu mỏ.	14.5.4
	Công bố thông tin 306-4 Chất thải được loại trừ khỏi quá trình thải bỏ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Khi báo cáo thành phần của chất thải được loại trừ khỏi quá trình thải bỏ, hãy bao gồm phân tích chi tiết các dòng chất thải sau: - đá thải; - quặng đuôi. • Báo cáo phân tích chi tiết về tổng lượng chất thải được loại trừ khỏi quá trình thải bỏ và thành phần chất thải theo từng khu mỏ.	14.5.5
	Công bố thông tin 306-5 Chất thải được đưa đi thải bỏ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Khi báo cáo thành phần của chất thải được thải bỏ, hãy bao gồm phân tích chi tiết các dòng chất thải sau: - đá thải; - quặng đuôi. • Báo cáo phân tích chi tiết về tổng lượng chất thải được thải bỏ và thành phần chất thải theo từng khu mỏ.	14.5.6

9 Các khuyến nghị bổ sung theo ngành trong các Công bố thông tin 306-3, 306-4 và 306-5 yêu cầu báo cáo phân tích chi tiết về tổng khối lượng quặng đuôi được tạo ra. Việc quản lý các cơ sở lưu trữ quặng đuôi được báo cáo theo chủ đề 14.6 Quặng đuôi.

Các tài liệu tham khảo

GRI 306: Chất thải 2020 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về chất thải, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.6 Quặng đuôi

Quặng đuôi là sản phẩm phụ của hoạt động khai khoáng và cần được quản lý trong suốt thời gian khai khoáng và cả sau khi đóng cửa. Trong trường hợp xấu nhất, việc thiết kế hoặc quản lý kém các cơ sở lưu trữ quặng đuôi có thể dẫn đến các sự cố thảm khốc với những tác động lâu dài đối với người lao động, cộng đồng địa phương, cũng như gây tổn hại cho môi trường, tài nguyên thiên nhiên và cơ sở hạ tầng.

Quặng đuôi là một sản phẩm phụ của hoạt động khai khoáng và thường là một trong những dòng chất thải l ớn nhất liên quan đến hoạt động khai khoáng (xem thêm chủ đề 14.5 Chất thải). Thường được chứa dưới dạng bùn lỏng, quặng đuôi bao gồm nguyên liệu đã qua xử lý, thường được trộn lẫn với các hóa chất còn sót lại sau khi tách khoáng sản khỏi đá hoặc đất.

Quặng đuôi thường được xử lý và lưu trữ tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi trên bề mặt, được lọc và xếp khô, hoặc được sử dụng để lấp đầy các khoảng rỗng dưới lòng đất. Quặng đuôi trên bề mặt được giữ lại bằng các đập chứa hoặc được đổ vào các hố mỏ lộ thiên đã ngừng hoạt động và có thể bao phủ những khu vực rộng lớn. Các phương pháp thải bỏ khác như đổ quặng đuôi xuống sông, hồ và biển vẫn đang được ngành này sử dụng. Tuy nhiên, những phương pháp này được khuyến cáo không nên áp dụng rộng rãi do có khả năng gây ra tác động đáng kể đến môi trường và sức khỏe của cộng đồng địa phương, chẳng hạn như do nồng độ kim loại cao có trong quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu).

Quặng đuôi chứa kim loại nặng, xyanua, các tác nhân hóa học dùng trong xử lý hoặc sunfua có thể gây nguy cơ cho sức khỏe khi bị phát tán ra môi trường. Sự cố thảm khốc tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi, bao gồm cả đập chứa, có thể gây ra những nguy cơ nghiêm trọng đối với sự an toàn và phúc lợi của người lao động và cộng đồng địa phương. Trong trường hợp xấu nhất, các sự cố có thể dẫn đến thiệt hại về người và sự tàn phá đối với toàn bộ cộng đồng (xem thêm chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng). Các tác động khác bao gồm thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng, tài nguyên thiên nhiên và hoạt động của các ngành khác, từ đó làm gián đoạn đời sống và sinh kế. Sự cố tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như việc quản lý nước không hiệu quả, nước tràn, hư hỏng nền móng hoặc hệ thống thoát nước, xói mòn và động đất. Các biến cố thời tiết khắc nghiệt do biến đổi khí hậu gây ra đặt ra thêm những thách thức đối với công tác quản lý quặng đuôi trong dài hạn (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu).

Dòng chảy từ quặng đuôi có thể làm ô nhiễm nước ngầm, nước bề mặt và nước biển. C ác nguồn nước bị ô nhiễm gây tổn hại cho hệ sinh thái, các loài sinh vật và hoạt động nông nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh kế của các cộng đồng địa phương (xem thêm chủ đề 14.7 Nước và nước thải). Quặng đuôi khô cũng có thể làm phát sinh bụi (xem thêm chủ đề 14.3 Khí thải). Việc xử lý quặng kim loại kém hiệu quả có thể thúc đẩy tình trạng tái xâm nhập và khai thác lại quặng đuôi bởi các đơn vị khai thác thủ công và quy mô nhỏ, qua đó làm phát tán các chất độc hại trong quặng đuôi ra môi trường (xem thêm chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ).

Các phương án quản lý và lưu trữ quặng đuôi phụ thuộc vào và có thể bị thay đổi bởi nhiều yếu tố khác nhau. Những yếu tố này có thể bao gồm sự hiện diện của cộng đồng địa phương, khoảng cách đến các khu vực có tầm quan trọng về đa dạng sinh học, mức độ hoạt động địa chấn, lượng mưa và sự phân bố theo mùa, cũng như địa hình địa phương. Dựa vào bối cảnh cụ thể, mỗi cơ sở lưu trữ quặng đuôi đòi hỏi thiết kế riêng biệt và các cân nhắc kỹ thuật phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro cho con người và môi trường trong suốt vòng đời của cơ sở lưu trữ quặng đuôi, bao gồm cả giai đoạn đóng cửa và sau đóng cửa (xem thêm chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi). Thiết kế được kỳ vọng sẽ được giám sát, đánh giá và cập nhật thường xuyên, dựa vào các phát hiện từ quá trình rà soát, đánh giá rủi ro và mỗi khi có những thay đổi trọng yếu [134].

Các tổ chức sử dụng các kế hoạch chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp cụ thể cho từng địa điểm nhằm xác định các mối nguy, chuẩn bị và đánh giá năng lực ứng phó với tình huống khẩn cấp, đồng thời dự liệu biện pháp khắc phục. Bên cạnh việc kiểm tra và cập nhật thường xuyên, kế hoạch này đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan có thể bị ảnh hưởng, chẳng hạn như người lao động và cộng đồng địa phương. Trong đó bao gồm việc phối hợp với các cơ quan công quyền, lực lượng ứng phó khẩn cấp, chính quyền địa phương và các tổ chức nhằm giảm thiểu những hậu quả tiềm ẩn của sự cố.

Báo cáo về quặng đuôi

Nếu tổ chức xác định quặng đuôi là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo việc tổ chức có tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ một tiêu chuẩn quốc tế được công nhận về quản lý quặng đuôi hay không, và nếu có, cung cấp liên kết đến thông tin được công bố công khai gần đây nhất.[10]	14.6.1
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Phương pháp thải bỏ quặng đuôi: Báo cáo các phương pháp thải bỏ quặng đuôi mà tổ chức sử dụng.		14.6.2
Cơ sở xử lý quặng đuôi: Liệt kê các cơ sở lưu trữ quặng đuôi của tổ chức và báo cáo tên, vị trí và tình trạng quyền sở hữu, bao gồm cả việc tổ chức có phải là đơn vị vận hành hay không. Đối với mỗi cơ sở lưu trữ quặng đuôi chưa được xác nhận là đang ở trạng thái đóng cửa an toàn:[11] • mô tả cơ sở lưu trữ quặng đuôi, bao gồm cả phương pháp xây dựng;[12] • báo cáo trạng thái đang hoạt động, ngừng hoạt động hoặc đã đóng cửa của cơ sở; • báo cáo dung tích lưu trữ tối đa được cấp phép và tổng khối lượng quặng đuôi đã được lưu trữ, tính bằng tấn mét; • báo cáo Phân loại Hệ quả phù hợp với Yêu cầu 4.1 của GISTM; • báo cáo tần suất thực hiện đánh giá rủi ro và tóm tắt các phát hiện của lần đánh giá rủi ro gần nhất; • báo cáo ngày thực hiện và các phát hiện trọng yếu của lần rà soát kỹ thuật độc lập gần nhất, bao gồm việc triển khai các biện pháp giảm thiểu và ngày thực hiện lần rà soát tiếp theo.		14.6.3

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quặng đuôi, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

10 Các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận bao gồm *Tiêu chuẩn Ngành Toàn cầu về Quản lý Quặng đuôi* (GISTM) và *Nghị định thư về Quản lý Quặng đuôi* của sáng kiến Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM). Trong trường hợp tuân thủ GISTM, tổ chức phải cung cấp liên kết đến thông tin mới nhất được công bố theo Nguyên tắc 15 của GISTM. Trong trường hợp tuân thủ một tiêu chuẩn quốc tế được công nhận khác (ví dụ: Nghị định thư về Quản lý Quặng đuôi của TSM), tổ chức phải cung cấp liên kết đến báo cáo công khai về kết quả tuân thủ.

11 Trạng thái đóng cửa an toàn được GISTM định nghĩa là cơ sở lưu trữ quặng đuôi đã đóng cửa và được xác nhận là không còn gây ra các rủi ro trọng yếu cần giám sát liên tục đối với con người hoặc môi trường. Để được hướng dẫn thêm, bao gồm cả định nghĩa cho các thuật ngữ được sử dụng trong công bố thông tin bổ sung theo ngành 14.6.3, hãy xem GISTM [134].

12 Cần báo cáo phương pháp xây dựng là “hạ lưu”, “thượng lưu” hoặc “cố định”. Để biết thêm hướng dẫn, hãy xem các định nghĩa do Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM) xây dựng [132].

Chủ đề 14.7 Nước và nước thải

Được công nhận là một quyền con người, khả năng tiếp cận nước sạch có ý nghĩa thiết yếu đối với cuộc sống và sức khỏe của con người. Lượng nước mà một tổ chức khai thác và tiêu thụ cũng như chất lượng nước thải của tổ chức đó có thể gây ra những tác động đến hệ sinh thái và con người. Chủ đề này đề cập đến các tác động liên quan đến việc khai thác và tiêu thụ nước cũng như chất lượng nước thải.

Hoạt động khai khoáng có thể gây ra tác động đáng kể đến tình trạng sẵn có và chất lượng nước, dẫn đến các hệ quả lâu dài đối với đa dạng sinh học, sức khỏe và sự phát triển của con người, cũng như an ninh lương thực (xem thêm các chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học, 14.10 Cộng đồng địa phương và 14.11 Quyền của Người địa phương). Các tác động đến nguồn nước xảy ra trong suốt thời gian khai khoáng và cả sau khi đóng cửa.

Các tổ chức khai khoáng sử dụng nước trong toàn bộ hoạt động của mình, bao gồm khai thác khoáng sản, xử lý, làm mát, giảm bụi và vận chuyển quặng cũng như chất thải dưới dạng bùn. Hoạt động khai khoáng có thể làm giảm lượng nước sẵn có dành cho cộng đồng địa phương và các đối tượng sử dụng nước khác, từ đó có thể ảnh hưởng đến quyền tiếp cận nước uống sạch của người dân. Ở những khu vực mà nước được thu gom thủ công, việc giảm khả năng tiếp cận nước có thể gây ra những tác động nặng nề đối với phụ nữ và trẻ em gái, những người thường đảm nhiệm công việc này [141].

Lượng nước cần thiết cho hoạt động khai khoáng phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động và phương pháp khai thác. Tổng lượng nước ngọt được khai thác cho hoạt động khai khoáng cũng có thể thay đổi tùy thuộc vào khả năng thay thế nước ngọt của tổ chức, chất lượng nước yêu cầu, đặc điểm của nguồn nước địa phương và cơ sở hạ tầng tái chế.

Các tổ chức khai khoáng có thể cải thiện khả năng tiếp cận nước ngọt của cộng đồng địa phương bằng cách tăng cường cơ sở hạ tầng cấp nước và vệ sinh, đồng thời nâng cao chất lượng nước, chẳng hạn như xử lý hiện tượng thoát nước thải axit từ đá phát sinh tự nhiên. Các tổ chức khai khoáng cũng có thể ảnh hưởng đến thủy văn và tác động đến sinh kế của cộng đồng địa phương bằng cách làm thay đổi mực nước ngầm, chế độ dòng chảy của sông và sử dụng đập để đáp ứng nhu cầu nước ngọt cho hoạt động khai khoáng. Ở những khu vực vốn đã có căng thẳng về nước, hoạt động khai khoáng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng này khi làm giảm khả năng tiếp cận nước của các đối tượng sử dụng khác và làm gia tăng cạnh tranh về nguồn nước. Những tác động này có thể làm gia tăng căng thẳng giữa và trong các ngành khác hoặc cộng đồng địa phương, đặc biệt trong những trường hợp quyền sử dụng nước và các quy định có liên quan được quản lý hoặc thực thi kém hiệu quả.

Tác động của hoạt động khai khoáng đến chất lượng nước bề mặt, nước ngầm và nước biển có thể xuất phát từ lượng nước xả thải và dòng chảy, ô nhiễm kim loại nặng, sự cố tràn, rò rỉ hoặc thẩm thấu hóa chất, cũng như sự cố tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.5 Chất thải và 14.6 Quặng đuôi). Nước thải axit từ mỏ có thể là một trong những tác động nghiêm trọng nhất đến nguồn nước từ các mỏ kim loại, xảy ra khi nước và oxy phản ứng với các loại đá chứa khoáng chất lưu huỳnh, tạo thành dòng chảy có tính axit. Hoạt động khai thác dưới lòng đất cũng có thể làm gián đoạn hoặc gây ô nhiễm các tầng chứa nước ngầm.

Nguy cơ ô nhiễm có thể cao hơn khi hoạt động khai khoáng diễn ra ở những khu vực thường xuyên có mưa lớn có thể gây ngập lụt và khiến việc kiểm soát nước thải trở nên khó khăn hơn. Mức độ xử lý nước và các tiêu chuẩn chất lượng nước áp dụng cho việc xả thải, cũng như mức độ nhạy cảm của hệ sinh thái địa phương, có thể ảnh hưởng đến tác động của các tổ chức khai khoáng đối với nguồn nước tiếp nhận. Hạn hán, lũ lụt và các biến có thời tiết khắc nghiệt khác do biến đổi khí hậu gây ra đặt ra những thách thức ngày càng thường xuyên đối với tình trạng sẵn có và chất lượng nước (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu), đòi hỏi ngành khai khoáng phải có các cách hợp tác nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động đến các cộng đồng địa phương [153].

Báo cáo về nước và nước thải

Nếu tổ chức xác định nước và nước thải là một chủ đề trọng yếu , tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các biện pháp được thực hiện để ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực do nước thải axit từ mỏ.	14.7.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 303: Nước và Nước thải 2018	Công bố thông tin 303-1 Sử dụng và tác động đến nước như một tài nguyên chung	14.7.2
	Công bố thông tin 303-2 Quản lý các tác động liên quan đến lượng nước xả thải	14.7.3
	Công bố thông tin 303-3 Lượng nước khai thác *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo lượng nước khai thác theo từng khu mỏ.	14.7.4
	Công bố thông tin 303-4 Lượng nước xả thải *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo lượng nước xả thải theo từng khu mỏ.	14.7.5
	Công bố thông tin 303-5 Lượng nước tiêu thụ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo lượng nước tiêu thụ theo từng khu mỏ.	14.7.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 303: Nước và Nước thải 2018 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về nước và nước thải, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi

Khi kết thúc thời gian khai thác thương mại, các tổ chức được kỳ vọng sẽ đóng cửa tài sản và cơ sở vật chất, đồng thời cải tạo các địa điểm hoạt động. Các tác động có thể xảy ra trong và sau khi đóng cửa. Chủ đề này đề cập đến phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với việc đóng cửa và phục hồi, bao gồm cách tổ chức xem xét các tác động đến môi trường, cộng đồng địa phương và người lao động.

Mục tiêu của việc đóng cửa mỏ là đưa diện tích đất bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai khoáng trở về trạng thái ổn định về mặt vật lý, sinh học và hóa học. Khi được thực hiện thành công, việc này giúp phục hồi hệ sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm dài hạn, bảo vệ nguồn cấp nước địa phương, đảm bảo an toàn công cộng và, trong phạm vi có thể, cung cấp đất sản xuất cho cộng đồng. Quá trình này được kỳ vọng sẽ tạo ra một hệ sinh thái khỏe mạnh và hoạt động hiệu quả, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất sau khi khai khoáng, tuân thủ các yêu cầu pháp lý và có tính đến nhu cầu cũng như sinh kế của các bên liên quan. Việc lập kế hoạch đóng cửa mỏ nên bắt đầu ngay từ giai đoạn thiết kế dự án và được cập nhật thường xuyên trong suốt thời gian khai khoáng. Việc này có thể giúp giảm thiểu tác động đến môi trường và con người, đồng thời tạo cơ hội cải tạo song song với hoạt động khai khoáng.

Nếu không được quản lý hiệu quả, việc đóng cửa mỏ có thể dẫn đến nhiều tác động môi trường, bao gồm ô nhiễm nước bề mặt và nước ngầm, ô nhiễm đất do các bãi đất đá phủ, thay đổi địa hình và làm phá vỡ đa dạng sinh học (xem thêm các chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học, 14.5 Chất thải và 14.7 Nước và nước thải). Sự hiện diện của các nguyên liệu nguy hại hoặc tình trạng ô nhiễm bởi các nguyên liệu đó có thể gây ra những tác động lâu dài đến sức khỏe và sự an toàn của con người (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương). Việc không cải tạo các khu mỏ sau khai khoáng cũng có thể khiến đất đai không còn phù hợp cho các mục đích sản xuất khác, chẳng hạn như nông nghiệp, từ đó dẫn đến nguy cơ mất sinh kế.

Các hoạt động đóng cửa có thể bao gồm:

- ổn định các hố mỏ lộ thiên hoặc công trình ngầm nhằm ngăn ngừa sụt lún và xói mòn các bậc tầng của hố mỏ;
- tháo dỡ các cơ sở xử lý, thiết bị và các cơ sở hạ tầng khác;
- tháo dỡ các cơ sở và khu trại của người lao động;
- cải tạo và phục hồi đất, bao gồm quản lý lớp đất mặt, các bãi chứa đá thải và bãi đất đá phủ nhằm kiểm soát xói mòn và suy thoái đất, đồng thời thúc đẩy phục hồi hệ sinh thái;
- đóng cửa và niêm phong các cơ sở lưu trữ chất thải, bao gồm cả các cơ sở lưu trữ quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.6 Quặng đuôi);
- giám sát môi trường và kinh tế - xã hội sau khi đóng cửa nhằm bảo đảm các mục tiêu sau khi đóng cửa đang được thực hiện; và
- thực hiện các biện pháp khắc phục được xác định thông qua các hoạt động giám sát.

Các tổ chức khai khoáng có thể triển khai các hoạt động đóng cửa và phục hồi theo từng giai đoạn trong suốt thời gian hoạt động của mỏ, chẳng hạn như lấp hố mỏ và phục hồi thảm thực vật ở các khu vực không còn sử dụng khi hoạt động chuyển sang các khu vực khác.

Mặc dù việc đóng cửa và phục hồi có thể tạo ra các cơ hội việc làm mới, việc chấm dứt hoạt động khai khoáng cũng dẫn đến tình trạng thất nghiệp khi người lao động không còn cần thiết. Việc mở đóng cửa cũng có thể dẫn đến mất việc làm đối với các nhà cung cấp. Tại những nơi mà mỏ là động lực kinh tế chính thông qua tạo việc làm, thu nhập, nguồn thu thuế, phát triển cộng đồng và các lợi ích khác, việc đóng cửa có thể khiến cộng đồng địa phương phải đối mặt với suy thoái kinh tế và xáo trộn xã hội.

Các tác động của việc đóng cửa mỏ có thể trở nên nghiêm trọng hơn nếu không có thông báo đầy đủ hoặc thiếu kế hoạch để phục hồi kinh tế và chuyển đổi xã hội. Các khu mỏ đã đóng cửa hoặc bị bỏ hoang có thể để lại những hệ lụy môi trường kéo dài và gánh nặng tài chính cho cộng đồng và chính phủ, trừ khi có bên chịu trách nhiệm được chỉ định hoặc có nguồn quỹ được phân bổ để chi trả chi phí đóng cửa mỏ và các hoạt động sau khi đóng cửa (xem thêm chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế).

Các tổ chức khai khoáng có thể hợp tác với cộng đồng địa phương, chính phủ, công đoàn và người lao động để giảm thiểu các tác động tiêu cực và hướng tới một nền kinh tế bền vững sau khi khai khoáng. Việc này có thể được thực hiện bằng nhiều cách, chẳng hạn như hoạt động đào tạo thêm kỹ năng và đào tạo lại cho người lao động, triển khai các chương trình điều chuyển người lao động và hỗ trợ tái định cư (xem thêm chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm),

cũng như tham vấn cộng đồng, bao gồm cả phụ nữ, về các kế hoạch đóng cửa (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương). Việc lập kế hoạch đóng cửa thường bắt đầu từ những giai đoạn đầu trong thời gian khai khoáng và ngày càng trở nên chi tiết, linh hoạt hơn khi gần đến thời điểm đóng cửa.

Nhiều khu vực pháp lý yêu cầu các tổ chức phải lập các khoản dự phòng tài chính hoặc đảm bảo tài chính cho các chi phí dài hạn liên quan đến việc đóng cửa và phục hồi mỏ khi xây dựng kế hoạch đóng cửa. Những khoản đảm bảo này nhằm trang trải toàn bộ chi phí ước tính cho các hoạt động đóng cửa và giám sát sau khi đóng cửa, để tính đến các tác động kế thừa về mặt xã hội và môi trường có thể phát sinh sau khi đóng cửa [157].

Các khoản đảm bảo có thể ở dạng nhiều công cụ tài chính khác nhau như tiền ký quỹ, bảo lãnh ngân hàng, trái phiếu bảo lãnh, quỹ tín thác hoặc các tài sản do bên thứ ba nắm giữ, tất cả đều nhằm bảo đảm việc hoàn thành các nghĩa vụ đóng cửa. Các tổ chức có thể tiến hành rà soát định kỳ và cập nhật chi phí để phản ánh những thay đổi trong quá trình hoạt động trong suốt thời gian khai thác của mỏ và tác động của những thay đổi đó đến chi phí đóng cửa. Tuy nhiên, chi phí đóng cửa thường bị hiểu sai, quản lý kém hoặc đánh giá thấp, dẫn đến việc các khoản đảm bảo tài chính không đủ để trang trải chi phí đóng cửa thực tế. Việc bảo đảm tính minh bạch đối với các khoản dự phòng này có thể cải thiện mối quan hệ giữa các tổ chức khai khoáng và các bên liên quan, bao gồm cả chính phủ.

Báo cáo về đóng cửa và phục hồi

Nếu tổ chức xác định đóng cửa và phục hồi là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày về việc tương tác với người lao động, nhà cung cấp, cộng đồng địa phương và các bên liên quan phù hợp khác đã góp phần như thế nào vào việc lập kế hoạch và thực hiện đóng cửa mỏ, bao gồm cả phương án sử dụng đất sau khi khai khoáng.	14.8.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016	Công bố thông tin 402-1 Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	14.8.2
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016	Công bố thông tin 404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	14.8.3
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Đóng cửa và phục hồi các địa điểm: Đối với mỗi khu mỏ, hãy báo cáo việc khu mỏ đó: • có kế hoạch đóng cửa và phục hồi hay không; • có đang thực hiện các hoạt động đóng cửa và phục hồi hay không; • đã được đóng cửa và phục hồi hay chưa.		14.8.4
Phê duyệt và rà soát các kế hoạch đóng cửa và phục hồi: Đối với mỗi kế hoạch đóng cửa và phục hồi: • báo cáo việc kế hoạch đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hay chưa; • báo cáo ngày thực hiện lần rà soát gần nhất và ngày dự kiến thực hiện lần rà soát tiếp theo của kế hoạch.		14.8.5
Diện tích đất bị ảnh hưởng và đã được cải tạo: Đối với mỗi khu mỏ, hãy báo cáo theo đơn vị hecta: • tổng diện tích đất bị ảnh hưởng nhưng chưa được cải tạo; • tổng diện tích đất bị ảnh hưởng và đã được cải tạo (bao gồm cả diện tích được cải tạo theo từng giai đoạn, nếu có).		14.8.6
Thời gian khai thác ước tính của mỏ: Đối với mỗi khu mỏ, hãy báo cáo thời gian khai thác ước tính của mỏ (LOM).[13]		14.8.7

Khoản dự phòng tài chính cho việc đóng cửa và phục hồi: Đối với các khoản dự phòng tài chính mà tổ chức đã lập cho hoạt động đóng cửa và phục hồi, bao gồm giám sát môi trường và kinh tế - xã hội sau khi đóng cửa cũng như công tác quản lý sau khi đóng cửa tại các khu mỏ, hãy báo cáo: • tổng chi phí đóng cửa ước tính (không chiết khấu), liệu khoản dự phòng tài chính có đủ để chi trả toàn bộ chi phí đóng cửa ước tính hiện tại hay không và liệu khoản dự phòng tài chính đã lập có phù hợp với các yêu cầu pháp lý hiện hành hay không, theo từng khu mỏ; • phương pháp được sử dụng để tính chi phí đóng cửa ước tính; • các công cụ tài chính được sử dụng hoặc xây dựng để bảo đảm có đủ các khoản dự phòng tài chính cho việc đóng cửa và phục hồi.[14]	14.8.8
Chuyển đổi sau khi khai khoáng: Trình bày các biện pháp phi tài chính mà tổ chức đã thực hiện để quản lý quá trình chuyển đổi kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương sang một nền kinh tế bền vững sau khi khai khoáng, bao gồm các nỗ lực hợp tác, dự án và chương trình.	14.8.9

Các tài liệu tham khảo

GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016 và *GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016* liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu có liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về đóng cửa và phục hồi, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

13 Định nghĩa về thời gian khai khoáng (LOM) mà tổ chức sử dụng cho công bố thông tin bổ sung theo ngành này nên thống nhất với định nghĩa được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất hoặc các tài liệu tương đương của tổ chức.

14 Để biết thêm hướng dẫn, bao gồm cả định nghĩa cho các thuật ngữ được sử dụng trong công bố thông tin bổ sung theo ngành, hãy xem Các khái niệm tài chính cho việc đóng cửa mỏ của Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), năm 2019 [160]; và tài liệu của Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF) có tiêu đề *Đánh giá Toàn cầu: Quản trị đảm bảo tài chính cho quá trình chuyển đổi sau khi khai khoáng,* năm 2021 [157].

Chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế

Tác động của một tổ chức đối với nền kinh tế đề cập đến cách giá trị mà tổ chức đó tạo ra ảnh hưởng đến các hệ thống kinh tế. Ví dụ, do các thông lệ mua sắm và sử dụng lao động của tổ chức. Các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dịch vụ do tổ chức hỗ trợ cũng có thể tác động đến phúc lợi và sự phát triển lâu dài của cộng đồng. Chủ đề này đề cập đến các tác động kinh tế ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu.

Hoạt động khai khoáng có thể là một nguồn đầu tư và thu nhập quan trọng cho các cộng đồng địa phương, quốc gia và khu vực. Khai thác khoáng sản mang lại những cơ hội đáng kể để các quốc gia sản xuất và cộng đồng của họ thu được lợi ích kinh tế lâu dài ; nếu được quản lý tốt, những lợi ích này có thể chuyển đổi nền kinh tế quốc gia, giảm thiểu tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng, đồng thời nâng cao phúc lợi của người dân. Các đóng góp kinh tế có thể thể hiện ở cấp địa phương thông qua chi tiêu mua sắm, nâng cao năng lực hoặc tạo việc làm, và ở cấp quốc gia, dưới quốc gia hoặc khu vực thông qua thuế và phí sử dụng tài nguyên (xem thêm chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ).

Các tác động sẽ khác nhau tùy thuộc vào quy mô và thời gian hoạt động, mức độ tương tác với các hoạt động kinh tế khác, hiệu quả quản trị tài nguyên của chính quyền địa phương và quốc gia, cũng như các thông lệ mua sắm và việc làm tại địa phương mà tổ chức áp dụng. Ở quy mô toàn cầu, các đóng góp của ngành này thể hiện rõ nét thông qua nhiều khía cạnh, chẳng hạn như việc cung cấp khoáng sản cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp, cho cơ sở hạ tầng và công trình thiết yếu, cũng như cho sản xuất lương thực.

Các tác động kinh tế của hoạt động khai khoáng khác nhau tùy thuộc vào từng giai đoạn cụ thể của dự án khai thác. Trong giai đoạn phát triển mỏ, các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng đạt mức cao nhất, nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ ở mức cao và cần nhiều người lao động. Khi mỏ đi vào hoạt động, các tác động kinh tế chủ yếu được tạo ra thông qua chi tiêu mua sắm, việc làm, đầu tư cho cộng đồng, thuế và các khoản khác phải nộp cho chính phủ. Giai đoạn đóng cửa mỏ và sau khi khai khoáng đòi hỏi tái cơ cấu kinh tế, thường kèm theo tình trạng di cư ra khỏi khu vực, giảm nguồn thu của chính phủ và nhu cầu hạn chế đối với cơ sở hạ tầng, hàng hóa và dịch vụ.

Thông qua hoạt động mua sắm tại địa phương, các tổ chức khai khoáng có thể thúc đẩy việc làm và tăng nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ. Người lao động của các tổ chức khai khoáng và các nhà cung cấp của họ cũng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua việc chi tiêu thu nhập. Việc nâng cao năng lực của các nhà cung cấp, cùng với đào tạo và chuyển giao kỹ năng cho cộng đồng, có thể tạo ra những tác động tích cực lâu dài. Việc xây dựng và vận hành mỏ có thể bao gồm việc phát triển cơ sở hạ tầng như đường bộ, đường sắt và các mạng lưới vận tải khác, mà cộng đồng địa phương có thể sử dụng. Các liên kết sản xuất với các ngành khác cũng có thể thúc đẩy đa dạng hóa kinh tế và phát triển cộng đồng.

Mức độ hưởng lợi của các cộng đồng địa phương từ hoạt động khai khoáng phụ thuộc vào trình độ phát triển và công nghiệp hóa hiện tại của họ, khả năng cung cấp lực lượng lao động có trình độ đáp ứng các cơ hội việc làm mới, cũng như cam kết của các tổ chức trong ngành đối với việc đào tạo lao động địa phương. Tác động ròng đến việc làm của hoạt động khai khoáng cũng phụ thuộc vào ảnh hưởng đến các việc làm hiện có trong các ngành khác và thực tiễn về việc làm của tổ chức (xem thêm chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm). Ví dụ: việc áp dụng hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về cho người lao động có thể làm giảm cơ hội việc làm dành cho cộng đồng địa phương, từ đó làm suy giảm các lợi ích kinh tế tiềm năng ở cấp địa phương. Ở những nơi mà theo truyền thống, phụ nữ chịu trách nhiệm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình và các công việc chủ yếu do nam giới đảm nhiệm, điều này có thể dẫn đến việc phụ nữ phải gánh vác nhiều công việc trong gia đình và cộng đồng hơn [164]. Những tác động này có thể làm gia tăng tình trạng chênh lệch kinh tế và bất bình đẳng giới, đặc biệt nếu việc chia sẻ lợi ích từ hoạt động khai khoáng tách rời khỏi bối cảnh địa phương và nhu cầu của cộng đồng (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương).

Những thay đổi về công nghệ trong khai khoáng quy mô công nghiệp, chẳng hạn như việc gia tăng sử dụng tự động hóa và robot, có thể ảnh hưởng đến các tác động kinh tế và việc chia sẻ lợi ích. Mặc dù có thể tạo ra các kỹ năng mới và gia tăng cơ hội việc làm cho phụ nữ và các nhóm ít thiểu số khác, những thay đổi này cũng có thể làm giảm số lượng lao động cần thiết cho hoạt động khai khoáng.

Ngoài ra, quá trình đóng cửa mỏ được lập kế hoạch hoặc thực hiện kém có thể tạo ra các tác động kéo dài với những hậu quả kinh tế đối với cộng đồng và chính phủ (xem thêm chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi).

Các tác động tiêu cực kéo dài có thể được giảm thiểu ở cấp địa phương thông qua việc tham vấn cộng đồng. Mục tiêu này có thể đạt được bằng cách kết hợp phát triển toàn diện, các cơ chế chia sẻ lợi ích và các chương trình phát triển cộng đồng định hướng theo tác động, nhằm mục đích chuyển đổi cơ cấu của nền kinh tế địa phương. Các tổ chức khai

khoáng cũng có thể thúc đẩy hòa nhập kinh tế bằng cách tuyển dụng hoặc sử dụng các nhà cung cấp dịch vụ tuyển dụng lao động từ những nhóm thiểu số hoặc bị gạt ra ngoài lề, bao gồm cả các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (xem thêm chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng). Việc mở rộng các chương trình phát triển kỹ năng cho người lao động không phải là nhân viên và cho cộng đồng địa phương cũng có thể góp phần tạo ra những tác động tích cực và thúc đẩy quá trình chuyển đổi công bằng sau khi mỏ đóng cửa.

Báo cáo tác động về kinh tế

Nếu tổ chức xác định tác động về kinh tế là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày cách tiếp cận để mang lại cơ hội việc làm, mua sắm và đào tạo cho cộng đồng địa phương.	14.9.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016	Công bố thông tin 201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo các khoản đầu tư cho cộng đồng theo từng khu mỏ.	14.9.2
GRI 203: Tác động Kinh tế Gián tiếp 2016	Công bố thông tin 203-1 Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo việc đã tiến hành đánh giá nhu cầu của cộng đồng để xác định nhu cầu về cơ sở hạ tầng và dịch vụ hay chưa, và kết quả đánh giá đó được sử dụng để định hướng các khoản đầu tư vào dịch vụ được hỗ trợ.	14.9.3
	Công bố thông tin 203-2 Tác động về kinh tế gián tiếp đáng kể *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo số lượng, tổng chi phí và trình bày các chương trình giáo dục và kỹ năng được triển khai cho người lao động không phải là nhân viên.	14.9.4
GRI 204: Thông lệ Mua sắm 2016	Công bố thông tin 204-1 Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo tỷ lệ phần trăm ngân sách mua sắm của tổ chức được chi cho các nhà cung cấp địa phương theo từng khu mỏ.	14.9.5
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Việc làm ở địa phương: Báo cáo tỷ lệ phần trăm người lao động được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương ở cấp khu mỏ, được phân tách theo giới, và định nghĩa về "cộng đồng địa phương" mà tổ chức sử dụng.[15]		14.9.6

15 Người lao động được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương bao gồm những cá nhân sinh ra hoặc có quyền cư trú hợp pháp vô thời hạn (ví dụ: công dân nhập tịch hoặc người có thị thực vô thời hạn) ở cùng thị trường địa lý nơi diễn ra hoạt động khai khoáng. Định nghĩa địa lý của thuật ngữ "địa phương" có thể bao gồm cộng đồng xung quanh cơ sở hoạt động, một khu vực trong phạm vi quốc gia hoặc một quốc gia. Công bố thông tin bổ sung theo ngành này dựa vào Công bố thông tin 202-2 Tỷ lệ quản lý cấp cao được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương trong *GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016*.

Các tài liệu tham khảo

GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về tác động kinh tế, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương

Cộng đồng địa phương bao gồm những cá nhân sinh sống hoặc làm việc tại các khu vực bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức. Tổ chức được kỳ vọng sẽ tiến hành các hoạt động gắn kết cộng đồng để hiểu rõ những điểm yếu và ưu tiên của cộng đồng địa phương, cũng như ảnh hưởng từ hoạt động của tổ chức đối với họ. Chủ đề này bao gồm các tác động về kinh tế xã hội, văn hóa, sức khỏe và quyền con người đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động khai khoáng có thể tạo ra lợi ích xã hội và kinh tế cho cộng đồng địa phương thông qua việc mua sắm và tuyển dụng tại địa phương, thuế và các khoản phải nộp cho chính phủ, các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng và dịch vụ được hỗ trợ, và chương trình phát triển cộng đồng (xem thêm chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế và 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ). Tuy nhiên, các hoạt động khai khoáng cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực về kinh tế - xã hội, văn hóa, sức khỏe v à quyền con người đối với các cộng đồng sống gần khu mỏ, bao gồm Người địa phương, đơn vị khai thác thủ công và quy mô nhỏ, cũng như các nhóm dễ bị tổn thương khác, trong suốt thời gian khai thác mỏ và cả sau khi đóng cửa (xem thêm các chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương và 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ).

Các tác động tiêu cực có thể phát sinh từ các yêu cầu sử dụng đất làm hạn chế khả năng tiếp cận và tình trạng sẵn có của đất đai và tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến mai một truyền thống, văn hóa hoặc bản sắc văn hóa (xem thêm chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên). Các hoạt động khai khoáng có thể gây tổn hại đến di sản văn hóa vật thể, bao gồm các địa điểm và hiện vật, cũng như các hình thức văn hóa phi vật thể như lối sống và tri thức. Các tác động tiêu cực khác đối với sức khỏe, an toàn và phúc lợi của cộng đồng có thể do:

- phơi nhiễm với ô nhiễm, các chất nguy hại và bụi (xem thêm chủ đề 14.3 Khí thải);
- ô nhiễm nước ngầm và nước bề mặt (xem thêm chủ đề 14.7 Nước và nước thải);
- lưu lượng giao thông ra vào khu mỏ; mức độ ánh sáng, tiếng ồn và rung chấn gia tăng do nhiều nguyên nhân, ví dụ như hoạt động nổ mìn và vận chuyển;
- tình trạng suy thoái các lợi ích của hệ sinh thái;
- sản lượng đánh bắt thủy sản và nông sản suy giảm; và
- các sự cố nghiêm trọng như nổ, cháy, sập mỏ, sự cố tràn, và sự cố tại các cơ sở lưu trữ quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng).

Phụ nữ có thể chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các tác động tiêu cực đến môi trường của hoạt động khai khoáng. Ví dụ: công việc thu gom nước và lương thực ở nhiều cộng đồng nông thôn thường do phụ nữ và trẻ em gái đảm nhiệm. Phụ nữ cũng thường xuyên không được tham gia các cuộc tham vấn cộng đồng chính thức [179].

Làn sóng người lao động, người tìm việc hoặc những người khác tìm kiếm lợi ích từ hoạt động kinh tế của mỏ có thể gây ra sự xáo trộn xã hội và làm gia tăng bất bình đẳng kinh tế trong cộng đồng địa phương. Làn sóng này có thể gây áp lực lên các dịch vụ và tài nguyên của địa phương, dẫn đến lạm phát và làm tăng chi phí nhà ở. Ngoài ra, tình trạng lạm dụng chất gây nghiện, cờ bạc và mại dâm, cũng như các bệnh truyền nhiễm cũng có thể gia tăng, làm ảnh hưởng đến sự gắn kết xã hội của cộng đồng. Những thay đổi này có thể gây ra các tác động nặng nề đối với các nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội, chẳng hạn như người cao tuổi, trẻ em và thanh thiếu niên. Đặc biệt, phụ nữ chịu ảnh hưởng nhiều hơn do nguy cơ gia tăng nạn bạo lực tình dục và buôn người bắt nguồn từ tình trạng mất cân bằng giới khi lực lượng lao động chủ yếu là nam giới. Các trường hợp được ghi nhận cũng cho thấy hành vi bạo hành gia đình và bạo lực dựa trên giới tại các khu mỏ và trong các cộng đồng ngay cạnh mỏ [185].

Hoạt động khai khoáng cũng có thể làm phát sinh xung đột xã hội, dẫn đến các tác động đến quyền con người. Khi lợi ích của tổ chức khai khoáng xung đột với lợi ích của cộng đồng địa phương, các bất đồng hoặc khiếu nại có thể trở nên căng thẳng hơn (xem thêm chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh). Xung đột có thể xảy ra vì nhiều nguyên nhân, ví dụ như do các tác động tiêu cực đến môi trường, hoạt động tương tác với cộng đồng địa phương chưa thỏa đáng, sự phân bổ lợi ích kinh tế không đồng đều, hoặc tranh chấp về việc sử dụng đất và tài nguyên thiên nhiên trong quá trình khai khoáng và sau khi đóng cửa mỏ.

Các tổ chức khai khoáng có thể đánh giá các tác động đối với cộng đồng trong suốt thời gian khai khoáng bằng cách thực hiện các đánh giá tác động về môi trường và xã hội. Việc này có thể giúp bảo đảm xác định các tác động tiêu cực và ngăn chặn nếu có thể, sau đó xử lý và khắc phục kịp thời. Các tổ chức được kỳ vọng mang lại những lợi ích góp phần vào sự phát triển dài hạn cho cộng đồng địa phương nhằm cân bằng các tác động tiêu cực của hoạt động khai

khoáng. Ví dụ: các thỏa thuận phát triển cộng đồng thường xác định các quyền và trách nhiệm của tổ chức khai khoáng trong việc mang lại các lợi ích kinh tế - xã hội cho cộng đồng địa phương. Những thỏa thuận này có thể bao gồm các nghĩa vụ liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng, sử dụng đất và nước, hợp tác với đơn vị khai thác thủ công và quy mô nhỏ, cũng như mua sắm và tuyển dụng tại địa phương [187]. Trong một số trường hợp, những thỏa thuận này có thể là thỏa thuận bảo mật.

Hoạt động tương tác hiệu quả với cộng đồng địa phương bao gồm hoạt động trao đổi hai chiều mang tính minh bạch, chủ động, kịp thời và liên tục. Phương pháp này có thể giúp giảm bớt căng thẳng, cải thiện quan hệ với cộng đồng và thúc đẩy các quy trình ra quyết định minh bạch. Đây là những yếu tố thiết yếu để đạt được và duy trì sự chấp thuận của xã hội đối với hoạt động kinh doanh. Hoạt động tương tác hiệu quả cũng bao gồm việc tham vấn cộng đồng địa phương trước khi đưa ra quyết định,bao gồm việc thừa nhận sự mất cân bằng quyền lực giữa tổ chức khai khoáng và cộng đồng địa phương, đồng thời cung cấp thông tin dễ tiếp cận, phù hợp với văn hóa và có trách nhiệm về giới bằng ngôn ngữ địa phương [173]. Khi để phụ nữ, các nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm thiểu số khác tham gia vào các cuộc tham vấn, các tổ chức khai khoáng có thể chủ động thu hút họ tham gia quy trình tương tác với cộng đồng. Việc này bảo đảm rằng thông tin thu thập được phản ánh các ưu tiên của địa phương và thúc đẩy sự phân bổ lợi ích một cách công bằng.

Các tổ chức còn xử lý các tác động tiêu cực của mình bằng cách thiết lập hoặc tham gia vào các cơ chế khiếu nại và các quy trình khắc phục khác phù hợp với nhu cầu của cộng đồng.

Báo cáo về cộng đồng địa phương

Nếu tổ chức xác định cộng đồng địa phương là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp xác định các bên liên quan, bao gồm nhóm dễ bị tổn thương, trong cộng đồng địa phương. • Trình bày phương pháp tương tác với cộng đồng địa phương ở từng giai đoạn trong thời gian khai khoáng, bao gồm: - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo hoạt động tương tác hiệu quả; - cách tổ chức hỗ trợ việc tham gia an toàn và bình đẳng giới. • Trình bày phương pháp xây dựng và triển khai các chương trình phát triển cộng đồng, bao gồm việc hoạt động tương tác với các bên liên quan tại địa phương, các đánh giá tác động và các đánh giá nhu cầu của cộng đồng đã định hình những chương trình này như thế nào.	14.10.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016	Công bố thông tin 413-1 Những cơ sở hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo mọi thỏa thuận phát triển cộng đồng chính thức mà tổ chức đã ký kết theo từng khu mỏ.	14.10.2
	Công bố thông tin 413-2 Những cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực đáng kể đã xảy ra và có thể xảy ra tới cộng đồng địa phương *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Đối với mỗi khu mỏ, trình bày các tác động đến sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng địa phương.	14.10.3
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Khiếu nại từ các cộng đồng địa phương: Đối với mỗi khu mỏ, hãy báo cáo: • số lượng và các loại khiếu nại từ cộng đồng địa phương trong kỳ báo cáo; • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại đã được xử lý và giải quyết trong kỳ báo cáo; • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại được giải quyết thông qua biện pháp khắc phục trong kỳ báo cáo.		14.10.4

Các tài liệu tham khảo

GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về cộng đồng địa phương, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương

Người địa phương đứng trước nguy cơ cao hơn phải chịu những tác động tiêu cực nghiêm trọng hơn do các hoạt động của tổ chức gây ra. Người địa phương có cả quyền tập thể và quyền cá nhân, theo nội dung nêu trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người Bản địa và các văn kiện quốc tế có giá trị tham chiếu cao khác về quyền con người. Chủ đề này đề cập đến những tác động đối với quyền của Người địa phương.

Các hoạt động khai khoáng có thể mang lại các cơ hội và lợi ích về kinh tế và xã hội cho Người địa phương thông qua các khoản thanh toán tài chính, việc làm, mua sắm, đào tạo và chương trình phát triển cộng đồng (xem thêm chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế). Tuy nhiên, những hoạt động này cũng có thể làm xáo trộn các mối liên hệ của Người địa phương với đất đai hoặc môi trường tự nhiên của họ, làm tổn hại đến các quyền và phúc lợi của họ, buộc họ phải di dời (xem thêm chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên). Hoạt động khai khoáng có thể tác động đến tình trạng sẵn có và khả năng tiếp cận nguồn nước, đây là mối quan ngại chính đối với nhiều cộng đồng Người địa phương. Các hoạt động khai khoáng có thể gây tổn hại thêm đến di sản văn hóa, bao gồm các địa điểm và hiện vật hữu hình, cũng như các hình thức văn hóa phi vật thể như lối sống truyền thống và tri thức văn hóa.

Làn sóng người lao động từ các khu vực khác có thể dẫn đến sự phân biệt đối xử đối với Người địa phương về việc tiếp cận việc làm và cơ hội. Tình trạng này có thể làm suy yếu hơn nữa mức gắn kết xã hội, phúc lợi và an toàn. Nữ giới Người địa phương có thể phải đối mặt với nguy cơ cao hơn so với nam giới Người địa phương về mại dâm, lao động cưỡng bức, bạo lực và các bệnh truyền nhiễm (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương).

Các quyền tập thể và cá nhân của Người địa phương được ghi nhận trong các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao. Người địa phương thường có tư cách pháp lý đặc thù trong pháp luật quốc gia và có thể là chủ sở hữu theo tập quán hoặc theo pháp luật đối với những vùng đất mà các tổ chức trong ngành khai khoáng được chính phủ cấp quyền sử dụng. Các tổ chức được kỳ vọng sẽ nhận được sự đồng thuận tự nguyện, trước khi thực hiện và sau khi được cung cấp thông tin (FPIC) trước và trong suốt quá trình hoạt động đối với các quyết định có thể tác động đến đất đai hoặc tài nguyên mà Người địa phương sử dụng hoặc sở hữu. Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người địa phương công nhận quyền của họ trong việc đồng thuận hoặc từ chối đồng thuận ở bất kỳ giai đoạn nào của dự án có thể ảnh hưởng đến họ hoặc lãnh thổ của họ và đàm phán để cải thiện các điều kiện [197]. Vì vậy, các tổ chức khai khoáng có trách nhiệm tôn trọng các quyền của Người địa phương, bất kể năng lực hay thiện chí của chính phủ trong việc thực hiện các nghĩa vụ về quyền con người của chính phủ.

Các tổ chức trong ngành này vẫn tiếp tục xảy ra tranh chấp và xung đột với Người địa phương liên quan đến quyền sở hữu và các quyền đối với đất đai. Các trường hợp được ghi nhận cho thấy không có các cuộc tham vấn thiện chí và tình trạng gây áp lực thái quá buộc Người địa phương phải chấp nhận các dự án. Trong một số trường hợp, việc phản đối những dự án đó còn dẫn đến trường hợp bạo lực hoặc tử vong [201]. Các tổ chức khai khoáng có thể thúc đẩy mối quan hệ tích cực với Người địa phương thông qua tham vấn trên cơ sở đồng thuận, các thỏa thuận cùng có lợi và các thông lệ tương tác minh bạch. Các lợi ích trực tiếp, bao gồm các khoản thanh toán tài chính, thường được ghi nhận thông qua các thỏa thuận chia sẻ lợi ích nhằm chính thức hóa các kỳ vọng của cả hai bên. Các tổ chức khai khoáng có thể sử dụng các cơ chế khiếu nại, được thiết kế phù hợp với nhu cầu của cộng đồng, để giải quyết các mối quan ngại và đưa ra biện pháp khắc phục.

Báo cáo về quyền của Người địa phương

Nếu tổ chức xác định quyền của Người địa phương là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp xác định Người địa phương đang hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức. • Trình bày phương pháp tương tác với Người địa phương, bao gồm: - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo hoạt động tương tác hiệu quả; - cách tổ chức hỗ trợ việc tham gia an toàn và công bằng về giới. • Trình bày các chính sách hoặc cam kết, và các biện pháp đã thực hiện để tôn trọng di sản văn hóa của Người địa phương. Trình bày các chương trình phát triển cộng đồng đang được triển khai nhằm tăng cường tác động tích cực đối với Người địa phương.	14.11.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 411: Quyền của Người địa phương 2016	Công bố thông tin 411-1 Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các vụ vi phạm đã xác định liên quan đến quyền của Người địa phương.	14.11.2
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Các địa điểm hoạt động có thể ảnh hưởng đến Người địa phương: Liệt kê các địa điểm hoạt động và các trữ lượng đã được chứng minh nơi có Người địa phương sinh sống và đang hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức.\		14.11.3
Ý kiến chấp thuận trước khi thực hiện, trên cơ sở tự nguyện và được cung cấp đầy đủ thông tin: Báo cáo tổ chức có tham gia quy trình xin ý kiến đồng thuận tự nguyện, trước khi thực hiện và sau khi cung cấp thông tin (FPIC) từ Người địa phương đối với bất kỳ hoạt động nào của tổ chức hay không, bao gồm trong từng trường hợp: • liệu quy trình này đã được tổ chức và Người địa phương bị ảnh hưởng cùng chấp thuận hay chưa; • liệu đã đạt được thỏa thuận hay chưa, và nếu có, liệu thỏa thuận đó có được công khai hay không.		14.11.4

Các tài liệu tham khảo

GRI 411: Quyền của Người địa phương 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quyền của Người địa phương, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên

Quyền đối với đất đai và tài nguyên bao gồm quyền sử dụng, quản lý và kiểm soát đất đai, nguồn lợi thủy sản, rừng và các tài nguyên thiên nhiên khác. Tác động của một tổ chức đến tình trạng sẵn có và khả năng tiếp cận các tài nguyên này có thể ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương và những đối tượng sử dụng khác. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ việc tổ chức sử dụng đất và tài nguyên thiên nhiên đối với quyền con người và quyền sử dụng đất, bao gồm cả các tác động từ việc tái định cư của các cộng đồng địa phương.

Các hoạt động khai khoáng đòi hỏi diện tích đất lớn cho công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác lưu trữ chất thải, xử lý, vận chuyển và phân phối. Khi diễn ra gần các cộng đồng địa phương, những hoạt động này đôi khi hạn chế khả năng tiếp cận các địa điểm có ý nghĩa văn hóa và các tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến việc tái định cư không tự nguyện, và làm ảnh hưởng đến các sinh kế truyền thống như nông nghiệp và khai khoáng thủ công (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương). Những tác động đến quyền đối với đất đai và tài nguyên có thể dẫn đến tình trạng thất nghiệp, bị gạt ra ngoài lề, mất an ninh lương thực, gia tăng nguy cơ về sức khỏe và nghèo đói. Các tác động từ việc sử dụng đất có thể khác nhau tùy thuộc vào phương pháp khai thác và vận chuyển, quy mô và vị trí của mỏ, cũng như quy trình xử lý cần thiết. Ví dụ: tình trạng di dời dân cư thường gắn liền nhiều hơn với hoạt động khai thác lộ thiên. Trong nhiều trường hợp, các nhóm dễ bị tổn thương chịu ảnh hưởng nặng nề hơn, bao gồm phụ nữ - những người thường không được coi là chủ sở hữu hợp pháp (xem thêm chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương).

Các quy định không rõ ràng về quyền sử dụng đất - quy định việc tiếp cận, sử dụng và kiểm soát đất - có thể dẫn đến tranh chấp, căng thẳng xã hội và kinh tế, cũng như xung đột. Tình trạng này có thể trở nên trầm trọng hơn do việc tham vấn và bồi thường không đầy đủ cho các cộng đồng bị ảnh hưởng. Ví dụ: ở những khu vực mà các quy định pháp luật chính thức về quyền sử dụng đất chồng chéo hoặc mâu thuẫn với các quy tắc tập quán truyền thống, xung đột có thể nảy sinh khi các kỳ vọng giữa cộng đồng và các tổ chức khai khoáng không rõ ràng hoặc không được đáp ứng. Những tranh chấp này có thể liên quan đến vấn đề bồi thường, khả năng tiếp cận hoặc giấy tờ chứng minh chủ sở hữu theo tập quán - những người có thể phụ thuộc vào đất đai của mình để đảm bảo lương thực, duy trì văn hóa và sinh kế.

Việc tái định cư không tự nguyện của các cộng đồng địa phương, bao gồm cả di dời về mặt vật lý (ví dụ: chuyển chỗ ở hoặc mất nơi cư trú) và di dời về mặt kinh tế (ví dụ: mất khả năng tiếp cận tài sản), có thể dẫn đến việc mất đi các mạng lưới quan hệ, bản sắc văn hóa và tài sản vật chất như trường học, nơi thờ tự và nghĩa trang. Các tổ chức có thể khắc phục những tác động tiêu cực từ việc tái định cư bằng cách bồi thường cho các cộng đồng địa phương theo mức giá thay thế đầy đủ cho đất đai và các tài sản khác bị mất. Việc này có thể được thực hiện bằng cách thay thế đất khi có thể, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên thay thế hoặc bồi thường bằng tiền cho các tài sản bị mất.

Tác động của việc tái định cư đối với sinh kế có thể nghiêm trọng hơn đối với các cộng đồng tham gia khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ do những hoạt động này thường không chính thức. Trong trường hợp không có các quyền được công nhận đối với đất đai và khoáng sản, có khả năng những cộng đồng này có thể không được bồi thường (xem thêm chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ). Trong một số trường hợp, các thành viên cộng đồng phản đối việc tái định cư có thể phải đối mặt với các hành vi đe dọa và hành vi đe dọa, cũng như việc bị cưỡng chế rời khỏi đất đai một cách bạo lực, đàn áp hoặc đe dọa đến tính mạng.

Việc giải quyết các tác động liên quan đến quyền đối với đất đai và tài nguyên cũng như tái định cư đòi hỏi phải tiến hành đánh giá tác động trên cơ sở toàn diện và liên tục. Việc này có thể đảm bảo rằng các tác động được xác định và phòng ngừa, ví dụ như tránh tình trạng tái định cư không tự nguyện khi có thể. Các biện pháp như bồi thường công bằng và cải thiện điều kiện sống có thể giúp giảm thiểu tác động và mang lại biện pháp khắc phục. Việc duy trì hoạt động tương tác liên tục, hòa nhập và phù hợp với văn hóa cùng các cộng đồng địa phương trong suốt thời gian khai khoáng và cả sau khi đóng cửa - ví dụ như thông qua các cuộc tham vấn và quy trình điều trần công khai - là điều thiết yếu để bảo đảm tính khả thi và tính bền vững cho sinh kế của cộng đồng. Trong đó bao gồm việc đảm bảo có đủ đại diện cho phụ nữ và các nhóm khác dễ bị tổn thương hơn trước các tác động. Các tổ chức cũng có thể xin ý kiến đồng thuận tự nguyện, trước khi thực hiện và sau khi được cung cấp thông tin khi các hoạt động khai khoáng gây tác động đến đất đai hoặc tài nguyên mà các cộng đồng địa phương sử dụng hoặc sở hữu.

Báo cáo về Quyền đối với đất đai và tài nguyên

Nếu tổ chức xác định quyền đối với đất đai và tài nguyên là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp tương tác với các bên liên quan có quyền đối với đất đai và tài nguyên đang hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức, bao gồm: - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo hoạt động tương tác hiệu quả; - cách tổ chức hỗ trợ việc tham gia an toàn và công bằng về giới. • Trình bày các chính sách, cam kết và kế hoạch nhằm mang lại biện pháp khắc phục cho các cộng đồng địa phương hoặc cá nhân ở địa phương phải tái định cư không tự nguyện, cũng như quy trình xác định mức bồi thường cho tổn thất tài sản hoặc các hỗ trợ khác nhằm cải thiện hoặc khôi phục mức sống hay sinh kế. • Trình bày các quy trình hiện có để giám sát và đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã thực hiện nhằm khắc phục tác động tiêu cực từ tình trạng tái định cư không tự nguyện, cũng như các biện pháp khắc phục đã được thực hiện khi cần thiết.[16]	14.12.1
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Tái định cư Không tự nguyện: Liệt kê các khu mỏ nơi việc tái định cư không tự nguyện đang được lên kế hoạch, đang diễn ra hoặc đã được thực hiện. Đối với mỗi khu mỏ được liệt kê: • báo cáo số lượng người đã bị hoặc sẽ bị di dời, kèm theo phân tích chi tiết theo giới; • trình bày việc sinh kế và quyền con người của người dân đang hoặc có thể bị ảnh hưởng cũng như được khôi phục như thế nào.		14.12.2
Vi phạm về quyền đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên: Liệt kê các địa điểm hoạt động nơi đã xảy ra xung đột hoặc vi phạm quyền đối với đất đai và tài nguyên (bao gồm quyền sử dụng theo tập quán, tập thể và không chính thức), đồng thời trình bày các sự việc và các bên liên quan có quyền đang hoặc có thể bị ảnh hưởng.		14.12.3

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quyền đối với đất đai và tài nguyên, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

16 Để biết thêm hướng dẫn, hãy xem các Yêu cầu 10, 14 và 25 trong Tiêu chuẩn Kết quả Hoạt động 5 Thu mua Đất và Tái định cư Không tự nguyện của IFC [220].

Chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ

Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM) đề cập đến hoạt động khai khoáng do các cá nhân, gia đình hoặc hợp tác xã thực hiện trong đó ít hoặc không cơ giới hóa, và thường hoạt động không chính thức. Hoạt động ASM diễn ra trên khắp thế giới, nhưng đặc biệt phổ biến tại các quốc gia đang phát triển, nơi ASM là một nguồn thu nhập và sinh kế quan trọng. Chủ đề này đề cập đến các tác động của các tổ chức khai khoáng đối với các đơn vị ASM, cũng như các tác động mà các tổ chức khai khoáng có thể có liên quan thông qua các mối quan hệ kinh doanh, tương tác hoặc việc cùng hoạt động tại cùng một địa điểm với đơn vị ASM.

Ước tính có khoảng 45 triệu người trên toàn thế giới tham gia hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM). Tại một số khu vực, việc thiếu các cơ hội kinh tế thay thế có thể khiến hoạt động ASM trở thành nguồn sinh kế và việc làm quan trọng đối với các cộng đồng địa phương, bao gồm cả phụ nữ - những người chiếm khoảng 30% lực lượng tham gia hoạt động ASM [228]. Các hoạt động ASM có thể là hoạt động chính thức hoặc không chính thức, và thường gắn liền với các hình thức khai khoáng đơn giản, khả năng tiếp cận công nghệ hạn chế và cường độ lao động cao. ASM có thể bao gồm các cá nhân khai thác, các gia đình và các hợp tác xã với quy mô lên đến hàng trăm hoặc thậm chí hàng nghìn thợ mỏ tham gia. Các tổ chức khai khoáng có thể tương tác với hoạt động ASM vào giai đoạn đầu của các dự án khai khoáng, khi các mỏ khoáng sản được phát lộ và các đơn vị ASM di chuyển đến khu mỏ. Hoạt động ASM cũng có thể đã tồn tại trước khi các tổ chức khai khoáng bắt đầu tiến hành thăm dò và khai thác.

Ở một số quốc gia, ASM được công nhận là hoạt động hợp pháp và do đó là hoạt động chính thức. Trong những bối cảnh mà ASM không có tư cách pháp lý, hoạt động này được coi là không chính thức. Tuy nhiên, các hoạt động ASM vẫn có thể được coi là hợp pháp khi các đơn vị ASM thể hiện thiện chí hoạt động trong khuôn khổ pháp luật hiện hành và tham gia vào các cơ hội hợp thức hóa khi có sẵn. Dù chính thức hay không chính thức, hoạt động ASM không được coi là hợp pháp nếu có các hành vi vi phạm quyền con người, các dòng tài chính bất hợp pháp hoặc nếu góp phần gây ra xung đột [232].

Khi hoạt động ASM diễn ra mà không có tư cách pháp lý, việc tương tác với các tổ chức khai khoáng và cùng hoạt động tại cùng một địa điểm với các tổ chức đó có thể dẫn đến xung đột về đất đai, quyền tiếp cận và kiểm soát các mỏ khoáng sản, cũng như quyền khai thác (xem thêm chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên). Các tổ chức khai khoáng có thể được cơ quan quản lý cấp quyền khai thác chính thức. Tuy nhiên, các hoạt động ASM không chính thức có thể nhận được sự ủng hộ của cộng đồng địa phương theo các truyền thống xã hội và văn hóa hoặc các tập quán không chính thức được hình thành theo thời gian (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương). Trong những trường hợp như vậy, việc một tổ chức sử dụng nhân viên an ninh để bảo vệ tài sản có thể dẫn đến các vi phạm quyền con người (xem thêm chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh) hoặc làm trầm trọng thêm xung đột (xem thêm chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao).

Việc các tổ chức khai khoáng hoạt động gần các hoạt động ASM không chính thức có thể cản trở hiệu quả của các chiến lược giảm thiểu nhằm quản lý tác động. Ví dụ: các nỗ lực nhằm duy trì chất lượng không khí hoặc nước có thể bị cản trở do việc sử dụng hóa chất hoặc kim loại nặng trong hoạt động ASM. Các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao mà tổ chức khai khoáng có nghĩa vụ bảo vệ cũng có thể bị tổn hại do việc tiếp cận không được kiểm soát của các đơn vị ASM.

Các tổ chức khai khoáng có thể liên quan đến các tác động tiêu cực từ hoạt động ASM khi mua khoáng sản do các đơn vị ASM khai thác. Những tác động này bao gồm giảm mức độ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng như việc sử dụng thủy ngân - đặc biệt trong hoạt động khai thác vàng ASM - vốn là mối quan ngại lớn đối với sức khỏe của người lao động, cộng đồng địa phương và môi trường. ASM cũng có thể liên quan đến việc sử dụng lao động trẻ em, do trẻ em thường tham gia vào các hoạt động ASM để bổ sung th u nhập cho gia đình (xem thêm chủ đề 14.18 Lao động trẻ em). Các tổ chức khai khoáng cũng có thể liên quan đến các trường hợp lao động cưỡng bức thông qua những tương tác của họ với hoạt động ASM.

Các tổ chức khai khoáng có thể tiến hành tương tác và tham vấn cộng đồng với các đơn vị ASM nhằm xây dựng các mối quan hệ mang tính xây dựng. Những hoạt động này sẽ bắt đầu từ giai đoạn thăm dò để thường xuyên xác định, ngăn chặn và giảm thiểu các tác động từ việc tương tác và cùng hoạt động tại cùng một địa điểm với đơn vị ASM, cũng như các tác động liên quan thông qua c ác mối quan hệ kinh doanh của họ, chẳng hạn như với các nhà cung cấp dịch vụ an ninh. Các tổ chức khai khoáng có thể hỗ trợ việc chuyên nghiệp hóa các đơn vị ASM không chính thức nhưng hợp pháp bằng cách phân bổ khu vực khai thác và tiến hành hoạt động nâng cao năng lực, cung cấp nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật. Các tổ chức khai khoáng cũng có thể đầu tư vào các sáng kiến mua sắm tại địa phương, thúc đẩy hợp tác thông qua các thỏa thuận mua lại và hỗ trợ quá trình hợp thức hóa thông qua hoạt động hợp tác đa bên với chính phủ và các bên liên quan khác ở cấp khu vực và quốc gia.

Báo cáo về hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ

Nếu tổ chức xác định hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp tương tác với các đơn vị ASM và các hành động mà tổ chức đã thực hiện nhằm hỗ trợ các nỗ lực hợp thức hóa và chuyên nghiệp hóa hoạt động ASM. • Trình bày các chương trình hiện có nhằm tăng cường các tác động tích cực hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực liên quan đến ASM, bao gồm việc: - những chương trình đó có tính đến yếu tố giới không và như thế nào; - tương tác với chính quyền địa phương và cộng đồng giúp định hình những chương trình đó như thế nào. • Nếu sử dụng nguồn cung từ hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ, hãy trình bày các chính sách hiện có và quy trình được sử dụng để xác định và đánh giá các tác động tiêu cực đã xảy ra và có thể xảy ra.	14.13.1
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Các khu mỏ nơi diễn ra hoạt động ASM: Liệt kê các khu mỏ nơi diễn ra hoạt động ASM tại hoặc gần khu mỏ đó.		14.13.2
Các sự cố liên quan đến hoạt động ASM: Báo cáo tổng số lượng và tính chất của các sự cố liên quan đến hoạt động ASM, cũng như các biện pháp đã được thực hiện để giải quyết các sự cố đó.[17]		14.13.3

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

17 Trong bối cảnh của công bố thông tin này, "vụ việc" chỉ hành động pháp lý hoặc than phiền đã được trình lên tổ chức báo cáo hoặc cơ quan có thẩm quyền thông qua quy trình chính thức, hoặc trường hợp không tuân thủ được tổ chức xác định thông qua các quy trình đã thiết lập (kiểm tra hệ thống quản lý, chương trình giám sát chính thức hoặc cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại).

Chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh

Việc sử dụng nhân viên an ninh có thể đóng vai trò thiết yếu trong việc giúp tổ chức hoạt động an toàn và hiệu quả, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến các vi phạm về quyền con người. Chủ đề này đề cập đến các tác động phát sinh từ việc sử dụng hoặc sự hiện diện của nhân viên an ninh.

Nhiều tổ chức trong ngành khai khoáng sử dụng nhân viên an ninh để bảo vệ tài sản của tổ chức hoặc đảm bảo an toàn và an ninh cho người lao động. Các tổ chức có thể sử dụng nhân viên an ninh của riêng mình, nhưng cách phổ biến hơn là sử dụng các nhà cung cấp dịch vụ an ninh bên thứ ba, chẳng hạn như các công ty an ninh tư nhân, hoặc ký kết các thỏa thuận với chính phủ nước sở tại để họ bố trí lực lượng công an. Nhân viên an ninh có thể hoạt động tại địa điểm của tổ chức hoặc dọc theo chuỗi cung ứng và có thể hiện diện trong các khâu xử lý khoáng sản, vận chuyển, lưu trữ hoặc tại điểm bán hàng.

Các trường hợp được ghi nhận cho thấy nhân viên an ninh đã có những hành vi vi phạm quyền con người trong khi tiếp xúc với cộng đồng địa phương hoặc các nhà hoạt động, từ đe dọa và hăm dọa đến sử dụng bạo lực. Phụ nữ dễ bị tổn thương hơn trước hành vi quấy rối và bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới tính do nhân viên an ninh gây ra.

Mặc dù nhân viên an ninh được bố trí ở nhiều khu vực địa lý khác nhau, nhưng rủi ro vi phạm quyền con người và luật nhân đạo quốc tế gia tăng ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột, nơi các nhà cung cấp dịch vụ an ninh có thể có liên hệ với các nhóm quân sự hoặc bán quân sự (xem thêm chủ đề 14.25 Khu vực có xung đột và khu vực có rủi ro cao). Rủi ro cũng có thể gia tăng khi hoạt động khai khoáng diễn ra gần khu vực của Người địa phương và các nhóm dễ bị tổn thương (xem thêm chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương). Các đơn vị khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM) có thể phải đối mặt với rủi ro cao hơn về vi phạm quyền con người, đặc biệt khi tồn tại các mối quan ngại liên quan đến hoạt động ASM trên các khu vực đặc nhượng của các tổ chức khai khoáng (xem thêm chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ).

Các hành động do nhân viên an ninh thực hiện đối với các thành viên cộng đồng địa phương và những người bảo vệ quyền con người có thể vi phạm quyền tự do hội họp và tự do ngôn luận, đồng thời có thể dẫn đến chấn thương và tử vong. Các sự cố vi phạm quyền con người liên quan đến ngành khai khoáng có thể gắn liền với nhiều hoạt động, ví dụ như các hoạt động biểu tình của những người bảo vệ đất đai và môi trường phản đối hoạt động khai khoáng, hoặc khi các cộng đồng bảo vệ đất đai và tài nguyên của mình trước các hoạt động khai khoáng (xem thêm chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên) [245]. Những người bảo vệ quyền con người được hưởng các quyền và sự bảo vệ đặc biệt như được nêu trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Người bảo vệ Quyền Con người và các hiệp định quốc tế khác, nhưng trên thực tế họ thường xuyên gặp phải các hành vi lạm dụng và quấy rối. Những người bảo vệ nhân quyền nữ thường chịu ảnh hưởng nặng nề hơn.

Các tổ chức trong ngành này có trách nhiệm đảm bảo các thông lệ an ninh phù hợp với việc tôn trọng quyền con người và luật nhân đạo quốc tế [247]. Trong đó bao gồm việc đánh giá liên quan đến an ninh, xác định các tình huống có khả năng xảy ra tác động đến quyền con người và phối hợp với nhân viên an ninh để đảm bảo quyền con người được tôn trọng. Các tác động cũng có thể được giảm thiểu trên diện rộng hơn thông qua việc hiểu rõ hơn bối cảnh địa phương, chẳng hạn như sự hiện diện của các nhóm dễ bị tổn thương và cơ cấu giới của cộng đồng địa phương.

Báo cáo về thông lệ an ninh

Nếu tổ chức xác định thông lệ an ninh là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày cách tổ chức tìm cách ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực có khả năng xảy ra từ việc sử dụng nhà cung cấp dịch vụ an ninh công và tư nhân. • Báo cáo việc tổ chức có đang thực hiện Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền Con người hay không.	14.14.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 410: Thực hành An ninh 2016	Công bố thông tin 410-1 Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	14.14.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 410: Thông lệ An ninh 2016 liệt kê các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về thông lệ an ninh, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng

Quản lý sự cố nghiêm trọng liên quan đến việc ngăn chặn và kiểm soát các sự cố có thể dẫn đến trường hợp tử vong, chấn thương hoặc tổn hại sức khỏe, tác động đến môi trường, cũng như thiệt hại đối với cộng đồng địa phương và cơ sở hạ tầng. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ những sự cố như vậy và cách tổ chức quản lý những tác động đó.

Các sự cố nghiêm trọng trong ngành khai khoáng không chỉ gây thiệt hại cho tài sản của tổ chức mà còn có thể gây ra tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với nhân viên an ninh, cộng đồng địa phương, và môi trường, ví dụ như thông qua ô nhiễm không khí, đất và nước, suy thoái hệ sinh thái và môi trường sống, cũng như động vật bị chết. Những tác động này có thể làm gián đoạn các hoạt động kinh tế khác phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên như nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, từ đó ảnh hưởng đến sinh kế và đe dọa an ninh lương thực.

Các sự cố nghiêm trọng trong ngành khai khoáng có thể liên quan đến nhiều hoạt động, ví dụ như việc phát thải hóa chất và khí độc hại, sự cố bãi đổ đá và cơ sở lưu trữ quặng đuôi (xem thêm chủ đề 14.6 Quặng đuôi), sập hầm lò, sụt lún đất, sạt lở đất, hỏa hoạn, lũ lụt và va chạm phương tiện. Việc vận chuyển, sử dụng và lưu trữ thuốc nổ dùng cho hoạt động nổ mìn có thể dẫn đến chấn thương hoặc tử vong đối với người lao động và cộng đồng địa phương. Các sự cố có thể bắt nguồn từ nhiều lý do, ví dụ như việc sử dụng thiết bị không đúng cách hoặc thiết bị bị trục trặc, sai sót chủ quan, lỗi cơ khí hoặc hỏng hóc thiết bị (xem thêm chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp) và việc quản lý kém đối với chất thải và nguyên liệu nguy hại (xem thêm chủ đề 14.5 Chất thải) có thể dẫn đến trường hợp tử vong, chấn thương hoặc tổn hại sức khỏe. Các sự cố cũng có thể bắt nguồn từ hoạt động địa chấn do hoạt động khai khoáng gây ra, điều kiện khí hậu và các biến cố thời tiết. Khả năng xảy ra các biến cố thời tiết khắc nghiệt như lũ lụt, hạn hán, hỏa hoạn và các đợt nắng nóng đang gia tăng do biến đổi khí hậu (xem thêm chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu). Các sự cố nghiêm trọng trong chuỗi cung ứng có thể liên quan đến nhiều bên, ví dụ như các nhà thầu thực hiện hoạt động khai khoáng tại chỗ hoặc các công ty vận tải gặp tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển sản phẩm.

Các tổ chức khai khoáng thực hiện việc quản lý kiểm soát quan trọng nhằm dự đoán các sự cố và xác định các biện pháp kiểm soát cần thiết để giảm thiểu hoặc khắc phục rủi ro xảy ra sự cố. Việc có kế hoạch chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp sẽ giúp ngăn chặn và giảm thiểu một cách hiệu quả hơn các tác động tiêu cực từ các sự cố nghiêm trọng. Việc thực hiện kịp thời những biện pháp này là điều thiết yếu khi các sự cố nghiêm trọng xảy ra. Các tổ chức khai khoáng có thể nâng cao mức độ sẵn sàng ứng phó khẩn cấp bằng cách thiết lập các kênh liên lạc hiệu quả và tương tác với cộng đồng địa phương v à các bên liên quan phù hợp khác về các rủi ro tiềm ẩn đối với sức khỏe và an toàn gắn liền với hoạt động khai khoáng. Họ cũng có thể huy động những nhóm này tham gia vào quá trình thực hiện biện pháp khắc phục để đảm bảo phản ứng mang tính toàn diện và hợp tác (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương).

Báo cáo về quản lý sự cố nghiêm trọng

Nếu tổ chức xác định quản lý sự cố nghiêm trọng là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày cách tiếp cận của tổ chức đối với các kế hoạch chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp, bao gồm tần suất thử nghiệm những kế hoạch này, cũng như cách hoạt động tương tác với cộng đồng địa phương, người lao động, cơ quan công quyền, lực lượng ứng phó khẩn cấp, cũng như chính quyền và tổ chức địa phương đã góp phần định hình những kế hoạch đó.	14.15.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016	Công bố thông tin 306-3 Sự cố tràn nghiêm trọng[18]	14.15.2
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
Các sự cố nghiêm trọng: Báo cáo số lượng các sự cố nghiêm trọng trong kỳ báo cáo, trình bày tác động của những sự cố này và các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục.		14.15.3
Các khu mỏ có kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó khẩn cấp: Báo cáo tỷ lệ phần trăm các khu mỏ đã có kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó khẩn cấp và liệt kê các khu mỏ chưa có kế hoạch này.		14.15.4

Các tài liệu tham khảo

GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quản lý sự cố nghiêm trọng, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

18 Nội dung liên quan đến nước thải trong *GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016* đã được thay thế bởi *GRI 303: Nước và Nước thải 2018*, và nội dung liên quan đến chất thải đã được thay thế bởi *GRI 306: Chất thải 2020*. Nội dung liên quan đến sự cố tràn đổ trong *GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016* vẫn còn hiệu lực.

Chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Điều kiện làm việc lành mạnh và an toàn được công nhận là một quyền con người. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp liên quan đến việc ngăn chặn tổn hại về thể chất và tinh thần, cũng như nâng cao sức khỏe của người lao động. Chủ đề này đề cập đến các tác động liên quan đến sức khỏe và an toàn của người lao động.

Sức khỏe và sự an toàn của nhân viên an ninh tham gia vào các hoạt động khai khoáng là mối quan tâm thường trực của các tổ chức trong ngành này. Các mối nguy bao gồm làm việc với máy móc hạng nặng, kết cấu mỏ kém an toàn và phơi nhiễm hoặc xử lý các chất nổ, dễ cháy, độc hại hoặc nguy hiểm. Các mối nguy có thể liên quan đến việc làm việc trong không gian kín hoặc địa điểm bị cô lập, giờ làm việc dài và các công việc lặp đi lặp lại. Phương pháp khai thác cũng có thể quyết định mức độ nghiêm trọng của các mối nguy, trong đó người lao động tại các mỏ ngầm thường phải đối mặt với rủi ro cao hơn. Ngoài ra, người lao động tại các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là tại các khu mỏ hẻo lánh, có nguy cơ cao hơn gặp phải chấn thương và tổn hại sức khỏe liên quan đến công việc.

Các mối nguy liên quan đến ngành khai khoáng có thể dẫn đến các chấn thương liên quan đến công việc có hậu quả nghiêm trọng. Chấn thương có thể phát sinh từ việc sử dụng thuốc nổ, khí thải hoặc bụi trong không gian chật hẹp (xem thêm chủ đề 14.3 Khí thải), sự cố điện hoặc hỏa hoạn, sự cố sập đổ kết cấu mỏ hoặc hư hại cơ sở (xem thêm các chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng và 14.6 Quặng đuôi), thiết bị khai khoáng bị trục trặc hoặc sử dụng sai cách hoặc việc thiếu thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Tai nạn giao thông xảy ra thường xuyên trong ngành khai khoáng, đặc biệt là trong nhóm các nhà cung cấp.

Các mối nguy về sức khỏe có thể là mối nguy sinh học, hóa học, công thái học hoặc vật lý. Việc sử dụng hóa chất và phơi nhiễm với các chất nguy hại, chẳng hạn như xyanua hoặc thủy ngân, trong quá trình khai thác và xử lý khoáng sản có thể dẫn đến tác động lâu dài đối với sức khỏe của người lao động. Việc phơi nhiễm nhiệt độ khắc nghiệt, bức xạ có hại và tiếng ồn hoặc rung chấn từ máy móc có thể khiến người lao động bị bệnh. Các mối nguy về sức khỏe cũng bao gồm điều kiện vệ sinh kém, chất lượng thực phẩm hoặc nước suy giảm tại các khu mỏ và chỗ ở của người lao động có thể dẫn đến bệnh tật. Nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ mang thai, có thể đặc biệt dễ chịu tác động từ các mối nguy về sức khỏe trong ngành này.

Các mối nguy về tâm lý - xã hội liên quan đến các thực tiễn về việc làm phổ biến trong ngành này bao gồm hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về, thời gian di chuyển dài, làm việc luân phiên, ca làm việc dài, làm việc ban đêm, giờ làm việc thất thường, làm việc đơn độc, sinh hoạt tại nơi làm việc và nghỉ ngơi không đầy đủ (xem thêm chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm). Những thông lệ này cũng có thể gây mệt mỏi, từ đó làm tăng nguy cơ chấn thương. Ngoài ra, môi trường làm việc mất cân bằng giới có thể góp phần làm gia tăng tình trạng căng thẳng, phân biệt đối xử, hoặc quấy rối tình dục (xem thêm chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng). Phụ nữ thường chịu ảnh hưởng nặng nề bởi môi trường làm việc ở khu vực hẻo lánh, giờ làm việc thiếu linh hoạt, cũng như tình trạng phổ biến của hành vi bạo lực và quấy rối dựa trên giới trong bối cảnh lực lượng lao động nam giới chiếm phần lớn [266].

Trong ngành khai khoáng, tỷ lệ chấn thương liên quan đến công việc có hậu quả nghiêm trọng thường cao hơn đối với những người lao động không phải là nhân viên, chẳng hạn như nhà thầu. Nguyên nhân có thể là do sự mất cân bằng về mức độ bảo vệ của các hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng nh ư trong việc áp dụng các tiêu chuẩn an toàn, vốn có thể không bảo vệ cho người lao động theo hợp đồng giống như bảo vệ cho nhân viên. Nhà thầu cũng có thể hiểu biết ít hơn về các cơ chế và thông lệ an toàn tại nơi làm việc, hoặc có mức độ cam kết tuân thủ thấp hơn đối với những cơ chế và thông lệ này.

Báo cáo về các vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Nếu tổ chức xác định an toàn và sức khỏe nghề nghiệp là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.16.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2018	Công bố thông tin 403-1 Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	14.16.2
	Công bố thông tin 403-2 Xác định mối nguy hiểm, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo cách tổ chức đảm bảo việc cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với giới cho người lao động. • Trình bày các quy trình được sử dụng để xác định các sự cố liên quan đến công việc do bạo lực tình dục và bạo lực dựa trên giới, và để xác định các biện pháp khắc phục.	14.16.3
	Công bố thông tin 403-3 Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	14.16.4
	Công bố thông tin 403-4 Việc người lao động tham gia, tham vấn và liên lạc về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo cách tổ chức nỗ lực đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong các ủy ban chính thức về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp giữa người sử dụng lao động và người lao động, cũng như tỷ lệ phụ nữ được đại diện trong những ủy ban này.	14.16.5
	Công bố thông tin 403-5 Chương trình đào tạo người lao động về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	14.16.6
	Công bố thông tin 403-6 Nâng cao sức khỏe của người lao động	14.16.7
	Công bố thông tin 403-7 Ngăn chặn và giảm thiểu tác động đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến các mối quan hệ kinh doanh	14.16.8
	Công bố thông tin 403-8 Người lao động thuộc phạm vi của hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	14.16.9
	Công bố thông tin 403-9 Chấn thương liên quan đến công việc	14.16.10
	Công bố thông tin 403-10 Bệnh tật liên quan đến công việc	14.16.11

Các tài liệu tham khảo

GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2018 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm

Các thực tiễn về việc làm đề cập đến phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với việc tạo việc làm, các điều khoản tuyển dụng và điều kiện làm việc dành cho người lao động. Chủ đề này cũng đề cập đến việc làm và điều kiện làm việc trong chuỗi cung ứng của tổ chức.

Mặc dù khai khoáng có thể mang lại các cơ hội việc làm được trả lương cao, nhưng tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với người lao động có thể xuất phát từ điều kiện làm việc khắc nghiệt và việc tham vấn giữa người lao động và người sử dụng lao động kém hiệu quả. Tình trạng việc làm không ổn định do đóng cửa, chu kỳ giá cả hàng hóa biến động và những tiến bộ công nghệ cũng đặt ra thêm thách thức cho người lao động.

Các thực tiễn về việc làm có thể khác nhau về mức thù lao, giờ làm việc, mức độ bảo vệ về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cơ hội đào tạo, bảo trợ xã hội, an ninh việc làm và khả năng tiếp cận các cơ chế khiếu nại. Nhân viên toàn thời gian thường được hưởng các lợi ích mà có thể không dành cho nhân viên bán thời gian. Điều khoản lao động có thể khác nhau giữa người lao động địa phương và người lao động di cư, theo đó mức thù lao giữa các nhóm này có thể không ngang bằng, và các phúc lợi như tiền thưởng, trợ cấp nhà ở và các gói bảo hiểm tư nhân có thể chỉ được cung cấp cho người lao động di cư có tay nghề cao.

Nhiều hoạt động trong ngành khai khoáng có thể được thuê ngoài bằng cách ký hợp đồng với các nhà cung cấp. Thông lệ này phổ biến trong tất cả các giai đoạn xuyên suốt thời gian khai khoáng, chẳng hạn như xây dựng hoặc bảo trì, hoặc đối với các hoạt động cụ thể như cung cấp dịch vụ ăn uống, khoan, an ninh và vận chuyển. Việc thuê ngoài hoạt động có thể giúp các tổ chức trong ngành khai khoáng giảm chi phí lao động hoặc né tránh các thỏa ước thương lượng tập thể đang áp dụng cho nhân viên, từ đó có khả năng làm gia tăng tình trạng chênh lệch giữa nhân viên và người lao động không phải là nhân viên (xem thêm chủ đề 14.20 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể).

Nhiều công việc trong ngành khai khoáng có mô hình ca làm việc phức tạp, thường bao gồm giờ làm việc dài và làm việc ban đêm để bảo đảm hoạt động liên tục suốt ngày đêm. Điều này có thể gây ra tình trạng mệt mỏi nghiêm trọng và làm tăng các rủi ro liên quan đến an toàn và sức khỏe. Vị trí hẻo lánh của nhiều khu mỏ có thể đòi hỏi việc áp dụng hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về hoặc các phương án di chuyển khác. Người lao động được đưa đến các khu mỏ trong nhiều tuần liên tiếp và thường phải làm việc theo các ca không cố định có thể chịu những tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm lý - xã hội (xem thêm chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp). Những điều kiện làm việc này cũng có thể trở thành rào cản đối với việc tuyển dụng người chăm sóc chính, phần lớn là phụ nữ [276] (xem thêm chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng).

Những chuyển đổi trong ngành này, chẳng hạn như tự động hóa, triển khai công nghệ mới và quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp, cũng đang làm thay đổi các điều kiện và cơ hội việc làm trong ngành. Các tổ chức khai khoáng có thể hỗ trợ người lao động, ví dụ như bằng cách cung cấp nguồn lực cho hoạt động đào tạo, giáo dục và phát triển kỹ năng và năng lực dài hạn.

Báo cáo về các thực tiễn về việc làm

Nếu tổ chức xác định các thực tiễn về việc làm là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.17.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 202: Sự hiện diện trên Thị trường 2016	Công bố thông tin 202-1 Tỷ lệ của mức lương khởi điểm tiêu chuẩn theo giới tính so với mức lương tối thiểu vùng	14.17.2
GRI 401: Việc làm 2016	Công bố thông tin 401-1 Nhân viên thuê mới và tỷ lệ nhân viên thôi việc	14.17.3
	Công bố thông tin 401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	14.17.4
	Công bố thông tin 401-3 Nghỉ thai sản	14.17.5
GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016	Công bố thông tin 402-1 Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	14.17.6
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016	Công bố thông tin 404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	14.17.7
	Công bố thông tin 404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	14.17.8
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016	Công bố thông tin 414-1 Các nhà cung cấp mới đã được sàng lọc theo các tiêu chí về xã hội	14.17.9
	Công bố thông tin 414-2 Các tác động tiêu cực về xã hội trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã thực hiện	14.17.10

Các tài liệu tham khảo

GRI 401: Việc làm 2016, GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016 và GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về các thực tiễn về việc làm, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.18 Lao động trẻ em

Lao động trẻ em được định nghĩa là công việc tước đoạt tuổi thơ, tiềm năng và phẩm giá của trẻ em, và làm tổn hại đến sự phát triển của trẻ, bao gồm cả cản trở việc học tập của trẻ. Đây là việc làm vi phạm quyền con người và có thể dẫn đến những tác động tiêu cực kéo dài suốt đời. Xóa bỏ lao động trẻ em là một nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động.

Trẻ em phải đối mặt với nhiều mối nguy khi làm việc trong ngành khai khoáng, chẳng hạn như đá rơi, nổ, hỏa hoạn và sập vách mỏ. Hoạt động khai khoáng thường diễn ra ở các khu vực hẻo lánh, nơi khả năng tiếp cận lực lượng thực thi luật, trường học, dịch vụ xã hội và hỗ trợ từ gia đình hoặc cộng đồng còn hạn chế, điều này cũng khiến môi trường đó tiềm ẩn rủi ro về đạo đức và nguy hiểm về tâm lý đối với trẻ em tham gia hoạt động này. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) coi khai khoáng và khai thác đá là công việc nguy hiểm và là một trong những hình thức lao động trẻ em bóc lột nhất, việc xóa bỏ hình thức lao động này là một ưu tiên hàng đầu.

Các tổ chức khai khoáng có khả năng cao liên quan đến lao động trẻ em thông qua các nhà cung cấp của mình hơn là thông qua các hoạt động của chính họ, ví dụ như trong quá trình xây dựng các khu mỏ nơi công việc được thực hiện bởi các nhà cung cấp. Các tác động cụ thể liên quan đế n lao động trẻ em thường phụ thuộc vào giới. Ví dụ: trẻ em gái và phụ nữ trẻ có thể bị ép làm gái mại dâm hoặc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như giặt giũ và nấu ăn. Các tổ chức khai khoáng cũng có thể liên quan đến lao động trẻ em khi họ mua khoáng sản được khai thác bởi các đơn vị khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM) có sử dụng lao động trẻ em. (xem thêm chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ). Ước tính có khoảng một triệu trẻ em trong độ tuổi từ 5 đến 17 đang tham gia các hoạt động ASM và khai thác đá trên toàn thế giới [285] [286].

Các tổ chức khai khoáng có thể đối mặt với rủi ro cao hơn về lao động trẻ em khi hoạt động ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao (xem thêm chủ đề 14.25). Tình trạng nghèo đói gia tăng ở khu vực nông thôn do thiếu cơ hội việc làm và mức lương thấp cũng có thể làm gia tăng tình trạng lao động trẻ em trong các hoạt động phụ trợ hoặc hỗ trợ.

Để thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người, các tổ chức khai khoáng được kỳ vọng sẽ tiến hành thẩm định nhằm x ác định những hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể xảy ra các vụ việc liên quan đến lao động trẻ em, đồng thời sử dụng ảnh hưởng của mình để góp phần xóa bỏ tình trạng lao động trẻ em một cách hiệu quả. Một số chính phủ đã ban hành luật yêu cầu công khai báo cáo về việc giải quyết chế độ nô lệ thời hiện đại trong nỗ lực toàn cầu. Luật này áp dụng cho các tổ chức trong ngành khai khoáng.

Ô 6. Phương pháp toàn diện nhằm chống lao động trẻ em

Mặc dù việc sử dụng lao động trẻ em đã giảm trên toàn cầu, nhưng tình trạng gia tăng hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (ASM) trong những thập kỷ qua có thể đã làm gia tăng số lượng trẻ em làm việc trong ngành khai khoáng.

Hoàn cảnh kinh tế địa phương và nhu cầu kiếm thêm thu nhập cho gia đình là những yếu tố chính thúc đẩy tình trạng lao động trẻ em trong các mỏ. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc các tổ chức khai khoáng rút khỏi hoạt động ASM nhằm tránh những tác động tiêu cực của lao động trẻ em có thể phản tác dụng khi làm trầm trọng thêm vấn đề này và đẩy hoạt động ASM vào môi trường không chính thức hơn với điều kiện làm việc nguy hiểm hơn. Để giải quyết toàn diện vấn đề này, các tổ chức khai khoáng có thể hợp tác với các hoạt động ASM cùng cộng đồng địa phương để xác định các hoạt động lao động trẻ em và những trẻ có liên quan, đồng thời phối hợp với chính quyền nhằm thúc đẩy và duy trì phát triển kinh tế [288].

Báo cáo về lao động trẻ em

Nếu tổ chức xác định lao động trẻ em là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.18.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 408: Lao động trẻ em 2016	Công bố thông tin 408-1 Các cơ sở hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	14.18.2
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016	Công bố thông tin 414-1 Các nhà cung cấp mới đã được sàng lọc theo các tiêu chí về xã hội	14.18.3

Các tài liệu tham khảo

GRI 408: Lao động Trẻ em 2016 và GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về lao động trẻ em, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.19 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại

Lao động cưỡng bức được định nghĩa là bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào mà một người bị ép buộc phải làm do bị đe dọa bởi bất kỳ hình phạt nào và người đó không tự nguyện làm việc đó. Quyền không bị cưỡng bức lao động là một quyền con người và là một quyền cơ bản trong lao động. Chủ đề này đề cập đến cách tổ chức xác định và giải quyết trường hợp lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại.

Ước tính 4% tổng số trường hợp lao động cưỡng bức xảy ra trong ngành khai khoáng và khai thác đá [299]. Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại xảy ra trong các trường hợp tuyển dụng không tự nguyện thông qua nạn buôn người, khó khăn trong việc ngừng làm việc cho người sử dụng lao động mà không bị phạt, bị đe dọa bằng bạo lực, bóc lột tình dục, lao động trả nợ, tuyển dụng lừa đảo, giữ lại tiền lương hoặc giữ giấy tờ tùy thân.

Các trường hợp lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại đặc biệt phổ biến trong hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ (xem thêm chủ đề 14.13) và ở các khu vực bị ả nh hưởng bởi xung đột cũng như khu vực có rủi ro cao (xem thêm chủ đề 14.25). Người lao động di cư trong ngành khai khoáng cũng có khả năng cao phải làm việc trong điều kiện bị ép buộc. Có thể họ không biết về tư cách pháp lý của mình, không có giấy phép lao động hợp lệ và bị tịch thu hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân.

Các tổ chức khai khoáng có thể liên quan đến các vụ việc lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình, chẳng hạn như với các nhà cung cấp có thể hoạt động tại những quốc gia có mức độ thực thi quyền con người thấp. Để thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người, các tổ chức khai khoáng được kỳ vọng sẽ tiến hành thẩm định nhằm xác định các khu mỏ và các mối quan hệ kinh doanh có nguy cơ cao xảy ra các vụ việc lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại. Các tổ chức cũng có thể sử dụng ảnh hưởng của mình trong chuỗi cung ứng để chống lại lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại.

Trong khuôn khổ nỗ lực toàn cầu, một số chính phủ đã ban hành luật yêu cầu công khai báo cáo về việc giải quyết chế độ nô lệ thời hiện đại, bao gồm cả các thông lệ về lao động cưỡng bức. Tại những khu vực pháp lý này, luật này áp dụng cho các tổ chức trong ngành khai khoáng.

Báo cáo về lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ hiện đại

Nếu tổ chức xác định lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.19.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 409: Lao động Cưỡng bức hoặc Bắt buộc 2016	Công bố thông tin 409-1 Các cơ sở hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	14.19.2
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016	Công bố thông tin 414-1 Các nhà cung cấp mới đã được sàng lọc theo các tiêu chí về xã hội	14.19.3

Các tài liệu tham khảo

GRI 409: Lao động Cưỡng bức hoặc Bắt buộc 2016 và *GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016* liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ hiện đại, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 14.20 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể là quyền con người và quyền cơ bản trong lao động. Các quyền này bao gồm quyền của người sử dụng lao động và người lao động được thành lập, tham gia và điều hành các tổ chức của riêng mình mà không cần ý kiến cho phép trước hoặc không bị can thiệp và được cùng nhau thương lượng các điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Chủ đề này đề cập đến cách tiếp cận và tác động của một tổ chức liên quan đến quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể.

Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể có thể giúp cải thiện điều kiện làm việc trong ngành khai khoáng, bao gồm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, tiền lương và an ninh việc làm. Đây là quyền của người lao động được hội họp, tổ chức, tham gia công đoàn hoặc đảng phái chính trị, bầu chọn đại diện và đình công mà không bị người sử dụng lao động can thiệp.

Nhiều người lao động trong ngành khai khoáng theo truyền thống được đại diện bởi các công đoàn, với các công việc được bảo vệ theo thỏa ước thương lượng tập thể. Tuy nhiên, một số hoạt động khai khoáng diễn ra ở các quốc gia nơi quyền của người lao động bị hạn chế hoặc không được thực thi hiệu quả. Các hạn chế đối với việc đại diện hiệu quả cho người lao động có thể tồn tại ngay cả ở những khu vực pháp lý nơi công đoàn là hợp pháp. Những người lao động tham gia công đoàn có thể phải đối mặt với hành vi đe dọa hoặc đối xử không công bằng, quấy rối, cắt giảm tiền lương hoặc thậm chí bị chấm dứt hợp đồng lao động.

Các trường hợp được ghi nhận về việc can thiệp vào quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể trong ngành này bao gồm việc bắt giữ quản lý và các nhân viên khác, xâm phạm quyền riêng tư, không tuân thủ các thỏa ước tập thể và ngăn cản công đoàn tiếp cận nơi làm việc để hỗ trợ người lao động. Các trường hợp khác được ghi nhận bao gồm việc từ chối thương lượng thiện chí với các công đoàn do người lao động lựa chọn. Các thành viên và lãnh đạo công đoàn đã bị đe dọa, quấy rối, bắt cóc, hành hung và thậm chí bị sát hại trong những trường hợp nghiêm trọng. Sa thải không công bằng và việc đơn phương hủy bỏ các thỏa ước thương lượng tập thể là những hình thức can thiệp khác vào quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể.

Có thể tồn tại tình trạng chênh lệch trong việc thực thi quyền của người lao động do sự khác biệt về các điều khoản và điều kiện làm việc trong ngành này. Ví dụ: người lao động theo hợp đồng thường không thuộc phạm vi của các thỏa ước thương lượng tập thể và có thể phải chấp nhận điều kiện làm việc kém thuận lợi hơn cũng như mức lương cơ bản hoặc lợi ích thấp hơn so với nhân viên. Việc thiếu quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể có thể dẫn đến các điều kiện làm việc bất lợi như tiền lương thấp và giờ làm việc dài, làm trầm trọng thêm tác động đối với những người vốn đã phải đối mặt với tình trạng dễ bị tổn thương và cô lập trong công việc (xem thêm chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng).

Các công đoàn đã báo cáo về những hạn chế đối với người lao động tạm thời hoặc người lao động do các nhà cung cấp tuyển dụng trong việc tiếp cận các quyền tương tự như những nhân viên khác. Trong một số trường hợp, các tổ chức tuyển dụng người lao động theo hợp đồng ngắn hạn hoặc thuê ngoài công việc nhằm ngăn cản người lao động tham gia công đoàn. Tương tự, người lao động di cư cũng ít có khả năng được bảo vệ bởi các thỏa ước thương lượng tập thể hoặc tham gia công đoàn.

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), tất cả người lao động đều phải được hưởng quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể, và các tổ chức cần đảm bảo rằng những quyền này không bị ảnh hưởng một cách vô lý. Các tổ chức khai khoáng có thể đảm bảo rằng người lao động ở mọi điều kiện làm việc đều có quyền tiếp cận các cơ chế khiếu nại - thường do công đoàn hỗ trợ hoặc tham gia thiết kế - nhằm giúp giải quyết các mối quan ngại của các bên liên quan trước khi mối quan ngại phát triển thành xung đột.

Báo cáo về quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Nếu tổ chức xác định quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.20.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 407: Quyền tự do hiệp hội và Thương lượng tập thể 2016	Công bố thông tin 407-1 Các cơ sở hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	14.20.2
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Đình công và bế xưởng: Báo cáo số lượng các cuộc đình công và bế xưởng có sự tham gia của 1.000 người lao động trở lên, kéo dài một ca làm việc trọn vẹn trở lên, cùng với tổng thời gian của những sự kiện này tính theo số ngày công lao động bị gián đoạn.[19]		14.20.3

Các tài liệu tham khảo

GRI 407: Quyền Tự do Hiệp hội và Thương lượng Tập thể 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quyền tự do hiệp hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

19 Số ngày công bị gián đoạn được tính bằng tích của số ngày bị gián đoạn và số lượng người lao động có liên quan.

Chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

Không bị phân biệt đối xử là một quyền con người và là một quyền cơ bản trong lao động. Phân biệt đối xử có thể gây ra những gánh nặng bất công đối với cá nhân hoặc từ chối cơ hội công bằng dựa trên năng lực cá nhân. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ tình trạng phân biệt đối xử và các thông lệ liên quan đến sự đa dạng, hòa nhập và cơ hội bình đẳng.

Tính chất công việc trong ngành khai khoáng, bao gồm điều kiện làm việc, địa điểm, kỹ năng cần thiết và loại hình công việc, cóthể hạ n chế sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động. Mặc dù các rào cản gia nhập ngành khai khoáng có thể gây bất lợi cho việc xây dựng môi trường làm việc hòa nhập, nhưng tình trạng phân biệt đối xử trong các tổ chức khai khoáng cũng có thể cản trở khả năng tiếp cận việc làm và phát triển sự nghiệp, dẫn đến tình trạng ch ênh lệch trong cách đối xử, lương cơ bản và lợi ích.

Phân biệt đối xử có thể được biểu hiện trong các tổ chức khai khoáng và trong cả chuỗi cung ứng của họ. Phân biệt đối xử có thể xảy ra trên cơ sở tuổi tác, giới tính, chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, khuynh hướng tính dục hoặc tình trạng của người lao động. Những người thuộc các nhóm dễ bị tổn thương thường phải đối mặt với nguy cơ bị phân biệt đối xử cao hơn. Những người này bao gồm Người địa phương, các nhóm dân tộc hoặc nhóm thiểu số khác, người lao động di cư và người lao động nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc các bệnh mạn tính khác.

Ngành khai khoáng có đặc điểm là mất cân bằng giới đáng kể trong lực lượng lao động, bao gồm cả các vị trí quản lý cấp cao. Ví dụ về tình trạng đối xử bất bình đẳng đối với người lao động nữ bao gồm việc bị cản trở tiếp cận việc làm, nhận mức lương thấp hơn so với đồng nghiệp nam và bị phân biệt đối xử trong tuyển dụng. Các thách thức khác bao gồm yêu cầu về thể chất của hoạt động khai khoáng, tác động của hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về, giờ làm việc dài và cơ hội nghỉ thai sản cũng như dịch vụ trông trẻ trẻ còn hạn chế. Phụ nữ làm việc tại các khu mỏ cũng có thể phải đối mặt với tình trạng thiếu cơ sở vật chất và thiết bị bảo hộ phù hợp với giới.

Ngoài ra, văn hóa làm việc do nam giới chiếm phần lớn và các chuẩn mực tổ chức phân biệt giới đã làm gia tăng khả năng xảy ra quấy rối tình dục tại nơi làm việc, như đã được ghi nhận trong các khu trại dành cho người lao động làm việc theo hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về. Tính chất hẻo lánh của các khu mỏ cũng có thể góp phần gây ra tình trạng phân biệt đối xử trên cơ sở giới do hạn chế trong việc tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, đại diện pháp lý và lực lượng thực thi luật. Các tổ chức khai khoáng có thể thúc đẩy bình đẳng giới và hòa nhập tại nơi làm việc bằng nhiều cách, chẳng hạn như công nhận quyền của phụ nữ tại nơi làm việc, cung cấp cơ sở vật chất và thiết bị phù hợp với giới và đảm bảo cơ hội bình đẳng.

Người lao động địa phương và Người địa phương có thể phải đối mặt với tình trạng phân biệt đối xử về chủng tộc và dân tộc ở mọi cấp độ trong tổ chức. Người tìm việc từ cộng đồng địa phương đôi khi bị loại khỏi quy trình tuyển dụng hoặc có thể nhận mức lương thấp hơn so với nhân viên nước ngoài được tuyển dụng cho các vị trí đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cụ thể. Người lao động di cư, đặc biệt là những người có tay nghề thấp hoặc làm việc tạm thời tại khu mỏ, có thể phải đối mặt với các hình thức phân biệt đối xử khác trong việc làm và cách đối xử (xem thêm chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm). Người lao động theo hợp đồng cũng có thể dễ bị phân biệt đối xử hơn nếu các chính sách chống phân biệt đối xử áp dụng trên toàn tổ chức không bảo vệ thỏa thuận làm việc của họ.

Bên cạnh các cơ chế khiếu nại dễ tiếp cận và hiệu quả, việc hiểu rõ cách các nhóm cụ thể có thể bị phân biệt đối xử ở các địa điểm khác nhau của hoạt động khai khoáng có thể giúp ngành này giải quyết hiệu quả các thông lệ mang tính phân biệt đối xử. Việc thiết lập và hỗ trợ các chính sách minh bạch về hòa nhập và đa dạng tại nơi làm việc - chẳng hạn như đào tạo người lao động về tính nhạy cảm văn hóa và không phân biệt đối xử - có thể giúp thúc đẩy một môi trường làm việc tôn trọng và ngăn chặn hành vi phân biệt đối xử.

Báo cáo về không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

Nếu tổ chức xác định không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.21.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016	Công bố thông tin 202-2 Tỷ lệ quản lý cấp cao được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* Đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN): • Báo cáo phân tích chi tiết tỷ lệ phần trăm quản lý cấp cao được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương theo giới.	14.21.2
GRI 401: Việc làm 2016	Công bố thông tin 404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	14.21.3
	Công bố thông tin 405-1 Sự đa dạng của cơ quan quản lý và nhân viên *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo việc tổ chức có kế hoạch hoặc chính sách về bình đẳng giới hay công bằng giới hay không; nếu có thì cung cấp bản tóm tắt về kế hoạch đó và tiến độ thực hiện kế hoạch.	14.21.4
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016	Công bố thông tin 405-1 Sự đa dạng của cơ quan quản lý và nhân viên *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo việc tổ chức có kế hoạch hoặc chính sách về bình đẳng giới hay công bằng giới hay không; nếu có thì cung cấp bản tóm tắt về kế hoạch đó và tiến độ thực hiện kế hoạch.	14.21.5
GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng 2016	Công bố thông tin 405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo tỷ lệ giữa mức lương cơ bản và thù lao của nữ giới so với nam giới theo từng khu mỏ. Báo cáo tỷ lệ giữa mức lương cơ bản và thù lao theo các chỉ số đa dạng có liên quan khác tại từng khu mỏ.[20]	14.21.6
GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016	Công bố thông tin 406-1 Các vụ việc phân biệt đối xử và các biện pháp khắc phục đã thực hiện	14.21.7

Các tài liệu tham khảo

GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng 2016 và GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

20 Các tổ chức cần báo cáo tỷ lệ lương cơ bản và thù lao cho các lĩnh vực ưu tiên về bình đẳng: nữ giới so với nam giới, các nhóm dân tộc thiểu số so với các nhóm dân tộc đa số và các lĩnh vực bình đẳng có liên quan khác (phù hợp với bối cảnh hoạt động tại địa phương của tổ chức và khung pháp lý).

Chủ đề 14.22 Chống tham nhũng

Chống tham nhũng đề cập đến cách tổ chức quản lý nguy cơ liên quan đến tham nhũng. Tham nhũng là các hành vi như hối lộ, thanh toán bôi trơn, gian lận, tống tiền, thông đồng, rửa tiền, hoặc đề nghị cung cấp hay nhận hối lộ để làm điều gì đó không trung thực hoặc bất hợp pháp. Chủ đề này đề cập đến các tác động liên quan đến tham nhũng và phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với tính minh bạch trong hợp đồng và quyền sở hữu.

Tham nhũng trong ngành khai khoáng có thể xảy ra xuyên suốt chuỗi giá trị, bất kể quốc gia hoạt động hay mức độ phát triển kinh tế, vị trí địa lý và bối cảnh chính trị của quốc gia đó. Tham nhũng có thể gây ra nhiều tác động tiêu cực, chẳng hạn như phân bổ sai nguồn thu từ tài nguyên và gây tổn hại đến môi trường cũng như con người khi các dự án khai khoáng được trao cho những tổ chức không đủ năng lực hoặc thiếu đạo đức. Các tác động khác bao gồm việc lạm dụng dân chủ và quyền con người, cũng như nguy cơ bất ổn chính trị.

Tham nhũng cũng có thể chuyển nguồn thu từ tài nguyên vào tay các cá nhân hưởng lợi riêng, gây thiệt hại cho các khoản đầu tư công vào cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ. Điều này có thể đặc biệt nghiêm trọng ở các quốc gia có mức nghèo đói cao, nơi những bất bình đẳng hiện hữu có thể bị làm trầm trọng thêm. Nguy cơ tham nhũng phổ biến ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao do áp lực gia tăng đối với tài nguyên sẵn có và tình trạng bất ổn có thể bị lợi dụng (xem thêm chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao).

Những đặc điểm của ngành khai khoáng làm tăng khả năng xảy ra tham nhũng bao gồm những tương tác thường xuyên giữa các tổ chức khai khoáng và những người có ảnh hưởng chính trị[21], chẳng hạn như quan chức chính phủ, trong quá trình xin cấp phép và phê duyệt theo quy định. Các đặc điểm liên quan khác còn bao gồm các giao dịch tài chính phức tạp và phạm vi hoạt động quốc tế của ngành (xem thêm chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ).

Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong ngành khai khoáng dễ phát sinh tham nhũng hơn, đặc biệt trong quá trình cấp phép, mua sắm hàng hóa và dịch vụ, giao dịch hàng hóa, cũng như các hoạt động phi thương mại như chi tiêu xã hội [325]. Các DNNN có thể có hệ thống kiểm soát nội bộ kém hiệu quả hơn và ít yêu cầu về tính minh bạch hơn so với các công ty đại chúng, đồng thời thường nhận được ưu đãi do tư cách pháp lý đặc biệt trong một quốc gia. Vì vậy, các tổ chức khai khoáng tư nhân hợp tác với các DNNN có nguy cơ tham nhũng cao hơn do mối quan hệ kinh doanh. Bên cạnh mục tiêu tạo ra lợi nhuận, các DNNN đôi khi còn theo đuổi các mục tiêu rộng hơn, chẳng hạn như phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, nếu không giám sát đầy đủ, các biện pháp nhằm phát triển cộng đồng có thể bị lạm dụng cho các mục đích tham nhũng.

Tình trạng tham nhũng đã được ghi nhận trong ngành khai khoáng trong quá trình trao hợp đồng và giấy phép thăm dò và khai thác. Hành vi tham nhũng này có thể nhằm mục đích thu thập thông tin mật, tác động đến quá trình ra quyết định hoặc lách luật quy định về môi trường và nội địa hóa. Tham nhũng cũng có thể xảy ra trong quá trình tham vấn khi xin ý kiến đồng thuận và khi bồi thường cho các cộng đồng địa phương - bất k ể trực tiếp hay thông qua chính quyền địa phương - có thể thiếu các thủ tục tài chính minh bạch (xem thêm chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên và 14.11 Quyền của Người địa phương). Tình trạng tham nhũng trong những quy trình này có thể dẫn đến việc giấy phép được cấp cho các tổ chức kém năng lực hơn, làm tổn hại đến các khoản đầu tư công hoặc gây tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương.

Các hành vi tham nhũng cũng có thể nhằm cản trở hoặc định hình các chính sách và quy định, hoặc tác động đến việc thực thi những chính sách và quy định đó. Điều này đặc biệt phổ biến đối với các quy định về quyền đối với đất đai và tài nguyên, thuế và các khoản thu khác của chính phủ hoặc các biện pháp bảo vệ môi trường (xem thêm chủ đề 14.24 Chính sách công). Việc thiếu minh bạch trong các hoạt động mua sắm có thể gây ra những tác động kinh tế đáng kể đối với các quốc gia sở tại và sự phát triển kinh tế địa phương (xem thêm chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế). Ví dụ về những hành vi này có thể bao gồm hối lộ để được miễn trừ các quy định hoặc yêu cầu về chất lượng, nhận lại quả khi ký kết hợp đồng với giá bị nâng khống, trục lợi từ mức giá bị thổi phồng do một thực thể được lập ra làm tổ chức bình phong áp dụng và ưu ái các công ty có liên hệ với cơ quan quản lý địa phương.

Việc thiếu minh bạch về hợp đồng và cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản có thể cản trở khả năng giám sát của công chúng đối với các khoản đầu tư và giao dịch liên quan đến những tác động tiêu cực và lợi ích của dự án, bao gồm cả các điều khoản và nghĩa vụ đã được thương lượng của các tổ chức. Các điều khoản công bằng trong việc chia sẻ rủi ro và phân bổ lợi ích đặc biệt quan trọng do các dự án khai khoáng có thời gian thực hiện dài hạn và tác động rộng khắp. Tính minh bạch trong hợp đồng giúp cộng đồng địa phương buộc chính phủ và các tổ chức phải chịu trách nhiệm về các điều khoản và nghĩa vụ đã được thương lượng. Ngược lại, các cấu trúc sở hữu thiếu minh bạch có thể gây khó

khăn cho việc xác định ai là người hưởng lợi từ những giao dịch tài chính này. Tính minh bạch về quyền sở hữu hưởng lợi đã được xác định là một công cụ nhằm ngăn chặn xung đột lợi ích, tham nhũng, trốn thuế và gian lận thuế.

Các bên liên quan, thị trường và các chuẩn mực quốc tế kỳ vọng các tổ chức trong ngành khai khoáng chứng minh việc tuân thủ pháp luật quốc gia, tính liêm chính, hoạt động quản trị và các thông lệ kinh doanh có trách nhiệm nhằm chống tham nhũng và ngăn chặn những tác động tiêu cực phát sinh từ đó.

21 Cơ quan Chuyên trách Hành động Tài chính (FATF) định nghĩa người có ảnh hưởng chính trị là “người đang hoặc đã từng giữ một chức vụ công nổi bật” [323].

Báo cáo về chống tham nhũng

Nếu tổ chức xác định chống tham nhũng là một là chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày cách quản lý các tác động có khả năng xảy ra của hành vi tham nhũng hoặc các nguy cơ tham nhũng trong thực tiễn mua sắm và trên toàn bộ chuỗi cung ứng của tổ chức.	14.22.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 205: Chống tham nhũng 2016	Công bố thông tin 205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	14.22.2
	Công bố thông tin 205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	14.22.3
	Công bố thông tin 205-3 Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp đã thực hiện	14.22.4
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Tính minh bạch trong hợp đồng: Trình bày cách tiếp cận đối với tính minh bạch trong hợp đồng, bao gồm: • việc các hợp đồng và giấy phép có được công khai hay không, và nếu có thì được công bố ở đâu; • nếu các hợp đồng hoặc giấy phép không được công khai, nêu rõ lý do và các biện pháp được thực hiện để công khai trong tương lai.[22]		14.22.5
Quyền sở hữu hưởng lợi: Báo cáo các thông tin sau về các chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức, bao gồm cả các liên doanh: • tên, quốc tịch và quốc gia cư trú; • họ có phải là người có ảnh hưởng chính trị hay không; • mức độ sở hữu; • cách thực thi quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát.[23]		14.22.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 205: Chống tham nhũng 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về chống tham nhũng, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

22 Công bố thông tin bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào *Yêu cầu 2.4. Hợp đồng theo Tiêu chuẩn EITI 2023*. Có thể tìm thấy các định nghĩa về hợp đồng và giấy phép trong *Tiêu chuẩn EITI 2023* [333].

23 Công bố thông tin bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào Yêu cầu 2.5. Quyền sở hữu hưởng lợi theo *Tiêu chuẩn EITI 2023*. Có thể tìm định nghĩa về quyền sở hữu hưởng lợi trong *Tiêu chuẩn EITI 2023*. Các tổ chức niêm yết công khai hoặc các công ty con do một tổ chức sở hữu hoàn toàn hoặc một tổ chức niêm yết công khai sẽ được miễn báo cáo thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của các liên doanh của họ [333].

Chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ

Việc thiếu minh bạch về các khoản phải nộp cho chính phủ có thể góp phần dẫn đến quản lý kém hiệu quả ngân sách công, các dòng tài chính bất hợp pháp và tham nhũng. Chủ đề này đề cập đến tác động từ các thông lệ của tổ chức liên quan đến các khoản phải nộp cho chính phủ và cách tiếp cận của tổ chức đối với tính minh bạch của các khoản phải nộp đó.

Ngành khai khoáng có thể tạo ra tác động đáng kể đến thu nhập quốc gia, nguồn thu ngân sách và nguồn thu ngoại tệ thông qua các khoản khác nhau phải nộp cho chính phủ (xem thêm chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế). Những khoản thanh toán này bao gồm doanh thu từ giao dịch hàng hóa, phí cấp phép thăm dò và khai thác, thuế và phí sử dụng tài nguyên, cũng như các khoản tiền thưởng ký kết, phát hiện và sản xuất.

Các tổ chức áp dụng các thông lệ lách luật thuế hoặc không tuân thủ nghĩa vụ thuế có thể làm suy giảm nguồn thu thuế quốc gia, gây tổn hại đến lợi ích công cộng. Việc né tránh thuế và các khoản phải nộp cho chính phủ có thể được tạo điều kiện bởi các thông lệ giảm thiểu thuế như định giá chuyển nhượng hoặc các dòng tài chính bất hợp pháp, bao gồm việc di chuyển tiền kiếm được, chuyển giao hoặc sử dụng bất hợp pháp qua biên giới [341].

Các tổ chức khai khoáng có thể nhận được hỗ trợ tài chính từ chính phủ dưới hình thức khoản giảm thu nhập phải chịu thuế, trợ cấp, tài trợ hoặc các ưu đãi tài chính. Điều này có thể làm cản trở việc thu ngân sách của chính phủ và làm giảm các lợi ích tài chính từ hoạt động khai khoáng vốn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Những rủi ro này phổ biến hơn ở các quốc gia đang phát triển cũng như các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao, nơi thường có nhu cầu cao hơn về nguồn thu công.

Việc báo cáo về các khoản phải nộp cho chính phủ có thể làm nổi bật tầm quan trọng kinh tế của ngành khai khoáng đối với các quốc gia, tạo điều kiện cho tranh luận công khai và cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của chính phủ. Tính minh bạch cũng có thể cung cấp thông tin chi tiết về các điều khoản hợp đồng, tăng cường trách nhiệm giải trình, cũng như củng cố công tác thu và quản lý nguồn thu. Ngược lại, việc thiếu minh bạch của các tổ chức khai khoáng có thể cản trở việc phát hiện các nguồn thu có khả năng bị phân bổ sai và hành vi tham nhũng (xem thêm chủ đề 14.22 Chống tham nhũng).

Khi công bố thông tin về các khoản phải nộp cho chính phủ, các tổ chức trong ngành khai khoáng thường báo cáo các khoản thanh toán tổng hợp ở cấp độ tổ chức. Tuy nhiên, cách làm này chỉ cung cấp một số ít thông tin chi tiết về các khoản thanh toán được thực hiện tại từng quốc gia hoặc các dự án có liên quan. Việc báo cáo theo từng quốc gia và từng dự án (hoặc khu mỏ) giúp so sánh các khoản thanh toán đã thực hiện với những khoản được quy định trong các điều khoản tài khóa, pháp lý và hợp đồng. Cách làm này cũng giúp đánh giá đóng góp tài chính của các hoạt động khai khoáng đối với các quốc gia và cộng đồng sở tại. Việc công bố đầy đủ thông tin giúp chính phủ giải quyết tình trạng trốn thuế và gian lận thuế, khắc phục tình trạng bất cân xứng thông tin và tạo sân chơi bình đẳng hơn cho chính phủ trong quá trình đàm phán hợp đồng.

Báo cáo về các khoản phải nộp cho chính phủ

Nếu tổ chức xác định các khoản phải nộp cho chính phủ là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	14.23.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016	Công bố thông tin 201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	14.23.2
	Công bố thông tin 201-4 Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* Đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN): • Báo cáo mối quan hệ tài chính giữa chính phủ và DNNN.[24]	14.23.3
GRI 207: Thuế 2019	Công bố thông tin 207-1 Phương pháp tiếp cận thuế	14.23.4
	Công bố thông tin 207-2 Quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro về thuế	14.23.5
	Công bố thông tin 207-3 Sự tham gia của bên liên quan và quản lý các mối quan ngại liên quan đến thuế	14.23.6
	Công bố thông tin 207-4 Báo cáo theo từng quốc gia *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo phân tích chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đã nộp và đã trích lập trên lãi/lỗ, cùng với các khoản khác phải nộp cho chính phủ, được áp dụng ở cấp dự án, theo từng dự án và theo từng nguồn doanh thu trọng yếu.[25] • Báo cáo mọi ngưỡng[26] đã được áp dụng và mọi thông tin bối cảnh khác cần thiết để hiểu cách tổng hợp các khoản phải nộp cho chính phủ ở cấp dự án đã được báo cáo.	14.23.7
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Các khoản mua khoáng sản của nhà nước: Đối với khoáng sản được mua từ nhà nước hoặc từ các bên thứ ba do nhà nước chỉ định bán thay mặt nhà nước, báo cáo: • khối lượng và loại khoáng sản đã mua; • tên đầy đủ của bên bán và bên nhận thanh toán; • các khoản thanh toán được thực hiện cho hoạt động mua sắm.[27]		14.23.8

25 Khuyến nghị bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào Yêu cầu 2.6 Sự tham gia của nhà nước trong Tiêu chuẩn EITI 2023 [344].

26 Khuyến nghị bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào Yêu cầu 4.1 Công bố thông tin toàn diện về thuế và nguồn thu và Yêu cầu 4.7. Mức độ phân tách trong Tiêu chuẩn EITI 2023. EITI coi các khoản thanh toán và nguồn thu là trọng yếu nếu việc bỏ sót hoặc khai báo sai các khoản này có thể ảnh hưởng đáng kể đến tính toàn diện của các công bố thông tin. Có thể tìm định nghĩa về dự án trong Tiêu chuẩn EITI 2023 [344].

27 Tiêu chuẩn EITI 2023 quy định rằng ở các quốc gia triển khai EITI, nhóm nhiều bên liên quan của quốc gia phải thống nhất xác định những khoản thanh toán và nguồn thu trọng yếu, bao gồm cả định nghĩa và ngưỡng trọng yếu phù hợp [344]. Tổ chức có thể sử dụng ngưỡng phù hợp do nhóm nhiều bên liên quan EITI thiết lập. Nếu không có ngưỡng phù hợp nào được thiết lập, tổ chức có thể sử dụng ngưỡng tương đương với ngưỡng do Liên minh Châu Âu thiết lập, quy định rằng 'Có thể loại trừ các khoản thanh toán, bất kể là một khoản thanh toán đơn lẻ hay nhiều khoản thanh toán có liên quan, có giá trị dưới 100.000 EUR trong kỳ báo cáo' [335].

Các tài liệu tham khảo

GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016 và GRI 207: Thuế 2019 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về các khoản phải nộp cho chính phủ, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

27 Công bố thông tin bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào Yêu cầu 4.2 Bán phần sản lượng của nhà nước hoặc các nguồn thu khác được thu bằng hiện vật trong Tiêu chuẩn EITI 2023 [344] và *Hướng dẫn Báo cáo EITI dành cho các công ty mua dầu, khí và khoáng sản từ chính phủ*, năm 2020 [345].

Chủ đề 14.24 Chính sách công

Một tổ chức có thể tham gia xây dựng chính sách công, trực tiếp hoặc thông qua một tổ chức trung gian, bằng cách vận động hành lang hoặc đóng góp tài chính hoặc hiện vật cho các đảng phái chính trị, chính trị gia hoặc các mục tiêu chính trị. Mặc dù tổ chức có thể khuyến khích việc xây dựng các chính sách công có lợi cho xã hội, việc tổ chức tham gia cũng có thể liên quan đến tham nhũng, hối lộ, gây ảnh hưởng không chính đáng hoặc việc đại diện không cân bằng cho lợi ích của tổ chức. Chủ đề này đề cập đến phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với hoạt động vận động chính sách công cũng như những tác động có thể phát sinh từ ảnh hưởng mà tổ chức đó tạo ra.

Các tổ chức trong ngành khai khoáng có thể ảnh hưởng đến việc xây dựng chính sách công thông qua hoạt động vận động hành lang và vận động chính sách ở cấp địa phương, khu vực và quốc gia. Những biện pháp này có thể tạo điều kiện tiếp cận với các đại diện chính phủ và tăng cường ảnh hưởng của các tổ chức đối với các quyết định chính sách công tác động đến ngành khai khoáng. Hoạt động vận động chính sách và vận động hành lang có thể được thực hiện trực tiếp bởi tổ chức hoặc thông qua các hiệp hội ngành và các hiệp hội khác được tổ chức khai khoáng hỗ trợ.

Ngành này có thể sử dụng ảnh hưởng của mình để thúc đẩy các thông lệ có trách nhiệm trong ngành bằng cách bảo vệ việc làm hiện có, hỗ trợ phát triển cộng đồng và thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào một quốc gia. Tuy nhiên, các hoạt động vận động chính sách công và vận động hành lang cũng có thể được sử dụng để đảm bảo phê duyệt giấy phép khai khoáng, tác động đến luật về đánh giá môi trường và xã hội, cũng như giảm thuế và các khoản thu khác của chính phủ (xem thêm chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ). Sau cùng, những hoạt động này có thể định hình các chính sách môi trường và cản trở sự phát triển bền vững. Ví dụ: các tổ chức khai khoáng đang chịu sự giám sát ngày càng chặt chẽ do có mối liên hệ với các hiệp hội ngành vận động cho những chính sách không phù hợp với các lập trường công khai của chính các tổ chức đó và các mục tiêu của Hiệp định Paris [349].

Các tổ chức khai khoáng cũng có thể tác động đến chính sách công ở cấp địa phương để được phê duyệt các dự án khai khoáng, ví dụ như thông đồng với lãnh đạo địa phương trong khi loại trừ cộng đồng lớn hơn khỏi các quy trình ra quyết định (xem thêm chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương).

Trong một số trường hợp, các khoản đóng góp trực tiếp cho các đảng phái chính trị hoặc thông qua bên trung gian có thể được sử dụng để giành được sự ủng hộ cho lợi ích của khu vực tư nhân. Những khoản đóng góp này có thể liên quan đến tham nhũng, đặc biệt ở những nơi có quy định lỏng lẻo về khoản đóng góp chính trị và vận động hành lang (xem thêm chủ đề 14.22 Chống tham nhũng). Các tổ chức khai khoáng cũng có thể tuyển dụng người từng làm nhân viên chính phủ để tiếp cận thông tin nhạy cảm hoặc thông tin nội bộ về các chính sách trong tương lai nhằm có được lợi thế thương mại.

Việc tăng cường tính minh bạch trong các hoạt động vận động hành lang và các khoản đóng góp chính trị do các tổ chức khai khoáng và các hiệp hội ngành liên kết thực hiện có thể tạo điều kiện cho việc giám sát của các tổ chức chịu trách nhiệm, công chúng và giới truyền thông. Tính minh bạch này giúp các bên liên quan đánh giá xem các tổ chức khai khoáng - trực tiếp hoặc thông qua mối liên hệ với các hiệp hội ngành - có gây ảnh hưởng không đúng mực đến các quyết định lập pháp, hoạch định chính sách và phê duyệt quy định hay không.

Báo cáo về chính sách công

Nếu tổ chức xác định chính sách công là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo tổ chức có phải là thành viên hoặc có đóng góp cho bất kỳ hiệp hội đại diện hoặc ủy ban có tham gia quá trình phát triển chính sách công và vận động hành lang nào hay không, bao gồm: - bản chất của hoạt động đóng góp này; - bất kỳ khác biệt nào giữa các chính sách, mục tiêu hoặc quan điểm công khai khác đã xác định của tổ chức về các vấn đề quan trọng liên quan đến biến đổi khí hậu và lập trường của các hiệp hội đại diện hoặc ủy ban đó.[28]	14.24.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 415: Chính sách Công 2016	Công bố thông tin 415-1 Đóng góp chính trị	14.24.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 415: Chính sách Công 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về chính sách công, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

28 Các khuyến nghị bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa trên các khuyến nghị báo cáo 1.2.1 và 1.2.2 trong *GRI 415: Chính sách Công 2016*. Vui lòng xem *Công bố thông tin 2-28 trong GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021* để biết thêm hướng dẫn về các hiệp hội thành viên.

Chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao

Khi hoạt động hoặc tìm nguồn cung ứng tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao, các tổ chức có khả năng cao liên quan đến các vi phạm quyền con người và pháp luật, cũng như liên đới đến tham nhũng và các dòng tài chính góp phần gây ra xung đột. Chủ đề này đề cập đến phương pháp tiếp cận và các tác động của tổ chức liên quan đến việc hoạt động hoặc tìm nguồn cung ứng tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao.

Nhiều tổ chức khai khoáng hoạt động tại hoặc có mối quan hệ kinh doanh với các thực thể có hoạt động tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao.[29] Ở những khu vực này, tồn tại nguy cơ cao về các hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người và vi phạm pháp luật, bao gồm cả luật nhân đạo quốc tế.[30] Việc hoạt động và tìm nguồn cung ứng tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao đòi hỏi các tổ chức khai khoáng phải thực hiện thẩm định tăng cường liên tục. Việc này giúp họ hiểu rõ hơn về bối cảnh xung đột và các tương tác mà họ có thể có với các mối quan hệ kinh doanh để xác định, ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra, bao gồm cả việc góp phần gây ra xung đột [362].

Mặc dù xung đột vũ trang và bạo lực trên diện rộng có thể xảy ra độc lập với các hoạt động khai khoáng, nhưng sự hiện diện của những hoạt động này cũng có thể làm trầm trọng thêm xung đột. Do bản chất, các hoạt động khai thác, buôn bán hoặc xử lý khoáng sản tiềm ẩn rủi ro cao hơn về các tác động tiêu cực nghiêm trọng, chẳng hạn như tài trợ cho xung đột hoặc thúc đẩy và tạo điều kiện dẫn đến xung đột. Các hành vi lạm dụng cụ thể liên quan đến những hoạt động này bao gồm tra tấn; đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục ; lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc; các hình thức lao động trẻ em bóc lột nhất; bạo lực tình dục trên diện rộng; và tội ác chiến tranh hoặc các vi phạm nghiêm trọng khác đối với luật nhân đạo quốc tế, tội ác chống lại loài người hoặc tội diệt chủng [358]. Các cơ cấu quản trị yếu kém và sự hiện diện của các nhóm vũ trang cũng có thể cản trở việc thực thi các tiêu chuẩn và quy định cần thiết để giảm thiểu các tác động môi trường của hoạt động khai khoáng.

Tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao, các nhóm vũ trang hoặc các bên liên kết của họ thường kiểm soát trái phép các khu mỏ, tuyến đường vận chuyển hoặc các điểm giao dịch khoáng sản. Các nhóm vũ trang có thể áp thuế trái phép hoặc tống tiền và yêu cầu giao nộp khoáng sản, sử dụng lao động cưỡng bức hoặc thực hiện các hành vi vi phạm quyền con người khác. Lợi nhuận từ những hoạt động này thường được sử dụng để tài trợ cho xung đột vũ trang. Các tổ chức khai khoáng được kỳ vọng thực hiện thẩm định để tránh liên quan đến các nhóm vũ trang hoặc các bên liên kết của họ, chẳng hạn như thông qua việc mua khoáng sản từ, thanh toán cho hoặc cung cấp hỗ trợ hậu cần hay thiết bị cho những nhóm này [358].

Mặc dù các thông lệ an ninh thường được các tổ chức khai khoáng áp dụng nhằm bảo vệ người lao động và tài sản mỏ ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao, nhưng nhân viên an ninh đôi khi có thể liên đới đến các hành vi vi phạm quyền con người. Các đơn vị ASM, Người địa phương và những người bảo vệ quyền con người, đặc biệt là phụ nữ, thường bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi hành vi bạo lực và quấy rối từ các nhà cung cấp dịch vụ an ninh ở những khu vực này (xem thêm chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh)

Các tổ chức cũng có khả năng cao liên đới đến các hành vi tham nhũng, chẳng hạn như hối lộ và rửa tiền, ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao. Trong trường hợp các dòng tài chính như thuế, phí và phí sử dụng tài nguyên nộp cho chính phủ không được công bố và vẫn thiếu minh bạch, những khoản thanh toán này có thể bị sử dụng để tài trợ cho xung đột (xem thêm các chủ đề 14.22 Chống tham nhũng và 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ).

29 Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao được xác định bởi tình trạng xung đột vũ trang, bạo lực lan rộng hoặc các rủi ro khác gây tổn hại cho con người. Các khu vực có rủi ro cao có thể bao gồm các khu vực bất ổn chính trị hoặc bị đàn áp, có thể chế yếu kém, tình trạng mất an ninh, sụp đổ cơ sở hạ tầng dân sự và bạo lực lan rộng [358].

30 Luật nhân đạo quốc tế (IHL) là một tập hợp các quy tắc nhằm hạn chế tác động của xung đột vũ trang và bảo vệ những người không tham gia hoặc không còn tham gia các hành động thù địch. IHL có tính ràng buộc và quy định khung tiêu chuẩn cho các chủ thể nhà nước và ngoài nhà nước, bao gồm cả các tổ chức có hoạt động liên quan đến xung đột vũ trang. Khung này khác với khuôn khổ được thiết lập theo luật về quyền con người.

Báo cáo về khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao

Nếu tổ chức xác định khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao là một chủ đề trọng yếu, tiểu phần này liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp đảm bảo tuân thủ luật nhân đạo quốc tế khi hoạt động ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao.	14.25.1
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Hoạt động ở khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao: Liệt kê các địa điểm hoạt động ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột hoặc khu vực có rủi ro cao và cách xác định những địa điểm này.[31]		14.25.2
Thẩm định đối với các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao: Trình bày quy trình thẩm định áp dụng cho các hoạt động ở - hoặc khi tìm nguồn cung ứng từ - các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao, và việc quy trình đó có phù hợp với Hướng dẫn *Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao của OECD* hay không		14.25.3
Quản lý các tác động ở khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao: Đối với các hoạt động ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột hoặc khu vực có rủi ro cao, hãy báo cáo các tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với người lao động và cộng đồng địa phương, bao g ồm các biện pháp nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu những tác động đó.		14.25.4

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

31 Để biết thêm hướng dẫn, bao gồm định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong công bố thông tin bổ sung theo ngành, hãy xem *Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)*, năm 2016 [358].

Bảng thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong *Bảng Thuật ngữ đầy đủ* của Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI, các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

B

bên liên quan (stakeholder)
cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem *mục 2.4 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "bên liên quan".

bên thứ ba về nước (third-party water)
các nhà cung cấp nước đô thị và các nhà máy xử lý nước thải đô thị, các tiện ích công cộng hoặc tư nhân và các tổ chức khác tham gia vào việc cung cấp, vận chuyển, xử lý, thải bỏ hoặc sử dụng nước và nước thải

biện pháp sửa chữa / biện pháp khắc phục (remedy / remediation)
các biện pháp chống lại hoặc khắc phục tác động tiêu cực hoặc thực hiện biện pháp sửa chữa

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Ví dụ: lời xin lỗi, bồi thường tài chính hoặc phi tài chính, ngăn ngừa tác hại thông qua lệnh của tòa án hoặc đảm bảo không tái diễn, các biện pháp trừng phạt (bất kể hình sự hay hành chính, chẳng hạn như tiền phạt), hoàn trả, phục hồi, cải tạo

C

các biện pháp tuần hoàn (circularity measures)
những biện pháp được thực hiện nhằm duy trì giá trị của sản phẩm, vật liệu và tài nguyên, đồng thời đưa chúng trở lại sử dụng trong thời gian lâu nhất có thể, với dấu chân carbon và tài nguyên thấp nhất có thể, qua đó giảm thiểu việc khai thác nguyên liệu thô, tài nguyên mới và ngăn ngừa phát sinh chất thải

cacbon đioxit (CO_2) tương đương (carbon dioxide (CO_2) equivalent)
đơn vị đo phổ biến để biểu thị chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) của mỗi loại khí nhà kính (KNK), được thể hiện bằng GWP của một đơn vị cacbon đioxit

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Lưu ý: CO_2 tương đương của một loại khí được xác định bằng cách nhân số tấn khí với GWP tương ứng.

căng thẳng về nước (water stress)
khả năng hoặc thiếu khả năng đáp ứng nhu cầu nước của con người và sinh thái

Nguồn: Nhiệm vụ của CEO về Nước, *Hướng dẫn Công bố Thông tin về Nước của Doanh nghiệp*, 2014

Lưu ý 1: Căng thẳng về nước có thể liên quan đến tính sẵn có, chất lượng hoặc khả năng tiếp cận nước.

Lưu ý 2: Căng thẳng về nước dựa vào các yếu tố chủ quan và được đánh giá khác nhau tùy thuộc vào các giá trị xã hội, chẳng hạn như mức độ phù hợp để uống của nước hoặc các yêu cầu để đáp ứng hệ sinh thái.

Lưu ý 3: Căng thẳng về nước trong một khu vực có thể được đo ở mức tối thiểu là cấp lưu vực.

chấn thương hoặc bệnh tật liên quan đến công việc (work-related injury or ill health)
tác động tiêu cực đến sức khỏe phát sinh từ việc phơi nhiễm với các mối nguy tại nơi làm việc

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, *ILO-OSH 2001*, 2001; đã sửa đổi

Lưu ý 1: "Bệnh tật" chỉ tình trạng sức khỏe bị tổn hại và bao gồm bệnh, ốm đau và các chứng rối loạn. Các thuật ngữ "bệnh", "ốm đau" và "chứng rối loạn" thường được sử dụng thay thế cho nhau và đề cập đến các tình trạng có triệu chứng và chẩn đoán cụ thể.

Lưu ý 2: Chấn thương và bệnh tật liên quan đến công việc là những hệ quả phát sinh do phơi nhiễm với các mối nguy trong công việc. Có thể xảy ra các loại sự cố khác không liên quan đến công việc:

- người lao động bị đau tim khi đang làm việc nhưng không liên quan đến công việc;
- người lao động lái xe đi làm hoặc về nhà bị thương trong một vụ tai nạn (khi việc lái xe không phải vì công việc và khi việc đi lại không phải do người sử dụng lao động sắp xếp);
- người lao động mắc bệnh động kinh lên cơn động kinh khi đang làm việc nhưng không liên quan đến công việc.

Lưu ý 3: *Đi công tác:* Chấn thương và bệnh tật xảy ra khi người lao động đang đi công tác được coi là liên quan đến công việc nếu tại thời điểm xảy ra chấn thương và bệnh tật, người lao động đang tham gia vào các hoạt động công việc "vì lợi ích của người sử dụng lao động". Ví dụ về các hoạt động như vậy bao gồm việc di chuyển đến và đi từ nơi gặp gỡ khách hàng; thực hiện nhiệm vụ công việc; và tiếp đãi hoặc được tiếp đãi để giao dịch, thảo luận hoặc thúc đẩy kinh doanh (theo chỉ đạo của người sử dụng lao động).

Làm việc tại nhà: Chấn thương và bệnh tật xảy ra khi làm việc tại nhà có liên quan đến công việc nếu chấn thương và bệnh tật đó xảy ra khi người lao động đang làm việc tại nhà và thương tích hoặc bệnh tật đó liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc chứ không phải do môi trường hoặc bối cảnh chung tại nhà.

Bệnh tâm thần: Một bệnh tâm thần được coi là liên quan đến công việc nếu người lao động tự nguyện thông báo và có ý kiến của chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép đã qua đào tạo và có kinh nghiệm phù hợp hỗ trợ, cho biết rằng bệnh đó liên quan đến công việc.

Để biết thêm hướng dẫn về cách xác định "mức độ liên quan đến công việc", hãy xem tiêu chuẩn Xác định mức độ liên quan đến công việc 1904.5 của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ, https://www.osha.gov/pls/ oshaweb/owadisp.show_document?p_table=STANDARDS&p_id=9636, truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018.

Lưu ý 4: Các thuật ngữ "nghề nghiệp" và "liên quan đến công việc" thường được sử dụng thay thế cho nhau.

chấn thương liên quan đến công việc có hậu quả nghiêm trọng (high-consequence work-related injury)
chấn thương liên quan đến công việc dẫn đến tử vong hoặc chấn thương khiến người lao động không thể, không hoặc dự kiến sẽ không hồi phục hoàn toàn về tình trạng sức khỏe trước khi bị thương trong vòng sáu tháng

chất thải (waste)
bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

Lưu ý 1: Có thể định nghĩa chất thải theo luật pháp quốc gia tại thời điểm phát sinh.

Lưu ý 2: Người nắm giữ có thể là tổ chức báo cáo, một thực thể trong chuỗi giá trị của tổ chức ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn (ví dụ: nhà cung cấp hoặc người tiêu dùng), hoặc một tổ chức quản lý chất thải, cùng nhiều tổ chức khác.

chất thải nguy hại (hazardous waste)
chất thải có bất kỳ đặc điểm nào được nêu trong Phụ lục III của Công ước Basel hoặc được luật pháp quốc gia coi là nguy hại

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

chỉ số đa dạng (indicator of diversity)
chỉ số đa dạng được tổ chức thu thập dữ liệu

Ví dụ: tuổi, dòng họ và nguồn gốc dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tình trạng khuyết tật, giới

chủ đề trọng yếu (material topics)
Các chủ đề phản ảnh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem mục 2.2 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* và phần 1 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết thêm thông tin về "chủ đề trọng yếu".

chuẩn bị tái sử dụng (preparation for reuse)
các hoạt động kiểm tra, làm sạch hoặc sửa chữa, qua đó các sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải được chuẩn bị để đưa vào sử dụng cho cùng mục đích ban đầu

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC); đã sửa đổi

chuỗi cung ứng (supply chain)
phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)
phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

Lưu ý 1: Các thực thể thượng nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà cung cấp) cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức. Các thực thể hạ nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà phân phối, khách hàng) nhận sản phẩm hoặc dịch vụ từ tổ chức.

Lưu ý 2: Chuỗi giá trị bao gồm chuỗi cung ứng.

chương trình phát triển cộng đồng (community development program)
kế hoạch nêu chi tiết các hành động để giảm thiểu, giảm nhẹ, hoặc đền bù cho các tác động bất lợi về xã hội và/hoặc kinh tế, và/hoặc để nhận diện các cơ hội hoặc hành động để tăng cường tác động tích cực của dự án đối với cộng đồng

cơ chế khiếu nại (grievance mechanism)
quy trình theo thủ tục, thông qua đó có thể đưa ra khiếu nại và tìm kiếm biện pháp khắc phục

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem Hướng dẫn Công bố *2-25 trong GRI 2: Công bố Chung 2021* để biết thêm thông tin về "cơ chế khiếu nại".

cơ sở hạ tầng (infrastructure)
các cơ sở được xây dựng chủ yếu để cung cấp một dịch vụ hoặc hàng hóa công cộng thay vì mục đích thương mại và tổ chức không tìm kiếm lợi ích kinh tế trực tiếp từ đó

Ví dụ: bệnh viện, đường xá, trường học, các cơ sở cấp nước

cộng đồng địa phương (local community)
những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: Cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

D

dịch vụ được hỗ trợ (services supported)
Các dịch vụ mang lại lợi ích cho cộng đồng được tổ chức hỗ trợ thông qua việc trực tiếp chi trả chi phí vận hành hoặc bố trí nhân sự của tổ chức để tham gia vận hành cơ sở hoặc cung cấp dịch vụ đó bằng nhân viên của chính tổ chức

Lưu ý: Lợi ích công cộng cũng có thể bao gồm các dịch vụ công cộng.

dòng chảy (runoff)
một phần lượng nước ngưng tụ chảy về phía sông trên bề mặt đất (tức là dòng chảy bề mặt) hoặc trong đất (tức là dòng chảy ngầm)

Nguồn: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), *Bảng Thuật ngữ Thủy văn Quốc tế của UNESCO*, 2012; đã sửa đổi

đối tác kinh doanh (business partner)
thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

đại diện của người lao động (worker representative)
người được công nhận là đại diện theo luật pháp hoặc thông lệ quốc gia, bất kể họ là:

- đại diện công đoàn, cụ thể là đại diện được công đoàn hoặc các thành viên của công đoàn đó chỉ định hoặc bầu ra; hoặc
- đại diện được bầu, cụ thể là đại diện được người lao động trong doanh nghiệp bầu một cách tự do theo các quy định của luật pháp quốc gia, quy định hoặc thỏa thuận tập thể, có chức năng không bao gồm các hoạt động được công nhận là đặc quyền độc quyền của công đoàn tại quốc gia có liên quan.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về Đại diện của Người lao động*, 1971 (Số 135)

đường cơ sở (baseline)
xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

G

giảm thiểu (mitigation)
(các) hành động được thực hiện để giảm mức độ tác động tiêu cực

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Việc giảm thiểu tác động tiêu cực đã xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm mức độ nghiêm trọng của tác động tiêu cực đã xảy ra, cũng như bất kỳ tác động còn sót lại nào cần biện pháp khắc phục. Việc giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm khả năng xảy ra tác động tiêu cực.

H

hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (occupational health and safety management system)
tập hợp các yếu tố có liên quan hoặc tương tác với nhau để thiết lập chính sách và mục tiêu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng như để đạt được các mục tiêu đó

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, ILO-OSH 2001, 2001

hỗ trợ tài chính (financial assistance)
các lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp không phải là một giao dịch hàng hóa và dịch vụ, mà là một hình thức khuyến khích hoặc bù đắp cho hành động đã thực hiện, cũng như chi phí tài sản, hoặc các chi phí phát sinh

Lưu ý: Nhà cung cấp hỗ trợ tài chính không kỳ vọng lợi nhuận tài chính trực tiếp từ sự hỗ trợ mà mình đưa ra.

K

khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG))
khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

Lưu ý: KNK là bảy loại khí được quy định trong Nghị định thư Kyoto: cacbon đioxit (CO_2); mêtan (CH_4); nitơ oxit (N_2O); hydrofluorocarbon (HFC); perfluorocarbon (PFC); lưu huỳnh hexaflorua (SF_6); và nitơ triflorua (NF_3).

khiếu nại (grievance)
cảm giác bất công khiến một cá nhân hoặc một nhóm muốn được hưởng quyền nào đó, có thể dựa vào luật pháp, hợp đồng, lời hứa rõ ràng hoặc ngầm định, thông lệ hoặc khái niệm chung về sự công bằng của cộng đồng chịu thiệt hại

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011

kỳ báo cáo (reporting period)
khoảng thời gian cụ thể mà các thông tin trong báo cáo đề cập đến

Ví dụ: năm tài chính, năm dương lịch

L

lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc (forced or compulsory labor)
tất cả các công việc và dịch vụ được thực hiện do ép buộc bất kỳ người nào bằng cách đe dọa bằng bất kỳ hình phạt nào và người đó không tự nguyện thực hiện

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Lao động Cưỡng bức, 1930 (Số 29); đã sửa đổi

Lưu ý 1: Các ví dụ nghiêm trọng nhất của lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc là lao động nô lệ và lao động gán nợ, nhưng các khoản nợ cũng có thể được sử dụng làm phương tiện để bắt người lao động phải lao động cưỡng bức.

Lưu ý 2: Dấu hiệu cho biết lao động cưỡng bức bao gồm giữ giấy tờ tùy thân, yêu cầu đặt cọc bắt buộc và bắt người lao động làm việc thêm giờ dưới sự đe dọa sa thải, khi họ chưa từng đồng ý trước đó.

lấy nước (water withdrawal)
tổng lượng nước lấy từ nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba cho bất kỳ mục đích sử dụng nào trong suốt kỳ báo cáo

lương cơ bản (basic salary)
số tiền cố định tối thiểu trả cho một nhân viên để làm việc

Lưu ý: Lương cơ bản không bao gồm bất kỳ khoản thù lao bổ sung nào, ví dụ như các khoản trả cho thời gian làm việc ngoài giờ hoặc tiền thưởng.

lượng nước tiêu thụ (water consumption)
tổng lượng nước đã được khai thác và đưa vào sản phẩm, được sử dụng trong quá trình trồng trọt hoặc tạo ra chất thải, đã bốc hơi, thoát hơi nước hoặc được người hoặc vật nuôi tiêu thụ, hoặc bị ô nhiễm đến mức người dùng khác không thể sử dụng được và do đó không được xả trở lại vào nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba trong suốt kỳ báo cáo

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

Lưu ý: Lượng nước tiêu thụ bao gồm cả lượng nước được lưu trữ trong kỳ báo cáo để sử dụng hoặc xả ra trong kỳ báo cáo tiếp theo.

lượng nước xả thải (water discharge)
tổng lượng nước thải nước đã qua sử dụng và nước chưa sử dụng được xả vào nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba mà tổ chức không còn sử dụng nữa, trong suốt kỳ báo cáo

Lưu ý 1: Nước thải có thể được xả vào nguồn tiếp nhận tại một điểm xả xác định (nguồn ô nhiễm điểm) hoặc được thải phân tán trên bề mặt đất theo cách không xác định (nguồn ô nhiễm diện)

Lưu ý 2: Hoạt động xả nước thải có thể được thực hiện hợp pháp (phù hợp với giấy phép xả thải) hoặc trái phép (khi vượt quá nội dung của giấy phép xả thải).

lưu vực (catchment)
vùng đất nơi toàn bộ dòng chảy bề mặt và nước ngầm chảy qua một chuỗi các suối, sông, tầng chứa nước và hồ đổ vào biển hoặc một cửa thoát duy nhất tại một cửa sông, cửa biển hoặc đồng bằng châu thổ

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS*, Phiên bản 1.0, 2014; đã sửa đổi

Lưu ý: Lưu vực bao gồm cả các khu vực nước ngầm có liên quan và có thể bao gồm các phần của các vùng nước (như hồ hoặc sông). Ở nhiều nơi trên thế giới, lưu vực còn được gọi là “lưu vực thoát nước” hoặc “lưu vực sông”.

M

mối nguy liên quan đến công việc (work-related hazard)
nguồn hoặc tình huống có khả năng gây ra chấn thương hoặc bệnh tật

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, 2001; đã sửa đổi
Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018.Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng.Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Các định nghĩa dựa vào hoặc được lấy từ các tiêu chuẩn ISO 14046:2014 và ISO 45001:2018 được sao chép lại với sự cho phép của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế, ISO. Bản quyền thuộc về ISO.

Lưu ý: Mối nguy có thể là:

- vật lý (ví dụ: bức xạ, nhiệt độ khắc nghiệt, tiếng ồn lớn liên tục, chất lỏng đổ ra sàn hoặc nguy cơ vấp ngã, máy móc không được che chắn, thiết bị điện bị lỗi);
- công thái học (ví dụ: các trạm làm việc và ghế ngồi không được điều chỉnh
- đúng cách, tư thế chuyển động khó khăn, rung lắc);
- hóa học (ví dụ: tiếp xúc với dung môi, cacbon monoxit, vật liệu dễ cháy hoặc thuốc trừ sâu);
- sinh học (ví dụ: tiếp xúc với máu và dịch cơ thể, nấm, vi khuẩn, vi-rút hoặc vết cắn của côn trùng); tâm lý xã hội (ví dụ: lăng mạ bằng lời nói, quấy rối, bắt nạt);
- liên quan đến công việc tổ chức (ví dụ: khối lượng công việc quá nhiều, làm việc theo ca, giờ làm việc dài, làm việc ban đêm, bạo lực tại nơi làm việc).

mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))
Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra)

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD, 2018; đã sửa đổi. Liên hợp quốc (LHQ), Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem *mục 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết thêm thông tin về "mức độ nghiêm trọng".

N

nghỉ thai sản (parental leave)
thời gian nghỉ phép dành cho nhân viên nam và nữ vì lý do sinh con

Người Bản địa (Indigenous Peoples)
Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa*, 1989 (Số 169)

người lao động (worker)
người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nguồn năng lượng có thể tái tạo (renewable energy source)
nguồn năng lượng có thể được bổ sung trong một khoảng thời gian ngắn thông qua các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp

Ví dụ: sinh khối, địa nhiệt, thủy điện, năng lượng mặt trời, gió

nhà cung cấp (supplier)
thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhà cung cấp địa phương (local supplier)
tổ chức hoặc người cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho tổ chức báo cáo ở trong cùng một thị trường địa lý với tổ chức báo cáo (có nghĩa là không có khoản thanh toán xuyên quốc gia nào được thực hiện cho nhà cung cấp địa phương)

Lưu ý: Định nghĩa địa lý của thuật ngữ "địa phương" có thể bao gồm cộng đồng xung quanh nơi hoạt động, một khu vực trong phạm vi quốc gia hoặc một quốc gia.

nhân viên (employee)
cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nhân viên an ninh (security personnel)
các cá nhân được tuyển dụng cho mục đích bảo vệ tài sản của tổ chức; kiểm soát đám đông; phòng chống mất mát; và hộ tống người, hàng hóa và những thứ có giá trị

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)
nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ nghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ: trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

nước bề mặt (surface water)
nước hình thành tự nhiên trên bề mặt Trái đất trong các tảng băng, chỏm băng, sông băng, tảng băng trôi, đầm lầy, ao, hồ, sông và suối

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

nước biển (seawater)
nước ở biển hoặc đại dương

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 14046:2014. *Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi

nước ngầm (groundwater)
nước được giữ lại và có thể được khai thác từ một tầng chứa nước ngầm

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 14046:2014. *Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi

nước ngọt (freshwater)
nước có nồng độ tổng chất rắn hòa tan bằng hoặc dưới 1.000 mg/L

Nguồn: Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi.
Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS), Bảng Thuật ngữ Khoa học Nước, water.usgs.gov/edu/dictionary.html ,truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018; đã sửa đổi. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), *Hướng dẫn về Chất lượng Nước uống*, 2017; đã sửa đổi

nước thải (effluent)
nước thải đã xử lý hoặc chưa xử lý được thải ra

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS*, Phiên bản 1.0, 2014

P

phân biệt đối xử (discrimination)
hành vi và hệ quả của việc đối xử với người khác một cách bất bình đẳng bằng áp đặt những gánh nặng không tương xứng hoặc từ chối các quyền lợi thay vì đối xử với mỗi người một cách công bằng dựa trên năng lực và phẩm chất cá nhân

Lưu ý: Phân biệt đối xử cũng có thể bao gồm cả quấy rối, nghĩa là lời bình phẩm hoặc hành động không được hoan nghênh, hoặc có căn cứ để thấy là không được hoan nghênh, đối với người mà những lời bình phẩm và hành động đó hướng đến.

phát thải khí đáng kể (significant air emission)
phát thải khí được quản lý theo các công ước quốc tế và/hoặc luật hay quy định của quốc gia

Lưu ý: Phát thải khí đáng kể bao gồm cả những trường hợp được liệt kê trong giấy phép môi trường cấp cho các hoạt động của tổ chức.

phát thải KNK Phạm vi 1 (Scope 1 GHG emissions)
lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Ví dụ: phát thải CO_2 từ việc tiêu thụ nhiên liệu

Lưu ý: Nguồn KNK là bất kỳ đơn vị thực tế hoặc quy trình nào thải KNK vào khí quyển.

phát thải KNK Phạm vi 2 (Scope 2 GHG emissions)
phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp từ việc tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

phát thải KNK Phạm vi 3 (Scope 3 GHG emissions)
phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp (không bao gồm trong phát thải KNK Phạm vi 2) xảy ra ở chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK, 2015 và Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK, 2011

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)
sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, Tương lai Chung của Chúng ta, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ "tính bền vững" và "phát triển bền vững" được dùng thay thế cho nhau.

phơi nhiễm (exposure)
lượng thời gian tiếp xúc hoặc bản chất của việc tiếp xúc với một số môi trường có nhiều mức độ và loại mối nguy khác nhau, hoặc tiếp xúc gần với một tình trạng có thể gây ra chấn thương hoặc bệnh tật (ví dụ: hóa chất, bức xạ, áp suất cao, tiếng ồn, hỏa hoạn, chất nổ)

phúc lợi (benefit)
lợi ích trực tiếp được cấp theo hình thức đóng góp tài chính, dịch vụ chăm sóc được tổ chức trả tiền, hoặc khoản bồi hoàn cho các chi phí mà nhân viên đã chi trả

Lưu ý: Các khoản phúc lợi cũng có thể bao gồm: tiền trợ cấp thôi việc vượt mức tối thiểu theo quy định pháp luật, tiền trợ cấp mất việc, quyền lợi bổ sung khi bị tai nạn lao động, trợ cấp tử tuất và các quyền lợi nghỉ phép có hưởng lương bổ sung.

phương pháp xử lý chất thải (waste disposal method)
phương pháp xử lý hoặc thải bỏ chất thải

Ví dụ: ủ phân, bơm xuống tầng đá xốp, thiêu hủy, chôn lấp, lưu trữ tại cơ sở, thu hồi, tái chế, tái sử dụng

Q

quan hệ kinh doanh (business relationships)
mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc,* 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

quyền con người (human rights)
các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN) và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế* (ILO)

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem Hướng dẫn 2-23-b-i trong *GRI 2: Công bố Chung 2021* để biết thêm thông tin về "quyền con người".

quyền tự do hiệp hội (freedom of association)
quyền của người sử dụng lao động và người lao động được lập, tham gia và vận hành các tổ chức của riêng họ mà không cần sự cho phép trước hoặc can thiệp của nhà nước hoặc bất kỳ thực thể nào khác

S

sự cố tràn (spill)
tình huống một chất nguy hiểm vô tình tràn ra ngoài có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đất đai, cây cối, nguồn nước mặt, và nước ngầm

sự cố cận nguy (close call)
sự cố liên quan đến công việc không dẫn đến chấn thương hoặc tổn hại sức khỏe, nhưng tiềm ẩn khả năng gây ra các hậu quả này

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng.* Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Lưu ý: "Sự cố cận nguy" cũng có thể được gọi là "tai nạn suýt xảy ra" hoặc "sự cố suýt gây tai nạn".

sự cố liên quan đến công việc (work-related incident)
sự việc phát sinh từ hoặc trong quá trình làm việc có thể hoặc đã dẫn đến chấn thương hoặc bệnh tật

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng*. Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Các định nghĩa dựa vào hoặc được lấy từ các tiêu chuẩn ISO 14046:2014 và ISO 45001:2018 được sao chép lại với sự cho phép của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế, ISO. Bản quyền thuộc về ISO.

Lưu ý 1: Sự cố có thể xảy ra do các nguyên nhân như sự cố điện, nổ, hỏa hoạn; tràn, lật, rò rỉ, chảy; vỡ, bùng nổ, tách; mất kiểm soát, trượt ngã, vấp ngã và rơi ngã; chuyển động cơ thể không có áp lực; chuyển động cơ thể dưới/có áp lực; sốc, sợ hãi; bạo lực hoặc quấy rối tại nơi làm việc (ví dụ: quấy rối tình dục).

Lưu ý 2: Một sự cố gây ra chấn thương hoặc bệnh tật thường được gọi là "tai nạn". Một sự cố có khả năng gây chấn thương hoặc bệnh tật nhưng không xảy ra thường được gọi là "sự cố cận nguy", "tai nạn suýt xảy ra" hoặc "sự cố suýt gây tai nạn".

sự tham gia của người lao động (worker participation)
việc người lao động tham gia vào việc ra quyết định

Lưu ý 1: Sự tham gia của người lao động có thể được thực hiện thông qua các đại diện của người lao động.

Lưu ý 2: Sự tham gia và tham vấn của người lao động là hai thuật ngữ riêng biệt có ý nghĩa cụ thể. Xem định nghĩa về "sự tham vấn người lao động".

T

tác động (impact)
ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem mục 2.1 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "tác động".

tái chế (recycling)
tái xử lý sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải, để tạo ra vật liệu mới

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

thải bỏ (disposal)
bất kỳ hoạt động nào không phải là hoạt động thu hồi, ngay cả khi hoạt động đó có hệ quả thứ cấp là thu hồi năng lượng

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC)

Lưu ý: Thải bỏ là hoạt động quản lý cuối vòng đời của các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên bị loại bỏ, thông qua việc đưa vào nơi chứa hoặc thông qua quá trình biến đổi hóa học hoặc nhiệt học làm cho các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên này không còn khả năng được sử dụng tiếp.

thẩm định (due diligence)
quá trình nhận diện, phòng ngừa, giảm thiểu và giải thích về cách tổ chức giải quyết các tác động tiêu cực đã xảy ra và có thể xảy ra của mình

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn cho Doanh nghiệp Đa quốc gia của OECD*, 2011; đã sửa đổi.
Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem mục 2.3 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "thẩm định".

tham nhũng (corruption)
"hành vi lạm dụng quyền lực được giao để thu lợi cá nhân", có thể do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện

Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế, *Nguyên tắc Kinh doanh Chống Hối lộ*, 2011

Lưu ý: Tham nhũng bao gồm cả các hành vi như hối lộ, trả tiền bôi trơn, gian lận, tống tiền, câu kết và rửa tiền. Tham nhũng còn bao gồm cả hành vi đưa hoặc nhận bất kỳ món quà, khoản vay, phí, phần thưởng hoặc lợi thế nào khác cho hoặc từ bất kỳ người nào để xui khiến người đó thực hiện hành vi không trung thực, bất hợp pháp hoặc vi phạm lòng tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này có thể bao gồm tiền mặt hoặc lợi ích bằng hiện vật, chẳng hạn như hàng hóa, quà tặng và các kỳ nghỉ miễn phí hoặc các dịch vụ cá nhân đặc biệt được cung cấp để đạt được lợi thế không chính đáng hoặc có thể gây ra áp lực tinh thần để nhận được lợi thế như vậy.

thay đổi hoạt động đáng kể (significant operational change)
thay đổi đối với mô hình hoạt động của tổ chức mà có khả năng gây tác động tích cực hoặc tiêu cực đáng kể đối với người lao động thực hiện hoạt động của tổ chức

Ví dụ: đóng cửa, mở rộng, sáp nhập, mở mới, thuê ngoài hoạt động, tái cơ cấu, bán toàn bộ hoặc một phần tổ chức, tiếp quản

thương lượng tập thể (collective bargaining)
tất cả các cuộc đàm phán diễn ra giữa một bên là một hoặc nhiều người sử dụng lao động hoặc tổ chức của người sử dụng lao động, và một bên là một hoặc nhiều tổ chức của người lao động (ví dụ: công đoàn), nhằm xác định các điều kiện làm việc và điều khoản hợp đồng lao động hoặc để

điều chỉnh mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Thương lượng Tập thể, 1981 (Số 154); đã sửa đổi

thu hồi (recovery)
hoạt động trong đó các sản phẩm, thành phần của sản phẩm hoặc vật liệu đã trở thành chất thải được chuẩn bị để thực hiện một mục đích thay thế cho các sản phẩm, thành phần hoặc vật liệu mới đáng lẽ sẽ được sử dụng cho mục đích đó

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

Ví dụ: chuẩn bị tái sử dụng, tái chế

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo chất thải, hoạt động thu hồi không bao gồm thu hồi năng lượng.

thù lao (remuneration)
lương cơ bản cộng thêm các khoản bổ sung trả cho người lao động

Lưu ý: Ví dụ về các khoản chi trả bổ sung cho người lao động có thể bao gồm: các khoản dựa trên thâm niên làm việc; tiền thưởng bằng tiền mặt hoặc cổ phần như cổ phiếu; các khoản phúc lợi; phụ cấp ngoài giờ; thời gian còn nợ và bất kỳ khoản phụ cấp bổ sung khác như phụ cấp đi lại, sinh hoạt và chăm sóc trẻ em.

trẻ em (child)
người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện

và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu của ILO*, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

U

ủy ban chính thức về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp giữa người sử dụng lao động và người lao động (formal joint management–worker health and safety committee)

ủy ban gồm đại diện của người sử dụng lao động và các đại diện của người lao động, có chức năng được tích hợp vào cơ cấu tổ chức và hoạt động theo các văn bản chính sách, thủ tục và quy tắc đã được thống nhất, đồng thời giúp tạo điều kiện cho người lao động tham gia và tham vấn về các vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

X

xung đột lợi ích (conflict of interest)
tình huống trong đó một người phải đối mặt với việc lựa chọn giữa các yêu cầu công việc của mình trong tổ chức và các lợi ích hoặc trách nhiệm cá nhân hoặc nghề nghiệp khác của người đó

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này, cũng như các nguồn tài liệu mà tổ chức có thể tham khảo.

Giới thiệu

1. Cộng đồng Châu Âu, NACE Rev.2, Phân loại thống kê các hoạt động kinh tế trong Cộng đồng Châu Âu (NACE), Cơ quan thống kê liên minh Châu Âu (Eurostat), *Phương pháp luận và Tài liệu Nghiên cứu*, năm 2008.
2. Văn phòng Điều hành của Tổng thống, Văn phòng Quản lý và Ngân sách, *Hệ thống Phân loại Ngành Bắc Mỹ (NAICS)*, năm 2017.
3. FTSE Russell, Cấu trúc ICB, *Tổng quan về Hệ thống phân loại*, năm 2019.
4. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED), *Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ: Thách thức và cơ hội*, năm 2003.
5. S&P Các chỉ số Dow Jones và MSCI Inc., *Những sửa đổi đối với Cấu trúc của Tiêu chuẩn Phân loại Ngành Toàn cầu (GICS®)*, năm 2018.
6. Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (SASB), Sustainable Industry Classification System® (SICS®), sasb.org/find-your-industry/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
7. Liên hợp quốc (UN), Phân loại Ngành theo Tiêu chuẩn Quốc tế cho Tất cả các Hoạt động Kinh tế, Phiên bản 4, Tuyển tập các Bài báo Thống kê, Tập M, *Số 4/Phiên bản 4*, năm 2008.
8. Ngân hàng Thế giới, *Phối hợp Khai khoáng: Khai khoáng Quy mô lớn Song hành cùng Khai khoáng Thủ công*, năm 2009.

Hồ sơ ngành

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

9. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác có Ý nghĩa với các Bên liên quan trong Ngành Khai thác*, năm 2015.
10. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao*, năm 2016.
11. Nghị quyết Liên hợp quốc (UN), Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững, năm 2015 (A/RES/70/1).

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

12. Quyền Con người Đan Mạch, *Hướng tới việc Triển khai các Dự án Ngành Khai thác có Tính đến Yếu tố Giới tính*, năm 2019.
13. E. Lebre, M. Stringer, K. Svobodova, J. Owen, D. Kemp, C. Cote, A. Arratia-Solar và R. Valenta, “Những phức tạp về xã hội và môi trường trong việc khai thác kim loại phục vụ quá trình chuyển đổi năng lượng”, Nature, ngày 24 tháng 9 năm 2020.
14. Viện Phụ nữ, Hòa bình và An ninh Georgetown và Viện Nghiên cứu Hòa bình Oslo, Chỉ số Phụ nữ, Hòa bình và An ninh 2021/22: Theo dõi hòa bình bền vững thông qua tính hòa nhập, *công lý và an ninh cho phụ nữ*, năm 2021.
15. IndustriAll, Rủi ro về bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới tính: hành động ứng phó của công đoàn trong các ngành khai khoáng, *may mặc và điện tử*, năm 2022.
16. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, *Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF) Đánh giá Toàn cầu: Đưa Yếu tố Giới tính vào Đánh giá Tác động trong Khai khoáng*, năm 2022.
17. Hội nghị Quốc tế về Khu vực Hồ Lớn (ICGLR), *Sáng kiến Khu vực chống Khai thác Trái phép Tài nguyên Thiên nhiên (RINR) của ICGLR và các Cơ chế Chứng nhận khác trong Khu vực Hồ Lớn: Bài học Kinh nghiệm và Thông lệ tốt nhất*, năm 2013.
18. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Đa dạng, *Công bằng và Hòa nhập: Tuyên bố Lập trường*, năm 2023.
19. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Vai trò của ngành khai khoáng trong nền kinh tế quốc gia*, năm 2016.

20. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Vai trò của các Khoáng sản Thiết yếu trong Quá trình Chuyển đổi Năng lượng Sạch*, năm 2021.
21. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Ngân hàng Thế giới, *Lập luận Kinh doanh cho Hoạt động Khai khoáng Thông minh vì Khí hậu có Tính đến Yếu tố Giới tính*, năm 2022.
22. Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững (IISD), *Khoáng sản Xung đột Xanh: Nguồn nhiên liệu của xung đột trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp*, năm 2018.
23. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Phụ nữ trong ngành Khai khoáng: hướng tới bình đẳng giới*, năm 2021.
24. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), *Sáng kiến Minh bạch Tài chính: Tích hợp các Vấn đề Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên*, năm 2019.
25. J. Owen, D. Kemp, J. Harris, A. Lechner và E. Lebre, "Đường tắt dẫn đến thất bại? Khoáng sản cho quá trình chuyển đổi năng lượng và tương lai của hoạt động tham vấn và sự đồng thuận", Energy Research & Social Science, tháng 7 năm 2022.
26. Oxfam, Australian Aid, *Hướng dẫn Đánh giá Tác động Giới tính cho Ngành Khai thác*, năm 2017.
27. Phụ nữ và Ngành Khai khoáng, *Tuyên bố của các Bên liên quan về việc Thực hiện Thẩm định có Tính đến Yếu tố Giới tính và đảm bảo quyền con người của phụ nữ trong chuỗi cung ứng khoáng sản*, năm 2019.
28. Ngân hàng Thế giới, *Khoáng sản cho Biện pháp Ứng phó với Biến đổi Khí hậu: Cường độ Sử dụng Khoáng sản trong Quá trình Chuyển đổi Năng lượng Sạch*, năm 2020.
29. Hiệp hội Hạt nhân Thế giới, Duy trì các Thông lệ Tốt nhất Toàn cầu trong Khai thác và Chế biến Urani: Nguyên tắc Quản lý Bức xạ, Sức khỏe và An toàn, Chất thải và Môi trường, https://world-nuclear.org/our-association/publications/technical-position-papers/best-practice-in-uranium-mining.aspx, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Nguồn tài liệu:

30. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), Yêu cầu 2.6: Sự tham gia của nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước, *Tiêu chuẩn EITI*, năm 2020.
31. GRI, Liên kết các SDG và Bộ Tiêu chuẩn GRI, được cập nhật thường xuyên.
32. GRI và Hiệp ước Toàn cầu của UN, *Tích hợp các SDG vào báo cáo doanh nghiệp: Hướng dẫn thực hành*, năm 2018.
33. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), *Đánh giá Toàn cầu: Đưa Yếu tố Giới tính vào Đánh giá Tác động trong Khai khoáng*, năm 2022.
34. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Định hướng Ngành Khai khoáng theo các SDG: Bản đồ*, năm 2016.

Chủ đề 14.1 Biến đổi khí hậu

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

35. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2014: Giảm thiểu Biến đổi Khí hậu*, năm 2014.
36. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2014: Báo cáo Tổng hợp*, năm 2014.
37. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2021: Cơ sở Khoa học Vật lý*, năm 2021.
38. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Biến đổi Khí hậu 2022: Tác động, *Thích ứng và Khả năng dễ bị tổn thương*, năm 2022.
39. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Hướng dẫn Thực hành Tốt và Quản lý Tính bất định trong Kiểm kê Khí nhà kính Quốc gia*, năm 2001.
40. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Báo cáo Đặc biệt về Biến đổi Khí hậu và Đất*, năm 2019.
41. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Báo cáo Đặc biệt về các tác động của mức làm nóng lên toàn cầu 1,5°C so với mức trước thời kỳ công nghiệp hóa và các lộ trình phát thải khí nhà kính toàn cầu liên quan, năm 2019.
42. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Mức Làm nóng lên Toàn cầu 1,5 C. Báo cáo Đặc biệt của IPCC, năm 2018.
43. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Hiệp định Paris*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

44. M. Azadi, S. A. Northey, S. H. Ali và M. Edraki, *Tính minh bạch về phát thải khí nhà kính từ hoạt động khai khoáng nhằm hỗ trợ giảm thiểu biến đổi khí hậu*, năm 2020.
45. Bachner và cộng sự, Đánh giá rủi ro của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp trong ngành thép và điện của Áo, *Environmental Innovation and Societal Transitions*, năm 2018.
46. Trung tâm Tài nguyên Kinh doanh và Quyền Con người, Công cụ Theo dõi Khoáng sản cho Quá trình Chuyển đổi: Phân tích toàn cầu về quyền con người trong quá trình chuyển đổi năng lượng.
47. Ceres, *Đối chiếu với Tiêu chuẩn về Phát thải Mê-tan và các KNK Khác*, năm 2021.
48. ESI Africa, Cách ngành khai khoáng lên kế hoạch giảm phát thải cacbon, https://www.esi-africa.com/business-and-markets/how-mining-plans-to-drive-down-carbon-emissions/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
49. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Thích ứng với biến đổi khí hậu*, năm 2019.
50. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Giảm phát thải KNK và xây dựng khả năng phục hồi, https://www.icmm.com/en-gb/environment/climate-change/mitigate-ghg-emissions, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
51. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Vai trò của các Khoáng sản Thiết yếu trong Quá trình Chuyển đổi Năng lượng Sạch*, năm 2021.
52. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Phát triển khoáng sản bền vững và có trách nhiệm, https://www.iea.org/reports/the-role-of-critical-minerals-in-clean-energy-transitions/sustainable-and-responsible-development-of-minerals , truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
53. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Lập luận Kinh doanh cho Hoạt động Khai khoáng Thông minh vì Khí hậu có Tính đến Yếu tố Giới tính*, năm 2022.
54. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Hoạt động Khai khoáng*, năm 2007.
55. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Điều chỉnh các chính sách hướng tới nền kinh tế cacbon thấp*, năm 2015.
56. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Khai khoáng và Tăng trưởng Xanh tại Khu vực EECCA*, năm 2019.
57. M. Pelling, Thích ứng với Biến đổi Khí hậu: Từ Khả năng Phục hồi đến Chuyển đổi, năm 2011
58. L. Sonter và cộng sự, *Khai khoáng thúc đẩy nạn phá rừng quy mô lớn ở khu vực Amazon thuộc Brazil*, năm 2017.
59. Tổ chức Khai thác có Trách nhiệm (RMF), *Không chỉ giảm phát thải: Biến đổi khí hậu và khai khoáng*, năm 2021.
60. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Hội đồng Tài nguyên Quốc tế (IRP), Tái chế Kim loại: Cơ hội, Giới hạn, *Cơ sở hạ tầng*, năm 2013.
61. Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA), Lượng cacbon đioxit được tạo ra trên mỗi kilowatt giờ điện sản xuất tại Mỹ là bao nhiêu?, https://www.eia.gov/tools/faqs/faq.php?id=74&t=11, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
62. Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), *Khai khoáng và quá trình chuyển đổi năng lượng xanh*, năm 2021.
63. Ngân hàng Thế giới, Khai khoáng Thông minh vì Khí hậu: Khoáng sản cho Biện pháp Ứng phó với Biến đổi Khí hậu, https://www.worldbank.org/en/topic/extractiveindustries/brief/climate-smart-mining-minerals-for-climate-action, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
64. World Steel, *Biến đổi khí hậu và sản xuất sắt thép*, năm 2021.
65. Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), *Bùng nổ Nguyên liệu Thô: Giữa Lợi nhuận và Thua lỗ*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

66. Nghị định thư về Khí nhà kính, *Tiêu chuẩn Kế toán và Báo cáo Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3)*, năm 2011.
67. Nghị định thư về Khí nhà kính, *Giá trị Tiềm năng Làm nóng lên Toàn cầu*, năm 2015.
68. Nghị định thư về Khí nhà kính, *Hướng dẫn về Lĩnh vực Đất đai và Loại bỏ*, năm 2023.
69. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Hướng dẫn về Kiểm kê Khí nhà kính Quốc gia: Sổ tay Tham khảo: Thay đổi mục đích sử dụng và lâm nghiệp*, năm 1996.
70. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Hướng dẫn Thông lệ Tốt về Sử dụng Đất, *Thay đổi Mục đích Sử dụng Đất và Lâm nghiệp*, năm 2003.
71. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Bản sửa đổi năm 2019 đối với Hướng dẫn của IPCC năm 2006 về Kiểm kê Khí nhà kính Quốc gia, Tập 4, Nông nghiệp, *Lâm nghiệp và Mục đích Sử dụng Đất Khác*, năm

2019.

72. Hiệp hội Khai khoáng Canada, *Hướng dẫn về Thích ứng với Biến đổi Khí hậu cho Ngành Khai khoáng của Sáng kiến Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM)*, năm 2021.
73. Hiệp hội Khai khoáng Canada, *Nghị định thư về Biến đổi Khí hậu của Sáng kiến Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM)*, năm 2021.
74. Đã xóa.
75. Đã xóa.
76. Đã xóa.
77. Đã xóa.
78. Đã xóa.
79. Đã xóa.
80. Đã xóa.
81. Đã xóa.
82. Đã xóa.

Chủ đề 14.3 Khí thải

Tài liệu tham khảo:

83. Bộ Nông nghiệp, Nguồn nước và Môi trường Chính phủ Úc, Danh mục Chất gây ô nhiễm Quốc gia Úc, http://www.npi.gov.au/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
84. Chính quyền New South Wales, Úc, Bụi mỏ và bạn, https://www.health.nsw.gov.au/environment/factsheets/Pages/mine-dust-and-you.aspx, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
85. Q. B. Tran, M. Lohitnavy và T. Phenrat, "Đánh giá nguy cơ phơi nhiễm hydro xyanua từ các thông lệ quản lý quặng đuôi bị ô nhiễm xyanua trong ngành khai thác vàng ở Thái Lan", Journal of Environmental Management, ngày 1 tháng 11 năm 2019.
86. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Quản lý ngành khai khoáng vì phát triển bền vững*, năm 2018.
87. Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE), Ô nhiễm không khí, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, https://unece.org/air-pollution-ecosystems-and-biodiversity, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
88. Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ, Ngành Khai khoáng (trừ Khai khoáng) (NAICS 212), https://www.epa.gov/regulatory-information-sector/mining-except-oil-and-gas-sector-naics-212, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
89. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Ô nhiễm không khí và sức khỏe trẻ em: Chỉ định không khí sạch,, *bản sao trước khi phát hành*, năm 2018.
90. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Ô nhiễm không khí, who.int/health-topics/air-pollution, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
91. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), *Ô nhiễm Không khí Môi trường: Đánh giá Toàn cầu về Mức độ Phơi nhiễm và Gánh nặng Bệnh tật*, năm 2016.

Nguồn tài liệu:

92. Sáng kiến Đảm bảo Khai khoáng Có trách nhiệm (IRMA), *Tiêu chuẩn Khai khoáng Có trách nhiệm*, năm 2018.
93. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Khai khoáng*, năm 2007.
94. Bộ luật Xyanua, Bộ luật Quản lý Xyanua Quốc tế về Hoạt động Sản xuất, Vận chuyển và Sử dụng Xyanua trong Sản xuất Vàng, https://cyanidecode.org/the-cyanide-code/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.4 Đa dạng sinh học

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

95. Công ước về Đa dạng Sinh học, *Quan tâm đến Đa dạng sinh học trong các Ngành Năng lượng và Khai khoáng*, năm 2018.
96. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu và Đa dạng sinh học*, năm 2002.
97. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu và Đất*, năm 2019.
98. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Báo cáo Đánh giá Lần thứ Sáu - Đóng góp của Nhóm Công tác 1*, năm 2021.

99. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Công ước về Đa dạng Sinh học*, năm 1992.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

100. Liên minh Khai khoáng Có trách nhiệm (ARM), *Tiêu chuẩn Khai khoáng Thủ công và Quy mô nhỏ Thông minh vì Rừng*, năm 2019.
101. Blum, Stewart và Schroeder, *Ảnh hưởng của hoạt động khai thác vàng quy mô lớn đến hành vi di cư của một loài động vật ăn cỏ lớn*, năm 2015.
102. Công ước về Đa dạng Sinh học, *Quan tâm đến Đa dạng sinh học trong các Ngành Năng lượng và Khai khoáng*, năm 2018.
103. Sáng kiến Đa dạng sinh học Liên Ngành (CSBI), *Hướng dẫn liên ngành để thực hiện Hệ thống phân cấp Giảm thiểu*, năm 2015.
104. Sáng kiến Đa dạng sinh học Liên Ngành (CSBI), Trang chủ, http://www.csbi.org.uk/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
105. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Khai khoáng biển sâu, https://www.iucn.org/resources/issues-brief/deep-sea-mining , truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
106. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Trang chủ, iucn.org, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
107. Mongabay, Các hành lang voi bị ảnh hưởng khi hoạt động khai khoáng mở rộng ở Jharkhand, https://india.mongabay.com/2022/02/elephant-corridors-impacted-as-mining-expands-in-jharkhand/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
108. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Đưa ngành khai khoáng toàn cầu hướng tới nhận thức về đa dạng sinh học, https://www.unep.org/news-and-stories/story/moving-global-mining-industry-towards-biodiversity-awareness, truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2022.
109. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới (WCMC), Proteus Partnership, https://unep-wcmc.org/en/Proteus, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
110. Ngân hàng Thế giới, *Khai khoáng Thông minh vì Rừng: Xác định các Yếu tố Liên quan đến Tác động của Hoạt động Khai khoáng Quy mô Lớn đối với Rừng*, năm 2019.
111. Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), *Ngành Khai thác: Tương tác của Ngành với Công tác Bảo tồn và Quản lý các Hệ sinh thái ở Trung Phi*, năm 2017.

Nguồn tài liệu:

112. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Hiệp hội Bảo tồn Môi trường Ngành Khai khoáng Quốc tế (IPIECA), Nguyên tắc Xích đạo, *Hướng dẫn liên ngành để thực hiện Hệ thống phân cấp Giảm thiểu*, năm 2017.
113. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 6: Bảo tồn Đa dạng sinh học và Quản lý Bền vững Tài nguyên Thiên nhiên Sống*, năm 2012.
114. Hiệp hội Khai khoáng Canada, Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM), *Nghị định thư về Quản lý Bảo tồn Đa dạng sinh học*, năm 2020.
115. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới (WCMC), Đa dạng sinh học A-Z, https://www.biodiversitya-z.org/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.5 Chất thải

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

116. Ủy ban Châu Âu, *Tài liệu Tham chiếu về Kỹ thuật Tốt nhất Hiện có (BAT) cho việc Quản lý Chất thải từ các Ngành Khai thác*, năm 2018.
117. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2014: Giảm thiểu Biến đổi Khí hậu – Ngành công nghiệp*, năm 2014.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

118. Accenture, *Khai thác Giá trị Mới từ Nền kinh tế Tuần hoàn*, năm 2019.
119. Enviro Integration Strategies Inc. và MERG, Hướng tới Phương pháp tiếp cận Kinh tế Tuần hoàn trong Hoạt động Khai khoáng. Các Khái niệm Chính, *Yếu tố Thúc đẩy và Cơ hội*, năm 2021.
120. Ủy ban Châu Âu, *Tài liệu Tham chiếu về Các Kỹ thuật Sẵn có Tốt nhất (BAT) để Quản lý Chất thải từ các Ngành Khai thác*, năm 2018.

121. Ủy ban Châu Âu, Chất thải Khai khoáng, https://ec.europa.eu/environment/topics/waste-and-recycling/mining-waste_en, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
122. Hudson-Edwards và Dold (biên tập), Đặc điểm, *Quản lý và Xử lý Chất thải Mỏ*, năm 2015.
123. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Khai khoáng và Kim loại trong Nền kinh tế Tuần hoàn*, năm 2016.
124. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Thông tin về quặng đuôi, https://www.icmm.com/en-gb/our-work/innovation-for-sustainability/tailings/about-tailings, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
125. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Xây dựng Hành tinh Không Ô nhiễm, năm 2017

Nguồn tài liệu:

126. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm (PRI), *Tổng quan Toàn cầu về Quặng đuôi*, năm 2020.
127. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Khai khoáng*, năm 2007.
128. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Quản lý Chất thải*, năm 2007.

Chủ đề 14.6 Quặng đuôi

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

129. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2014: Giảm thiểu Biến đổi Khí hậu – Ngành công nghiệp*, năm 2014.
130. Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO), Nghị định thư năm 1996 của Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do việc đổ chất thải và các chất khác ra biển, *1972*, năm 1996.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

131. C. Roche, K. Thygesen và E. Baker (Biên tập), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Kho chứa Quặng đuôi từ Mỏ: An toàn Không phải Chuyện May rủi. Đánh giá Phản ứng Nhanh của UNEP*, năm 2017.
132. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Thông tin về quặng đuôi, https://www.icmm.com/en-gb/our-work/innovation-for-sustainability/tailings/about-tailings, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
133. Chương trình Môi trường của Liên hợp Quốc (UNEP), *Hướng tới Hành tinh Không Ô nhiễm*, năm 2017.

Nguồn tài liệu:

134. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm (PRI), *Tiêu chuẩn Ngành Toàn cầu về Quản lý Quặng đuôi*, năm 2020.
135. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Khai khoáng*, năm 2007.
136. Hiệp hội Khai khoáng Canada, *Hướng dẫn Quản lý Cơ sở Lưu trữ Quặng đuôi*, năm 2017.
137. Hiệp hội Khai khoáng Canada, Xây dựng Sổ tay Vận hành, *Bảo trì và Giám sát cho các Cơ sở Quản lý Quặng đuôi và Nước*, năm 2013.
138. Hiệp hội Khai khoáng Canada, *Nghị định thư về Quản lý Quặng đuôi của Sáng kiến Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM)*, năm 2022.

Chủ đề 14.7 Nước và nước thải

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

139. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Báo cáo Đánh giá Lần thứ Sáu - Đóng góp của Nhóm Công tác 1*, năm 2021.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

140. D. Kemp, C. Bond, D. Franks và C. Cote, Khai khoáng, *nước và quyền con người: làm rõ mối liên hệ*, năm 2010.
141. Oxfam, Australian Aid, *Hướng dẫn Đánh giá Tác động Giới tính cho Ngành Khai thác*, năm 2017.
142. Quỹ Nước Uống An toàn (SDWF), Khai khoáng và Ô nhiễm Nước, https://www.safewater.org/fact-sheets-1/2017/1/23/miningandwaterpollution , truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

143. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Thực hành Khai thác Tốt; Hướng dẫn dành cho Chính phủ và các Đối tác nhằm Đưa Môi trường và Quyền Con người vào Hoạt động Quản trị Ngành Khai khoáng*, năm 2018.
144. Chương trình Môi trường của Liên hợp Quốc (UNEP), *Hướng tới Hành tinh Không Ô nhiễm*, năm 2017.
145. Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) Hoa Kỳ, Hướng dẫn về Nước thải từ Hoạt động Khai thác và Chế biến Khoáng sản, https://www.epa.gov/eg/mineral-mining-and-processing-effluent-guidelines, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
146. Ủy Ban Nước Liên Hợp Quốc, Nước và Giới tính, https://www.unwater.org/water-facts/water-and-gender, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
147. Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ, Khai khoáng và Chất lượng Nước, https://www.usgs.gov/special-topics/water-science-school/science/mining-and-water-quality, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
148. WaterAid, *Tác động của các Ngành Khai thác đến lượng và chất lượng nước uống*, năm 2018.
149. Nhóm Đánh giá Độc lập của Ngân hàng Thế giới, *Quản lý Rủi ro Môi trường và Xã hội trong việc Tài trợ Chính sách Phát triển*, năm 2015.

Nguồn tài liệu:

150. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Khung Quản lý Nước*, năm 2014.
151. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Báo cáo về Nước: Hướng dẫn thông lệ tốt (Ấn bản 2)*, năm 2021.
152. Hiệp hội Khai khoáng Canada, *Nghị định thư về Quản lý Nước của Sáng kiến Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM)*, năm 2018.
153. Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), Bộ lọc Rủi ro Nước 6.0 của WWF, https://waterriskfilter.org/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.8 Đóng cửa và phục hồi

Các tài liệu tham khảo:

154. D. Laurence, “Tối ưu hóa quy trình đóng cửa mỏ”, Journal of Cleaner Production, năm 2006, https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0959652605000399, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
155. Ủy ban Kinh tế Mỹ Latinh và Caribe (ECLAC), https://www.cepal.org/en, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
156. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), Đánh giá Tác động về Môi trường và Xã hội, https://www.igfmining.org/our-work/environmental-and-social-impact-assessments/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
157. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), *Đánh giá Toàn cầu: Quản trị đảm bảo tài chính cho quá trình chuyển đổi sau khai khoáng*, năm 2021.
158. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Quản lý ngành khai khoáng vì phát triển bền vững*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

159. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Khung đánh giá Mức độ hoàn thiện của việc Đóng cửa*, năm 2022.
160. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Các khái niệm tài chính cho việc đóng cửa mỏ*, năm 2019.
161. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Đóng cửa mỏ tích hợp: Hướng dẫn thông lệ tốt (ấn bản 2)*, năm 2019.
162. Cơ quan Bảo vệ Môi trường Nevada, Bộ Nội vụ Hoa Kỳ, Hiệp hội Khai khoáng Nevada, Công cụ Ước tính Chi phí Cải tạo Tiêu chuẩn, https://nvbond.org, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.9 Tác động về kinh tế

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

163. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Nguyên tắc về sự Tham gia của Khu vực Tư nhân trong Cơ sở Hạ tầng của OECD*, năm 2007.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

164. K. Storey, "Hình thức Làm việc Luân phiên Bay đến-Bay về: Ý nghĩa đối với Tính bền vững của Cộng đồng", Sustainability, tập 2, *trang 1161-1181*, năm 2010.

165. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Các Chiến lược Hợp tác nhằm Tạo ra Giá trị Chung Trong nước*, năm 2016.

166. Pitman và Toroskainen, *Ẩn dưới Bề mặt: Lập luận cho việc Giám sát các Nhà cung cấp trong Ngành Khai thác*, năm 2020.

167. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Quản lý ngành khai khoáng vì phát triển bền vững*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

168. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), *Tiêu chuẩn EITI*, năm 2023.

169. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Báo cáo về Kinh tế và Xã hội: Khung và Hướng dẫn*, năm 2022.

170. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Công cụ cho Hiệu suất Xã hội, https://www.icmm.com/en-gb/guidance/social-performance/tools-for-social-performance, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

171. Mining Shared Value và GIZ GmbH, Cơ chế Báo cáo về việc Mua sắm tại Địa phương trong Ngành Khai khoáng, năm 2017, https://miningsharedvalue.org/mininglprm.

172. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Các Chiến lược Hợp tác nhằm Tạo ra Giá trị Chung Trong nước*, năm 2016.

Chủ đề 14.10 Cộng đồng địa phương

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

173. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác có Ý nghĩa với các Bên liên quan trong Ngành Khai thác*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

174. M.S. Al-Hwaiti, H.J. Brumsack và B. Schnetger, *Ô nhiễm kim loại nặng và đánh giá rủi ro sức khỏe trong việc xử lý nước thải mỏ bằng các quy trình tuyển quặng phosphat ở Jordan*, năm 2018.

175. C. Bempah và A. Ewusi, *Ô nhiễm kim loại nặng và đánh giá rủi ro sức khỏe con người quanh mỏ vàng Obuasi ở Ghana*, năm 2016.

176. Cordaid, Khi Ngành Khai khoáng hoặc Khai khoáng Xuất hiện tại Khu vực của Bạn: Hướng dẫn Thiết thực cho Cộng đồng, *Xã hội Dân sự và Chính quyền Địa phương về các Khía cạnh Xã hội của Ngành Khai khoáng và Khai khoáng*, năm 2016.

177. G. Guo, B. Song, M. Lei và Y. Wang, Các nguyên tố đất hiếm (REE) trong PM10 và rủi ro sức khỏe liên quan từ khu vực khai thác đa kim ở Huyện Nam Đan, *Trung Quốc*, năm 2018.

178. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Bộ công cụ Phát triển Cộng đồng, https://www.icmm.com/en-gb/guidance/social-performance/community-development-toolkit, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

179. Tập đoàn Lao động Quốc tế (ILO), *Phụ nữ trong ngành khai khoáng: hướng tới bình đẳng giới*, năm 2021.

180. S.W. Lee, H.G.Cho và S.O.Kim, *So sánh các mô hình đánh giá rủi ro đối với con người do ô nhiễm kim loại nặng trong các khu vực mỏ kim loại bỏ hoang ở Hàn Quốc*, năm 2018.

181. K. Li, T. Liang, L. Wang và Z. Yang, Tình trạng ô nhiễm và đánh giá rủi ro sức khỏe do kim loại nặng trong bụi đường tại Khu vực Khai khoáng Bayan Obo ở Nội Mông, *Bắc Trung Quốc*, năm 2015.

182. Oxfam, Tác động giới tính của hoạt động khai khoáng, https://www.oxfam.org.au/what-we-do/economic-inequality/mining/the-gendered-impacts-of-mining/#:~:text=women%20can%20lose%20their%20traditional,affect%20the%20safety%20of%20women, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

183. Publish What You Pay, *Đảo ngược lời nguyền tài nguyên thông qua việc phát triển cộng đồng bằng công cụ lập pháp*, năm 2021.

184. J. Song, Q. Liu và Y. Sheng, *Phân bố và đánh giá rủi ro từ các kim loại vết trong trầm tích bề mặt sông tại khu vực khai thác vàng*, năm 2019.

185. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Khai*

khoáng và Khoáng sản, năm 2019.

186. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Thực hành Khai thác Tốt; Hướng dẫn dành cho Chính phủ và các Đối tác nhằm Đưa Môi trường và Quyền Con người vào Hoạt động Quản trị Ngành Khai khoáng*, năm 2018.
187. Ngân hàng Thế giới, *Thỏa thuận Phát triển Cộng đồng trong Hoạt động Khai khoáng*, năm 2012.
188. Ngân hàng Thế giới, *Hướng dẫn Thực hành Đầu tư Nông nghiệp Có Trách nhiệm (RAI)*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

189. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Ghi chú Hướng dẫn 6 Sức khỏe, *An toàn và An ninh Cộng đồng*, năm 2012.
190. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 4: Sức khỏe, *An toàn và An ninh Cộng đồng*, năm 2012.
191. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Mở ra Cơ hội cho Phụ nữ và Doanh nghiệp: Bộ công cụ gồm các Biện pháp và Chiến lược dành cho các Công ty Khai khoáng và Khai khoáng*, năm 2018.
192. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Báo cáo về Kinh tế và Xã hội: Khung và Hướng dẫn*, năm 2022.
193. Hiệp hội Khai khoáng Canada, *Nghị định thư về Mối quan hệ với Người địa phương và Cộng đồng của Sáng kiến Hướng tới Khai khoáng Bền vững (TSM)*, năm 2019.
194. Viện Quyền Con người Đan Mạch, *Hướng tới việc triển khai các dự án ngành khai thác có tính đến yếu tố giới tính*, năm 2019.
195. Sáng kiến Tài chính trong Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI), Công cụ Hướng dẫn về Quyền Con người dành cho Lĩnh vực Tài chính, Khai khoáng và Kim loại, https://www.unepfi.org/humanrightstoolkit/mining.php, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.11 Quyền của Người địa phương

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

196. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Người địa phương và Bộ lạc, năm 1989 (Số 169).
197. Liên hợp quốc (UN), Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người địa phương, 2007.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

198. T. E. Downing, J. Moles, I. McIntosh và C. Garcia-Downing, Người địa phương và những tương tác với hoạt động khai khoáng: Chiến lược và chiến thuật. IIED và WBCSD, Khai khoáng, Khoáng sản và Phát triển Bền vững, Báo cáo, 57, *41*, năm 2002.
199. Erica-Irene A. Daes, Liên hợp quốc (UN), *Chủ quyền vĩnh viễn của người địa phương đối với tài nguyên thiên nhiên: báo cáo cuối cùng của Báo cáo viên Đặc biệt*, năm 2004.
200. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Người địa phương và Khai khoáng: Hướng dẫn Thông lệ Tốt*, năm 2015.
201. J. Burger, Người địa phương, *Ngành Khai thác và Quyền Con người*, năm 2014.
202. Tổ chức Share, *Đầu tư vào năng lượng và khai khoáng*, năm 2022.
203. Hiệp hội Khai khoáng Canada (TSM), *Nghị định thư về Mối quan hệ với Người địa phương và Cộng đồng của Sáng kiến TSM*, năm 2021.
204. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), *Chính sách về việc tương tác với người địa phương của UNESCO*, năm 2018.
205. Hội đồng về Quyền Con người (HRC) của Liên hợp quốc, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của người địa phương năm 1972, James Anaya, *Các ngành khai thác và người địa phương*, năm 2013.
206. Hội đồng về Quyền Con người (HRC) của Liên hợp quốc, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của người địa phương, *James Anaya – Các ngành khai thác và người địa phương*, năm 2013.
207. Hội đồng về Quyền Con người của Liên hợp quốc, Nghị quyết của Đại Hội đồng: Chủ quyền vĩnh viễn đối với tài nguyên thiên nhiên, năm 1962 (Số 1803).
208. Diễn đàn Thường trực của Liên hợp quốc về các Vấn đề Người địa phương (UNPFII), *Đấu tranh chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái người địa phương: điều 22 trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người địa phương*, năm 2012.
209. Diễn đàn Thường trực của Liên Hợp Quốc về các Vấn đề Người địa phương (UNPFII), Báo cáo cuộc họp nhóm

chuyên gia quốc tế về các ngành khai thác, *quyền của Người địa phương và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*, năm 2009.

Nguồn tài liệu:

210. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 7: Người địa phương*, năm 2012.
211. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 8: Di sản Văn hóa, 2006.

Chủ đề 14.12 Quyền đối với đất đai và tài nguyên

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

212. Liên minh Châu Âu và Nhóm Khung Liên cơ quan về Hành động Phòng ngừa của Liên hợp quốc, *Bộ công cụ và Hướng dẫn về Ngăn ngừa và Quản lý Xung đột về Đất đai và Tài nguyên Thiên nhiên: Đất đai và Xung đột*, năm 2012.
213. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác có Ý nghĩa với các Bên liên quan trong Ngành Khai thác*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

214. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED), Thu hồi đất và các quyền, https://www.iied.org/theme/land-acquisitions-rights, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
215. P. D. Cameron và M. C. Stanley, *Khai khoáng và Khai khoáng: Cẩm nang Nắm bắt Ngành Khai thác*, năm 2017.
216. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Khai khoáng và Khoáng sản*, năm 2019.
217. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Quản lý ngành khai khoáng vì phát triển bền vững*, năm 2018.
218. Văn phòng Cao ủy về Quyền con người của Liên hợp quốc, Đất đai và Quyền Con người, ohchr.org/EN/Issues/LandAndHR/Pages/LandandHumanRightsIndex.aspx, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

N
guồn tài liệu:

219. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Thu hồi Đất và Tái định cư*, năm 2015.
220. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 5: Thu hồi Đất và Tái định cư Không tự nguyện*, năm 2012.
221. Viện Quyền Con người Đan Mạch, *Hướng tới việc triển khai các dự án ngành khai thác có tính đến yếu tố giới tính*, năm 2019.
222. Sáng kiến Tài chính trong Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI), Công cụ Hướng dẫn về Quyền Con người dành cho Lĩnh vực Tài chính, Khai khoáng và Kim loại, https://www.unepfi.org/humanrightstoolkit/mining.php, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.13 Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

223. Hội nghị Quốc tế về Khai khoáng và Khai thác Đá Thủ công và Quy mô Nhỏ, *Phụ lục 1 Tuyên bố Mosi-oa-Tunya về Khai khoáng và Khai thác Đá Thủ công và Quy mô Nhỏ và Phát triển*, năm 2018.
224. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm từ khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao*, năm 2016.

Tài liệu tham khảo:

225. Liên minh Khai khoáng Có trách nhiệm (ARM), Trung tâm Geneva về Quản trị Lĩnh vực An ninh (DCAF), *Hướng dẫn Thiết thực về quyền con người và an ninh trong hoạt động ASM*, năm 2021.
226. Liên minh Khai khoáng Có trách nhiệm (ARM), *Nguyên tắc Cùng tồn tại Hòa bình giữa Chủ sở hữu Giấy phép Khai khoáng và Đơn Vị ASM*, năm 2020.
227. Trung tâm Geneva về Quản trị Lĩnh vực An ninh (DCAF), *Giải quyết các Thách thức về An ninh và Quyền Con người trong các Môi trường Phức tạp: Bộ công cụ Thiết thực*, năm 2022.
228. Ủy ban Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), *Xu hướng Toàn cầu*

trong Khai khoáng Thủ công và Quy mô Nhỏ (ASM): Tổng quan về các Số liệu và Vấn đề Chính, năm 2017.

229. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), Nguồn tài liệu Mới Xem xét ASM dưới Góc độ Giới tính của IGF, https://www.igfmining.org/announcement/asm-through-gender-lens/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
230. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Ngân hàng Thế giới, *Hợp tác cùng nhau: Cách tổ chức khai khoáng quy mô lớn có thể tương tác với đơn vị khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ*, năm 2010.
231. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED), *Khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ: Thách thức và cơ hội*, năm 2003.
232. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Khai thác vàng thủ công và quy mô nhỏ, https://www.oecd.org/corporate/mne/artisanal-small-scale-miner-hub.htm, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
233. Nhóm Ngân hàng Thế giới và PROFOR, *Khai khoáng Thông minh vì Rừng: Xác định các Yếu tố Liên quan đến Tác động của Hoạt động Khai khoáng Quy mô Lớn đối với Rừng*, năm 2019.
234. Ngân hàng Thế giới, Hiện trạng Ngành Khai khoáng Thủ công và Quy mô Nhỏ năm 2020, năm 2020,
235. Ngân hàng Thế giới, Khai khoáng Thủ công và Quy mô Nhỏ, https://www.worldbaorg/en/topic/extractiveindustries/brief/artisanal-and-small-scale-mining, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Nguồn tài liệu:

236. CRAFT, Bộ quy tắc giảm thiểu rủi ro trong khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ, https://www.craftmines.org/en/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
237. DELVE, Số lượng Người Làm việc trong ASM trên Toàn cầu, https://delvedatabase.org/data, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
238. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), *Hướng dẫn dành cho Chính phủ của IGF: Quản lý hoạt động khai khoáng thủ công và quy mô nhỏ*, năm 2017.
239. Viện Quyền Con người Đan Mạch, *Hướng tới việc triển khai các dự án ngành khai thác có tính đến yếu tố giới tính*, năm 2019.

Chủ đề 14.14 Thông lệ an ninh

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

240. Văn phòng Cao ủy về Quyền Con người (OHCR), *Nguyên tắc Cơ bản về việc Sử dụng Vũ lực và Súng của Viên chức Thực thi Luật*, năm 1990.
241. Văn phòng Cao ủy về Quyền Con người (OHCR), *Bộ quy tắc Ứng xử dành cho Viên chức Thực thi Luật*, năm 1979.
242. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao*, năm 2016.
243. Liên hợp quốc (UN), Tuyên bố về những người bảo vệ quyền con người, năm 1998 (Nghị quyết của Đại Hội đồng A/RES/53/144).
244. Liên hợp quốc (UN), Hiệp ước Escazú: Hiệp ước Khu vực về Khả năng Tiếp cận Thông tin, *sự Tham gia của Công chúng và Công lý trong các Vấn đề Môi trường ở Mỹ Latinh và Caribe*, năm 2018.

Tài liệu tham khảo:

245. Tổ chức Global Witness, *Thập kỷ thách thức*, năm 2022.
246. Viện Kinh doanh và Quyền con người (IHRB), *Từ Dấu Hiệu Xấu đến Tốt: Trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc Tôn trọng Quyền con người tại các Quốc gia có Rủi ro Cao*, năm 2011.
247. Hiệp hội Quy tắc Ứng xử (ICoCA), Trang chủ, https://icoca.ch/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
248. Văn phòng Cao ủy về Quyền Con người (OHCHR), *"Các công ty quân sự và an ninh tư nhân trong ngành khai thác – tác động đến quyền con người"*, năm 2017.

Nguồn tài liệu:

249. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC), Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) và Hiệp hội Bảo tồn Môi trường Ngành Khai khoáng Quốc tế (IPIECA), Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền Con người, *Công cụ hướng dẫn thực hiện (IGT)*, năm 2011.

250. Trung tâm Geneva về Quản trị Lĩnh vực An ninh (DCAF), Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC), *Bộ công cụ về An ninh và Quyền Con người*, năm 2022.
251. Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người, *Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người*, năm 2000.

Chủ đề 14.15 Quản lý sự cố nghiêm trọng

Tài liệu tham khảo:

252. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Quản lý kiểm soát quan trọng về sức khỏe và an toàn*, năm 2015.
253. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Các chỉ số hiệu suất về sức khỏe và an toàn, https://www.icmm.com/en-gb/guidance/health-safety/health-and-safety-performance-indicators, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
254. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Bộ quy tắc thực hành: An toàn và sức khỏe trong khai thác mỏ lộ thiên*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

255. Tổng quan Toàn cầu về Quặng đuôi, *Tiêu chuẩn Ngành Toàn cầu về Quản lý Quặng đuôi*, năm 2020.
256. Sáng kiến Đảm bảo Khai khoáng Có trách nhiệm (IRMA), “Chuẩn bị và Ứng phó Khẩn cấp”, “Lập kế hoạch và Tài trợ cho việc Cải tạo và Đóng cửa”, “Quản lý Chất thải và Vật liệu”, Tiêu chuẩn về Khai khoáng Có trách nhiệm, tập 1, trang 66-76, 122-130, 2018.
257. Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA), Tiêu chuẩn An toàn, https://www.iaea.org/resources/safety-standards, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.16 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

258. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về An toàn và Sức khỏe trong ngành Khai khoáng, năm 1995 (Số 176).
259. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Bạo lực và Quấy rối, năm 2019 (Số 190).
260. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Bộ quy tắc thực hành về an toàn và sức khỏe trong khai thác mỏ lộ thiên*, năm 2018.
261. Liên hợp quốc, Hệ thống Hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất (GHS), *Ấn bản Thứ chín*, năm 2021.

Tài liệu tham khảo:

262. Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC), Viện Quốc gia về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (NIOSH), Chủ đề Khai khoáng: Bệnh Đường hô hấp, cdc.gov/niosh/mining/topics/RespiratoryDiseases.html, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
263. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Các Chỉ số Hiệu suất về Sức khỏe và An toàn. https://www.icmm.com/en-gb/guidance/health-safety/health-and-safety-performance-indicators, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
264. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Phòng ngừa Trường hợp Tử vong: Tám bài học kinh nghiệm, https://www.icmm.com/en-gb/research/health-safety/fatality-prevention, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
265. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *An toàn và sức khỏe trong các mỏ than ngầm*, năm 2009.
266. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Phụ nữ trong ngành khai khoáng: Hướng tới bình đẳng giới*, năm 2021.
267. Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA), Bộ Lao động Hoa Kỳ, Silic Tinh thể: Tác động đến Sức khỏe, https://www.osha.gov/silica-crystalline/health-effects, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
268. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Khai khoáng và Khoáng sản: Báo cáo về Quyền con người của Phụ nữ*, năm 2019.
269. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Quản lý Ngành Khai khoáng vì Phát triển Bền vững*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

270. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Hướng dẫn thông lệ tốt về đánh giá rủi ro sức khỏe nghề nghiệp*, năm 2016.

Chủ đề 14.17 Các thực tiễn về việc làm

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

271. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tương tác với Bên liên quan: Sổ tay Hướng dẫn Thông lệ Tốt cho các Công ty Kinh doanh tại các Thị trường Đang nổi*, năm 2007.
272. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác Hiệu quả của các Bên liên quan trong Ngành Khai thác*, năm 2015.

Tài liệu tham khảo:

273. Trung tâm Tài nguyên Kinh doanh và Quyền Con người, *Châu Phi: Báo cáo phát hiện tình trạng không tuân thủ nghiêm trọng các Kế hoạch Lao động và Xã hội của ba công ty khai khoáng lớn*, năm 2022.
274. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Triển vọng Việc làm tại các Khu vực Khai khoáng*, năm 2020.
275. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Khai khoáng Bền vững. Cách các thông lệ tốt trong ngành khai khoáng đóng góp vào việc tạo ra nhiều việc làm hơn và việc làm tốt hơn*, năm 2017.
276. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Phụ nữ trong ngành khai khoáng: Hướng tới bình đẳng giới*, năm 2021.
277. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Quản lý Ngành Khai khoáng vì Phát triển Bền vững*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

278. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Báo cáo về Kinh tế và Xã hội: Khung và Hướng dẫn*, năm 2022.

Chủ đề 14.18 Lao động trẻ em

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

279. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia*, năm 2011.
280. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu, năm 1973 (Số 138).
281. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về các Hình thức Lao động Trẻ em Tồi tệ nhất, năm 1999 (Số 182).
282. Công ước của Liên hợp quốc (UN), *"Công ước về Quyền Trẻ em"*, năm 1989.
283. Bộ Lao động Hoa Kỳ, *Danh sách năm 2020 về Hàng hóa được Sản xuất bằng Lao động Trẻ em hoặc Lao động Cưỡng bức*, năm 2020.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

284. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Người sử dụng lao động Quốc tế (IOE), *Cách thức kinh doanh tôn trọng quyền của trẻ em không phải trở thành nạn nhân của lao động trẻ em: Công cụ hướng dẫn về lao động trẻ em dành cho doanh nghiệp của ILO-IOE*, năm 2015.
285. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Ước tính toàn cầu về lao động trẻ em. 2012-2016*, năm 2017.
286. Liên minh Lao động Quốc tế (ILO), *Lao động Trẻ em trong Ngành Khai khoáng và Chuỗi Cung ứng Toàn cầu*, năm 2019.
287. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Chuỗi cung ứng liên kết: Góc nhìn toàn diện về những thách thức và cơ hội trong việc thẩm định nguồn cung coban và đồng từ Cộng hòa Dân chủ Congo*, năm 2019.
288. Tổ chức Save the Children, Trung tâm vì Quyền Trẻ em và Doanh nghiệp, *Cơ hội để Doanh nghiệp Thúc đẩy Quyền Trẻ em trong Hoạt động Khai thác Coban Thủ công và Quy mô Nhỏ*, năm 2021.
289. Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Lập bản đồ rủi ro lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng toàn cầu: phân tích các ngành may mặc, *điện tử và nông nghiệp*, năm 2020.
290. Tổ chức Walk Free, Chỉ số Nô lệ Toàn cầu, https://www.walkfree.org/global-slavery-index/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
291. Quyền của Phụ nữ và Ngành Khai khoáng, Các Khía cạnh Giới tính của Lao động Trẻ em trong Ngành Khai khoáng là gì?, https://womenandmining.org/what-are-the-gender-dimensions-of-child-labour-in-mining, truy cập

ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Nguồn tài liệu:

292. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Các biện pháp thiết thực dành cho công ty nhằm xác định và giải quyết các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất trong chuỗi cung ứng khoáng sản*, năm 2017.

Chủ đề 14.19 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

293. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Lao động Cưỡng bức, năm 1930 (Số 19).
294. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn của OECD cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia*, năm 2011.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

295. Liên minh Khai khoáng Có trách nhiệm (ARM), *Giải quyết Vấn đề Lao động Cưỡng bức trong Khai khoáng Thủ công và Quy mô Nhỏ (ASM)*, năm 2014.
296. Chính phủ Úc, Đạo luật về Chế độ Nô lệ Hiện đại năm 2018, https://www.legislation.gov.au/Details/C2018A00153, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
297. Trung tâm Tài nguyên Kinh doanh và Quyền Con người, Vụ kiện Nevsun (liên quan đến mỏ Bisha, Eritrea), https://www.business-humanrights.org/en/latest-news/nevsun-lawsuit-re-bisha-mine-eritrea/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
298. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Giải quyết chế độ nô lệ hiện đại trong chuỗi cung ứng khai khoáng*, năm 2016.
299. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Ước tính Toàn cầu về Chế độ nô lệ Thời hiện đại*, năm 2017.
300. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Tổ chức Walk Free, Tổ chức Di trú Quốc tế (IOM), Ước tính Toàn cầu về Chế độ Nô lệ Hiện đại, *Lao động Cưỡng bức và Hôn nhân Cưỡng bức*, năm 2022.
301. M. Coderre-Proulx, B. Campbell, I Mandé và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Người lao động di trú quốc tế trong ngành khai khoáng*, năm 2016.
302. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, *Báo cáo về nạn Buôn người*, năm 2021.
303. Bộ Lao động Hoa Kỳ, *Danh sách năm 2020 về Hàng hóa được Sản xuất bằng Lao động Trẻ em hoặc Lao động Cưỡng bức*, năm 2020.
304. Tổ chức Walk Free, Chỉ số Nô lệ Toàn cầu, https://www.globalslaveryindex.org/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.20 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Tài liệu tham khảo:

305. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế về Thương lượng Tập thể, https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/collective-bargaining/lang--en/index.htm?msclkid=f4a489f1a63111ecbfd7ab27c4baa6a8, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
306. Quỹ Max Planck và BGR, *Rủi ro về Quyền Con người trong Khai khoáng: Nghiên cứu Cơ sở*, năm 2016.
307. Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc, Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, *Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, năm 2011.

Nguồn tài liệu:

308. Sáng kiến Đảm bảo Khai khoáng Có trách nhiệm (IRMA), "Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại và Tranh chấp và Khả năng Tiếp cận Biện pháp Khắc phục", Tiêu chuẩn về Khai khoáng Có Trách nhiệm, tập 1, *trang 31-34*, năm 2018.

Chủ đề 14.21 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

309. Liên hợp quốc (UN), Bình luận chung Số 20: Không phân biệt đối xử trong các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (điều 2, khoản 2 của Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, *Xã hội và Văn hóa)*, năm 2009.

Tài liệu tham khảo:

310. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Phụ nữ trong ngành khai khoáng: Hướng tới bình đẳng giới*, năm 2021.
311. Viện Quản trị Tài nguyên Quốc gia, *Giới tính và Quản trị Ngành Khai thác: Bài học từ các Khung Pháp lý và Chính sách Hiện hành*, năm 2021.
312. Tổ chức Oxfam International, *Tài liệu Quan điểm về Công bằng Giới và các Ngành Khai thác*, năm 2017.
313. Reuters, Bản tóm tắt: Cuộc điều tra của Úc về quấy rối tình dục trong ngành khai khoáng, ngày 23 tháng 6 năm 2022.
314. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Khai khoáng và Khoáng sản*, năm 2019.
315. Quyền của Phụ nữ và Ngành Khai khoáng, https://womenandmining.org/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
316. Ngân hàng Thế giới, *Các Khía cạnh Giới tính của Ngành Khai thác: Hướng tới Bình đẳng trong Khai khoáng*, năm 2009.

Nguồn tài liệu:

317. Sáng kiến Tài chính trong Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI), Công cụ Hướng dẫn về Quyền Con người dành cho Lĩnh vực Tài chính, Khai khoáng và Kim loại, https://www.unepfi.org/humanrightstoolkit/mining.php, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Chủ đề 14.22 Chống tham nhũng

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

318. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Công ước về Phòng chống Hối lộ Quan chức Nước ngoài trong các Giao dịch Kinh doanh Quốc tế và Các tài liệu Liên quan*, năm 1997.
319. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao*, năm 2016.

Tài liệu tham khảo:

320. E. Westenberg và A. Sayne, *Sàng lọc Quyền sở hữu Hưởng lợi: Các biện pháp Thiết thực để Giảm thiểu Rủi ro Tham nhũng trong Cấp phép Khai thác*, năm 2018.
321. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), *Giải quyết rủi ro tham nhũng thông qua việc thực hiện EITI*, năm 2021.
322. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), *Tờ thông tin: Công bố quyền sở hữu hưởng lợi*, năm 2017.
323. Cơ quan Chuyên trách Hành động Tài chính (FATF), *Hướng dẫn của FATF: Những người có ảnh hưởng chính trị (khuyến nghị 12 và 22)*, năm 2013.
324. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Cam kết Minh bạch Hợp đồng, https://www.icmm.com/en-gb/news/2021/new-commitment-contract-transparency, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
325. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tham nhũng trong Chuỗi Giá trị Ngành Khai thác: Phân loại Rủi ro, *các Biện pháp Giảm thiểu và Thưởng khuyến khích*, năm 2016.
326. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Câu hỏi Thường gặp: Cách giải quyết rủi ro hối lộ và tham nhũng trong chuỗi cung ứng khoáng sản*, năm 2021.
327. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Báo cáo về Hối lộ Nước ngoài của OECD: Phân tích Tội danh Hối lộ Quan chức Nước ngoài*, năm 2014.
328. Sayne, Gillies và Watkins, *Mười hai Dấu hiệu Cảnh báo: Rủi ro Tham nhũng trong việc Cấp phép và Ký kết Hợp đồng trong Ngành Khai thác*, năm 2017.
329. Tổ chức Transparency International, *Chống tham nhũng trong việc phê duyệt giấy phép khai khoáng*, năm 2017.
330. Tổ chức Transparency International, *Giảm thiểu rủi ro tham nhũng trong ngành khai khoáng*, năm 2019.
331. Westenberg và Sayne, *Sàng lọc Quyền sở hữu Hưởng lợi: Các biện pháp Thiết thực để Giảm thiểu Rủi ro Tham nhũng trong Cấp phép Khai thác*, năm 2018.
332. Williams và K. Dupuy, *Quyết định về thiên nhiên: Đánh giá tác động của tham nhũng và môi trường*, năm 2016.

Nguồn tài liệu:

333. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), *Tiêu chuẩn EITI 2023*, năm 2023.
334. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), Hướng dẫn Báo cáo dành cho các công ty mua dầu, *khí và khoáng sản từ chính phủ*, năm 2020.

Chủ đề 14.23 Các khoản phải nộp cho chính phủ

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

335. Nghị viện châu Âu, 'Chỉ thị 2013/34/EU của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 26 tháng 6 năm 2013 về báo cáo tài chính hằng năm, *báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo có liên quan của một số loại hình doanh nghiệp'*, năm 2013.
336. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực có Rủi ro Cao*, năm 2016.

Tài liệu tham khảo:

337. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), *Tờ thông tin: Báo cáo cấp dự án trong các ngành khai thác*, năm 2018.
338. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), Các Doanh nghiệp Nhà nước trong Ngành Khai khoáng và Khai khoáng Thượng nguồn, *Những Thách thức về Quản trị và Vai trò của các Chuẩn mực Báo cáo Quốc tế trong việc Cải thiện Hiệu quả Hoạt động*, năm 2018.
339. Diễn đàn Liên Chính phủ về Khai khoáng, Khoáng sản, Kim loại và Phát triển Bền vững (IGF), Nâng cao Năng lực của Chính phủ nhằm Đảm bảo các Lợi ích Tài chính từ Hoạt động Khai khoáng ở Mỹ Latinh, https://www.igfmining.org/secure-mining-financial-benefits-latin-america/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
340. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Tuyên bố Lập trường: Minh bạch Nguồn thu từ Khoáng sản*, năm 2021.
341. Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI), *Định giá Chuyển nhượng trong Ngành Khai khoáng: Ngăn ngừa Thất thu Thuế Thu nhập*, năm 2016.
342. Tổ chức Transparency International, *Ẩn dưới Bề mặt: Tìm hiểu các Khoản phải nộp cho Chính phủ của các Công ty Khai khoáng và Khai khoáng*, năm 2018.
343. Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), *Thực hành Khai thác Tốt*, năm 2018.

Nguồn tài liệu:

344. Sáng kiến Minh bạch trong Ngành Khai thác (EITI), *Tiêu chuẩn EITI 2023*, năm 2023.
345. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), Hướng dẫn Báo cáo dành cho các công ty mua dầu, *khí và khoáng sản từ chính phủ*, năm 2020.
346. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tài liệu về Định giá Chuyển nhượng và Báo cáo theo từng Quốc gia, Hành động 13 - Báo cáo Cuối cùng năm 2015, *Dự án Chống Xói mòn Cơ sở Thuế và Chuyển Lợi nhuận OECD/G20*, năm 2015.

Chủ đề 14.24 Chính sách công

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

347. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Hiệp định Paris*, năm 2015.

Tài liệu tham khảo:

348. Australia Institute, *Nền dân chủ của chúng ta bị làm suy yếu: Ảnh hưởng của các tập đoàn nước ngoài thông qua vận động hành lang ngành khai khoáng tại Úc*, năm 2017.
349. Influence Map, *BHP và Rio Tinto: Các Hiệp hội Ngành của Họ và Hoạt động Vận động Hành lang về Khí hậu*, năm 2020.
350. InfluenceMap, Hiệp hội thương mại và khí hậu: Các cổ đông lên tiếng, năm 2018, https://influencemap.org/report/Trade-associations-and-climate-shareholders-make-themselves-heardcf9db75c0a4e25555fafb0d84a152c23, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.

351. L. Leonard, Các Tập đoàn Khai khoáng, *Sự Can thiệp Dân chủ và Công lý Môi trường ở Nam Phi*, năm 2018.
352. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tham nhũng trong Chuỗi Giá trị Khai thác, 2016.
353. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Vận động Hành lang, https://www.oecd.org/corruption/ethics/lobbying/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
354. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Ngăn ngừa việc thao túng chính sách, *đảm bảo tính liêm chính trong việc ra quyết định công*, năm 2017.
355. Sidney Morning Herald, *Nhóm vận động hành lang ngành khai khoáng bảo vệ các mục tiêu xanh trong bối cảnh gây áp lực buộc BHP phải rút lui*, năm 2021.
356. Tổ chức Transparency International, *Chống tham nhũng trong việc phê duyệt giấy phép khai khoáng*, năm 2017.

Chủ đề 14.25 Khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

357. Liên minh Châu Âu, Danh sách chỉ dẫn, không đầy đủ về các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và khu vực có rủi ro cao theo Quy định (EU) 2017/821, https://www.cahraslist.net/cahras, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
358. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ các Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực Rủi ro Cao*, năm 2016.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

359. Hội Chữ thập đỏ Úc, Đại học RMIT, Kinh doanh có trách nhiệm trong bối cảnh xung đột vũ trang: Rủi ro, *Quyền và Trách nhiệm*, năm 2020.
360. Học viện Luật Nhân đạo Quốc tế và Quyền Con người Geneva, *Quy tắc Pháp trị trong Xung đột Vũ trang*, năm 2022.
361. Tổ chức International Alert, *Thẩm định quyền con người trong các bối cảnh bị ảnh hưởng bởi xung đột: Hướng dẫn dành cho ngành khai thác*, năm 2018.
362. Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), *Nâng cao Trách nhiệm Thẩm định về Quyền Con người đối với Doanh nghiệp trong Bối cảnh bị Ảnh hưởng bởi Xung đột: Hướng dẫn*, năm 2022.
363. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Từ Xung đột đến Xây dựng hòa bình: Vai trò của Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường*, năm 2009.

Nguồn tài liệu:

364. Hội Chữ thập đỏ Úc, *Bảy Chỉ số về Thông lệ Tốt nhất của Doanh nghiệp trong Luật Nhân đạo Quốc tế*, năm 2021.
365. Bộ quy tắc Giảm thiểu Rủi ro cho Hoạt động ASM tham gia Thương mại Chính thức (CRAFT), CRAFT là gì?, https://www.craftmines.org/en/what-is-craft/, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
366. Liên minh Châu Âu (EU) và Nhóm Khung Liên cơ quan về Hành động Phòng ngừa của Liên hợp quốc, *Bộ công cụ và Hướng dẫn về Ngăn ngừa và Quản lý Xung đột về Đất đai và Tài nguyên Thiên nhiên: Các Ngành Khai thác và Xung đột*, năm 2012.
367. Trung tâm Geneva về Quản trị Lĩnh vực An ninh (DCAF), Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC), Bộ công cụ về An ninh và Quyền Con người, https://www.securityhumanrightshub.org/toolkit/challenge-topics.html, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
368. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Các khu vực quản trị yếu - Công cụ nâng cao nhận thức rủi ro cho các doanh nghiệp đa quốc gia, https://www.oecd.org/daf/inv/mne/weakgovernancezones-riskawarenesstoolformultinationalenterprises-oecd.htm, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
369. Sáng kiến Khoáng sản Có trách nhiệm (RMI), *Quy trình Đảm bảo Khoáng sản Có trách nhiệm (RMAP)*, năm 2022.
370. Sáng kiến Khoáng sản Có trách nhiệm (RMI), *Quy trình Đảm bảo Khoáng sản Có trách nhiệm: Hướng dẫn Viết Báo cáo Thẩm định Công khai*, năm 2018.
371. Đại học Uppsala, Chương trình Dữ liệu Xung đột Uppsala, https://ucdp.uu.se/encyclopedia, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2023.
372. Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người, *Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người*, năm 2000.

PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org